

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án

XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ
CẦU BẾN DÈO GIÁP ĐƯỜNG ĐT638

Địa điểm: Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân

Hoài Ân, năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

của dự án

XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ
CẦU BẾN ĐỂ GIÁP ĐƯỜNG ĐT638

Địa điểm: Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân

CHỦ ĐẦU TƯ *Đu*
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỨC TỊCH
Nguyễn Xuân Phong

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
TỔNG HỢP HB
GIÁM ĐỐC
Trần Hợp Diệp

Hoài Ân, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH ẢNH	6
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
MỞ ĐẦU	8
1. Xuất xứ của dự án	8
1.1. Thông tin chung về dự án	8
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.....	8
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.....	9
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM).....	10
2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.....	10
2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án	12
2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.....	12
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	13
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	14
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM	14
5.1. Thông tin về dự án	17
5.1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	17
5.1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.....	17
5.1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo ĐTM	17
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	18
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	18
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư	19
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án.....	20

Chương 1	21
THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	21
1.1. Thông tin về dự án	21
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	23
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	27
1.4. Công nghệ vận hành.....	29
1.5. Biện pháp tổ chức thi công.....	31
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	33
Chương 2	38
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG	38
MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	38
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	38
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.....	42
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	45
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	46
Chương 3	47
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	47
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng	47
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	89
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	93
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo	95
Chương 4	98
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	98
Chương 5	99
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	99
5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	99
5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án.....	102
Chương 6	103
KẾT QUẢ THAM VẤN	103

I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG.....	103
6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	103
II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN (theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).....	103
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	104
1. Kết luận.....	104
2. Kiến nghị.....	104
3. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	106
PHỤ LỤC.....	107

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh sách các thành viên tham gia thực hiện.....	13
Bảng 1.1. Hiện trạng sử dụng đất của dự án	Error! Bookmark not defined.
Bảng 1.2. Khối lượng các nguyên vật liệu	27
Bảng 1.3. Danh mục nhu cầu nhiên liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng	28
Bảng 1.4. Danh mục thiết bị, máy móc dự kiến trong giai đoạn thi công dự án	28
Bảng 1.5. Thời gian thi công xây dựng dự án.....	33
Bảng 1.6. Tiến độ dự kiến cụ thể từng hạng mục	33
Bảng 1.7. Trách nhiệm của các đơn vị tổ chức liên quan, thực hiện dự án	34
Bảng 2.1. Thống kê nhiệt độ trung bình trong năm (Đơn vị: °C)	38
Bảng 2.2 Thống kê độ ẩm trung bình trong năm (Đơn vị: %)	39
Bảng 2.3. Thống kê lượng mưa các tháng trong năm (Đơn vị: mm).....	39
Bảng 2.4. Thống kê số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ).....	40
Bảng 2.5. Vận tốc gió trung bình các tháng trong năm.....	41
Bảng 2.6. Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh	42
Bảng 2.7. Kết quả thử nghiệm chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án.....	42
Bảng 2.8. Vị trí lấy mẫu nước mặt	43
Bảng 2.9. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước mặt	43
Bảng 3.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải	48
Bảng 3.2. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường mỗi ngày (chưa qua xử lý).....	50
Bảng 3.3. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn	51
Bảng 3.4. Tính toán lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp	54
Bảng 3.5. Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào đắp công trình	55
Bảng 3.6. Tải lượng ô nhiễm do quá trình vận chuyển đất đắp	56
Bảng 3.7. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển.....	57
Bảng 3.8. Khối lượng đất, xà bần vận chuyển đổ thải	58
Bảng 3.9. Tải lượng ô nhiễm của khí thải từ quá trình vận chuyển đổ thải	58
Bảng 3.10. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển.....	59
Bảng 3.11. Hệ số ô nhiễm các loại xe	59
Bảng 3.12. Tải lượng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng	60
Bảng 3.13. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển.....	61
Bảng 3.14. Thành phần bụi khói một số que hàn.....	62
Bảng 3.15. Lượng khí thải phát sinh trong quá trình hàn	62
Bảng 3.16. Khối lượng CTNH, CTRKS phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng	64
Bảng 3.17. Mức ồn sinh ra từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công	66

Bảng 3.18. Mức ồn tổng do các phương tiện thi công gây ra.....	67
Bảng 3.19. Mức rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị	68
Bảng 3.21. Nguồn gây ô nhiễm, đối tượng và thời gian bị tác động.....	89
Bảng 3.22. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	93
Bảng 3.23. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình BVMT	95
Bảng 3.24. Các phương pháp sử dụng trong báo cáo	96
Bảng 5.1. Tổng hợp chương trình QLMT	99

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Vị trí mối liên hệ của dự án với các dự án lân cận trên địa bàn.....	10
Hình 1.1. Vị trí dự án	21
Hình 1.2. Vị trí các tuyến mương bị ảnh hưởng	22
Hình 1.3. Mặt cắt ngang đoạn từ km 0+00 đến km 0+205,73	23
Hình 1.4. Mặt cắt ngang đoạn từ km 0+205,73 đến điểm cuối.....	23
Hình 1.5. Bình đồ tuyến của dự án.....	25
Hình 1.6. Vị trí bố trí công trình thi công	26
Hình 1.7. Quy trình thi công, xây dựng tuyến đường	30
Hình 2.1. Vị trí lấy mẫu hiện trạng khu vực thực hiện dự án	44
Hình 3.1. Vị trí xây dựng công thoát nước tuyến mương hoàn trả	87
Hình 3.2. Mặt cắt điển hình xây dựng tuyến mương hoàn trả	87

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

B

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTXM	Bê tông xi măng

C

COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRKS	CTR cần kiểm soát

Đ

ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐTV	Động thực vật

G

GPMB	Giải phóng mặt bằng
------	---------------------

H

HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
------	------------------

K

KT	Kích thước
KS	Kiểm soát

N

NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
NH	Nguy hại

P, Q

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCTT-TKCN	Phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn
PTNT	Phát triển nông thôn
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QĐ-TTg	Quyết định - Thủ tướng
QL	Quốc lộ
QLXDCT	Quản lý xây dựng công trình
QLMT	Quản lý môi trường

T, U

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TVGS	Tư vấn giám sát
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Tuyến đường Ân Phong đi Ân Tường Đông đã được đầu tư xây dựng đạt chuẩn kỹ thuật đường cấp IV đồng bằng, bề rộng nền đường 9m, bề rộng mặt đường 7m. Với điểm đầu giáp tuyến đường ĐT.630 thuộc thị trấn Tăng Bạt Hồ và điểm cuối giáp ĐT638 thuộc xã Ân Tường Đông. Tuy nhiên nút giao thông cuối tuyến chưa xây dựng nâng cấp, mở rộng vì vướng công tác GPMB bề rộng nền đường chỉ có 5,5m và bán kính nhỏ không đảm bảo tầm nhìn, gây mất an toàn giao thông cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên tuyến. Do đó, việc đầu tư xây dựng nút giao thông là cần thiết và cấp bách.

Từ đó, UBND huyện Hoài Ân ra quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dẻo giáp đường ĐT638 với mục tiêu nằm kết nối đồng bộ về mặt kỹ thuật với các công trình lân cận, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Dự án “Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dẻo giáp đường ĐT638 thuộc dự án xây dựng hạ tầng giao thông, dự án nhóm C và có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích nhỏ hơn 10ha, thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh theo quy định của Luật đất đai số 45/2013/QH13. Căn cứ theo Luật số 72/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dẻo giáp đường ĐT638 thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trình Sở TN&MT thẩm định, phê duyệt.

UBND huyện Hoài Ân tiến hành lập báo cáo ĐTM của dự án với sự tư vấn của Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp HB. Từ đó, dự báo được những tác động và sự cố môi trường có thể xảy ra, đồng thời đưa ra các biện pháp hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực trong suốt quá trình thực hiện dự án. Việc lập báo cáo ĐTM giúp Chủ đầu tư phân tích, đánh giá các tác động có lợi, có hại, trực tiếp, gián tiếp, trước mắt và lâu dài trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án. Qua đó, lựa chọn và đề xuất phương án tối ưu nhằm hạn chế, ngăn ngừa và xử lý các tác động tiêu cực, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường do Nhà nước quy định đưa dự án vào hoạt động trên tiêu chí phát triển và bền vững.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: UBND huyện Hoài Ân.

- Cơ quan phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật: UBND huyện Hoài Ân.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

1.3.1. Sự phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về môi trường

a. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Mục tiêu, quy mô kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường của dự án được thực hiện phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

b. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, các quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng: Dự án nằm trong kế hoạch đầu tư tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Hoài Ân.

Theo Điều 22, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, dự án “Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dẻo giáp đường ĐT 638” không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải do không đi qua các khu vực khu dân cư nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt; không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên...

1.3.2. *Mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan*

Dự án “Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dẻo giáp đường ĐT638” là nút cuối của tuyến đường Ân Phong đi Ân Tường Đông đã được đầu tư đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp IV đồng bằng, bề rộng nền đường 9m, bề rộng mặt đường 7m.



Hình 1. Vị trí mối liên hệ của dự án với các dự án lân cận trên địa bàn

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

2.1.1. Các văn bản pháp luật

a. Các văn bản pháp luật liên quan đến lập báo cáo ĐTM

- Luật số 72/2020/QH14, ngày 17/01/2020, Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022, Thông tư của Bộ TN&MT quy định chi tiết, thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

b. Văn bản liên quan đến môi trường và sử dụng đất

- Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008, Luật Giao thông đường bộ.
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, ngày 24/02/2010, Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Luật số 28/2023/QH15, ngày 27/11/2023, Luật Tài nguyên nước.
- Luật số 40/2013/QH13, ngày 22/11/2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Luật số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013, Luật Đất đai.
- Thông tư số 20/2017/TT-BGTVT, ngày 21/6/2015, Thông tư quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT, ngày 24/07/2015, Thông tư quy định về BVMT trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.
- Luật số 32/VBHN-VPQH, ngày 10/12/2018, Luật Đa dạng sinh học.
- Luật số 39/2019/QH14, ngày 13 tháng 6 năm 2019, Luật Đầu tư công.
- Luật số 62/2020/QH14, ngày 17/06/2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014.
- Luật số 61/2020/QH14, ngày 17/06/2020, Luật Đầu tư.
- Nghị định số 117/2022/NĐ-CP, ngày 22/12/2021, Nghị định quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP, ngày 22/12/2021, Nghị định quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP, ngày 18/12/2010, Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/03/2021, Nghị định quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, ngày 24/05/2021, Nghị định quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.
- Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT, ngày 24/7/2015, Thông tư quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015, Thông tư quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Thông tư số 24/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016, Thông tư quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc.
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD, ngày 16/5/2017, Thông tư quy định về quản lý CTR xây dựng.
- Thông tư 02/2018/TT-BXD, ngày 06/02/2018, Thông tư quy định về BVMT trong thi công, xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác BVMT ngành Xây dựng.
- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT, ngày 29/06/2020, Thông tư quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT, ngày 30/06/2021, Thông tư quy định về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND, ngày 11/11/2021, Quyết định của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định phân vùng phát thải khí thải và xả thải nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn từ năm 2021 - 2025.

- Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT, ngày 28/02/2022, Thông tư quy định về kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c./ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - yêu cầu thiết kế.

- TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế.

- TCCS 14: 2016/TCĐBVN - Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ thi công trên đường bộ đang khai thác.

- 22 TCN 211 - 06 - Quy trình thiết kế áo đường mềm.

- TCXDVN 13606:2023: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài Ân về dự kiến danh mục và kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 và giao Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C.

- Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện Hoài Ân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Đèo giáp đường ĐT638.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

- Các bản vẽ thiết kế của dự án.

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án.

- Các số liệu đo đạc, khảo sát, quan trắc và phân tích hiện trạng chất lượng môi trường nền nơi thực hiện dự án.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Các bước tiến hành triển khai đánh giá tác động môi trường

- Bước 1: Xây dựng đề cương chi tiết báo cáo ĐTM của dự án.
- Bước 2: Tổ chức thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, KT-XH khu vực dự án.
- Bước 3: Tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, hiện trạng môi trường các khu vực lân cận, có khả năng chịu tác động, ảnh hưởng đến môi trường của dự án.

- Bước 4: Xây dựng báo cáo ĐTM.
- Bước 5: Tiến hành tham vấn cộng đồng, xin ý kiến đóng góp của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.

- Bước 6: Chủ dự án và đơn vị tư vấn thông qua báo cáo ĐTM lần cuối, hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án.

- Bước 7: Trình hồ sơ báo cáo ĐTM lên Sở TN&MT tỉnh Bình Định thẩm định.
- Bước 8: Giải trình nội dung báo cáo ĐTM với cơ quan thẩm định.
- Bước 9: Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo theo ý kiến của cơ quan thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

- UBND huyện Hoài Ân là cơ quan chủ trì xây dựng báo cáo ĐTM của dự án; Công ty TNHH Tư vấn tổng hợp HB là đơn vị tư vấn, chịu trách nhiệm về việc xác định các thông số môi trường, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, KT-XH khu vực dự án, hợp đồng với đơn vị chức năng đo quan trắc hiện trạng môi trường, tư vấn cho những giải pháp nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ dự án.

- Báo cáo ĐTM được hai cơ quan tổ chức hội thảo, xem xét và chỉnh sửa trước khi trình Sở TN&MT thẩm định và UBND tỉnh Bình Định phê duyệt.

Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Ân

- Địa chỉ: Số 04 Lê Duẩn, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
- Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Phong Chức vụ: Phó chủ tịch

Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện Hoài Ân

- Địa chỉ: Số 04 Lê Duẩn, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
- Đại diện: Ông Nguyễn Phong Lưu Chức vụ: Phó Giám đốc




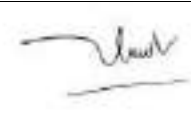
Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn tổng hợp HB

- Địa chỉ: 111 Ngô Gia Tự, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Liên hệ: 0967624545
- Đại diện: Ông Trần Hợp Điệp Chức vụ: Giám đốc

Các thành viên tham gia thực hiện báo cáo ĐTM:

Bảng 1. Danh sách các thành viên tham gia thực hiện

TT	Họ và tên	Chức vụ/ học vị	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Ân			
1	Nguyễn Xuân Phong	P. Chủ tịch	Chủ trì thực hiện dự án	
II	Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện Hoài Ân			
1	Nguyễn Phong Lưu	P. Giám đốc	Chỉ đạo chung	
2	Huỳnh Xuân Hoàng	Cán bộ quản lý dự án	Quản lý dự án, phối hợp Đơn vị tư vấn thực hiện báo cáo ĐTM	
III	Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH tư vấn tổng hợp HB			
1	Trần Hợp Điệp	Giám đốc	Chịu trách nhiệm chung	
2	Lê Thị Thùy Trang	Thạc sỹ Quản lý tài nguyên và môi trường	Thực hiện nội dung báo cáo	
3	Nguyễn Thế Hưng	Cử nhân quản lý tài nguyên môi trường, Thạc sỹ quản lý kinh tế	Khảo sát hiện trạng, thực hiện nội dung tham vấn và viết báo cáo	
4	Huỳnh Công Thạch	Cử nhân quản lý tài nguyên môi trường	Phối hợp thực hiện tham vấn đánh giá tác động môi trường	

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Các phương pháp ĐTM

4.1.1. Phương pháp liệt kê mô tả

Phương pháp được thực hiện nhằm liệt kê mô tả các tác động lên các thành phần môi trường và các đối tượng kinh tế xã hội. Thông qua mỗi ô trong bảng liệt kê sẽ xác định được nguồn gây tác động, thời gian và phạm vi ảnh hưởng của các tác động trong quá trình hoạt động hiện tại và điều chỉnh, mở rộng xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án.

Vị trí áp dụng của phương pháp trong báo cáo:

+ Chương 1: Liệt kê mô tả hiện trạng khu vực thực hiện Dự án, liệt kê mô tả các hạng mục xây dựng, các công trình bảo vệ môi trường tại các cơ sở, doanh nghiệp hiện hữu trong Dự án.

+ Chương 3: Liệt kê các nguồn phát thải, đối tượng bị tác động trong 02 giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án.

4.1.2. Phương pháp đánh giá nhanh

Phương pháp được sử dụng và đánh giá là rất hữu dụng trong việc xác định nhanh và dự báo hàm lượng, tải lượng của các chất ô nhiễm (không khí, nước...) dựa trên các số liệu có được từ Dự án. Trên cơ sở hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thiết lập nhằm tính tải lượng các chất ô nhiễm từ các hoạt động của Dự án và đề xuất các biện pháp giảm thiểu. Các thông số và kết quả từ WHO là đáng tin cậy, phục vụ đắc lực trong công tác đánh giá và dự báo các tác động xấu có thể xảy ra.

Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở các nội dung chương 3:

- Áp dụng hệ số ô nhiễm trong khí thải của WHO để tính toán tải lượng ô nhiễm các thông số ô nhiễm trong khí thải từ hoạt động vận chuyển, hoạt động giao thông các phương tiện trong giai đoạn thi công, xây dựng.

- Áp dụng hệ số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của WHO để tính toán tải lượng ô nhiễm các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt công nhân trong giai đoạn thi công, xây dựng.

4.1.3. Phương pháp so sánh

Phương pháp được sử dụng dùng để so sánh, đánh giá các tác động trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường ở Việt Nam. Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở các hạng mục so sánh tính chất nước thải, khí thải phát sinh từ các giai đoạn của Dự án với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành để đánh giá mức độ ô nhiễm của các tác nhân này.

Vị trí áp dụng của phương pháp trong báo cáo:

+ Chương 2: So sánh đánh giá chất lượng môi trường nền khu vực thực hiện Dự án về không khí xung quanh, đa dạng sinh học với quy chuẩn hiện hành.

+ Chương 3: So sánh nồng độ, tải lượng các chất ô nhiễm được đánh giá, dự báo theo quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Phương pháp phân tích hệ thống

Phương pháp được áp dụng khá phổ biến trong phân tích môi trường. Phương pháp này xem xét các nguồn thải, nguồn gây tác động, đối tượng bị tác động,... các phần tử trong một hệ thống có mối quan hệ mật thiết với đặc điểm của Dự án như quy mô hạng mục công trình, công năng công trình trong Dự án. Khi một yếu tố nhỏ trong hệ thống thay đổi thì cả tổng thể hệ thống sẽ thay đổi theo. Nếu xét trên hệ thống lớn thì khu vực Dự án được xem là một bộ phận của vùng huyện Hoài Ân, đặc biệt là quần thể dân cư và

sinh thái dưới nước (sông Cạn) đoạn qua Dự án, và cả nước, nếu xét cấp thấp hơn thì khu vực Dự án bao gồm các hệ thống con (xã, thôn...).

Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở chương 2 và chương 3, khi tiến hành phân tích hiện trạng môi trường nền của Dự án và xác định, phân tích, đánh giá, dự báo tác động môi trường cho giai đoạn thi công, xây dựng và hoạt động Dự án.

4.2. Các phương pháp khác

4.2.1. Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường

Khảo sát hiện trường là điều kiện bắt buộc khi thực hiện công tác ĐTM để xác định hiện trạng khu đất thực hiện Dự án, nhằm làm cơ sở cho việc đo đạc, lấy mẫu phân tích cũng như làm cơ sở cho việc đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường... Do đó, quá trình khảo sát hiện trường càng tiến hành chính xác và đầy đủ sẽ giúp cho Chủ Dự án nhận dạng các nguồn gây tác động và các tác động môi trường tương ứng cho từng hoạt động của Dự án.

Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở các hạng mục: Điều tra, khảo sát hiện trạng địa lý tự nhiên, điều kiện KT-XH, hiện trạng môi trường, tài nguyên sinh vật và sự tương quan với các Dự án khác khu vực lân cận.

4.2.2. Phương pháp đo đạc, thu mẫu và phân tích mẫu

Việc lấy mẫu và phân tích mẫu của các thành phần môi trường là không thể thiếu trong việc xác định và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền tại khu vực thực hiện Dự án. Sau khi khảo sát hiện trường, chương trình lấy mẫu và phân tích mẫu sẽ được tạo lập với các nội dung chính như: Vị trí lấy mẫu, thông số môi trường đo đạc và phân tích, nhân lực, thiết bị và dụng cụ cần thiết, thời gian thực hiện, kế hoạch bảo quản mẫu, kế hoạch phân tích...

Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở chương 2: Hiện trạng môi trường nền khu vực Dự án

4.2.3. Phương pháp kế thừa và tổng hợp tài liệu

Phương pháp kế thừa và tổng hợp tài liệu là một trong những phương pháp không thể thiếu trong công tác ĐTM nói riêng và công tác nghiên cứu khoa học nói chung. Kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có là thực sự cần thiết vì khi đó sẽ kế thừa các kết quả đã đạt được trước đó, đồng thời, phát triển tiếp những mặt còn hạn chế và tránh những sai lầm. Bên cạnh đó, việc tham khảo các tài liệu chuyên ngành liên quan đến Dự án, có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng, phân tích và đánh giá các tác động môi trường có hiệu quả hơn.

Phương pháp được sử dụng trong báo cáo ở

+ Chương 3: Đánh giá các tác động môi trường và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của Dự án.

+ Chương 5: Chương trình quản lý và giám sát môi trường.

Các phương pháp trên là đáng tin cậy và đủ các tài liệu có liên quan, phù hợp với quy trình thực hiện ĐTM.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Đèo giáp đường ĐT638.
- Địa điểm thực hiện: Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Hoài Ân.

5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

📌 Phạm vi:

- Điểm đầu: Giáp Cầu Bến Đèo.
- Điểm cuối: Giáp đường ĐT638 có lý trình Km52+870.

📌 Quy mô:

- Tốc độ thiết kế $V=60\text{km/h}$
- Chiều dài tuyến khoảng $L=266\text{m}$.
- Bề rộng nền đường $B_n=9\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường $B_m=7$,
- Độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$.
- Bề rộng lề đường $B_n=2 \times 1=2\text{m}$
- Độ dốc ngang lề đường: $i_l=4\%$
- Kết cấu nền mặt đường: nền đường đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95, mặt đường lu tăng cường khuôn đường đạt K98, lót giấy dầy, đổ BTXM mặt đường M300, đá 2x4.

5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

5.1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

5.1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng 100m^2 .

5.1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động, bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt, CTNH có dán nhãn cảnh báo.

5.1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo ĐTM

Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

5.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng

100m².

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh khoảng 1 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

5.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

5.3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

5.3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của công nhân phục vụ dự án phát sinh CTR sinh hoạt khối lượng khoảng 15kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Thực bì do quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng khối lượng phát sinh 100kg.

- Hoạt động bóc phong hóa hữu cơ nền đường phát sinh khoảng 615,14m³.

- Hoạt động cắt bỏ đoạn bê tông đầu và cuối tuyến 16,68m³.

5.3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh CTNH, CTCN PKS (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng....) với khối lượng khoảng 30kg/suốt thời gian thi công.

5.3.3. Tiếng ồn và độ rung

Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

5.4.4.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: Lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

5.4.4.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày vào các thời điểm 9h00 sáng và 16h00 chiều, cam kết bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: Vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và khô để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: Sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa, đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

5.4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- CTR sinh hoạt: Đặt thùng 01 thu gom rác 120 lít, có nắp đậy kín tại công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- CTR xây dựng:

+ Đất bóc phong hóa được đổ thải tại thửa đất thuộc xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân.

+ Các chất thải rắn khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng địa phương và thu gom và xử lý theo đúng quy định

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa CTNH chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại công trường; tập kết tại kho lưu chứa

CTNH tạm thời diện tích khoảng 5m² tại công trường theo đúng quy định.

5.4.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

5.4.2.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, GPMB, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, GPMB, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các khu vực thi công các đoạn đường mới để đảm bảo vấn đề thoát nước mưa xung quanh dự án.
- Thi công hoàn trả các tuyến mương phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.
- Đảm bảo an toàn giao thông: Thực hiện phân luồng giao thông, lắp đặt các đèn, biển báo và bảng hạn chế tốc độ qua khu vực thi công dự án.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của CTR sinh hoạt, CTR xây dựng và CTNH phát sinh.

- Quản lý CTR, CTNH theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý CTR, CTNH có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.5.2. Giai đoạn hoạt động

Không thực hiện.

Chương 1

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ CẦU BẾN ĐẸO GIÁP ĐƯỜNG ĐT.638

(được gọi tắt là dự án)

1.1.2. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án

- Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Ân.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện Hoài Ân
- Địa chỉ: xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Đại diện: Ông Nguyễn Phong Lưu Chức vụ: Phó Giám đốc
- Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 - 2024 và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

- Điểm đầu dự án: giáp cầu Bến Dẻo.
- Điểm cuối dự án: giáp đường ĐT638 có lý trình Km 52+870.
- Tổng chiều dài tuyến: L = 266m.



Hình 1.1. Vị trí dự án

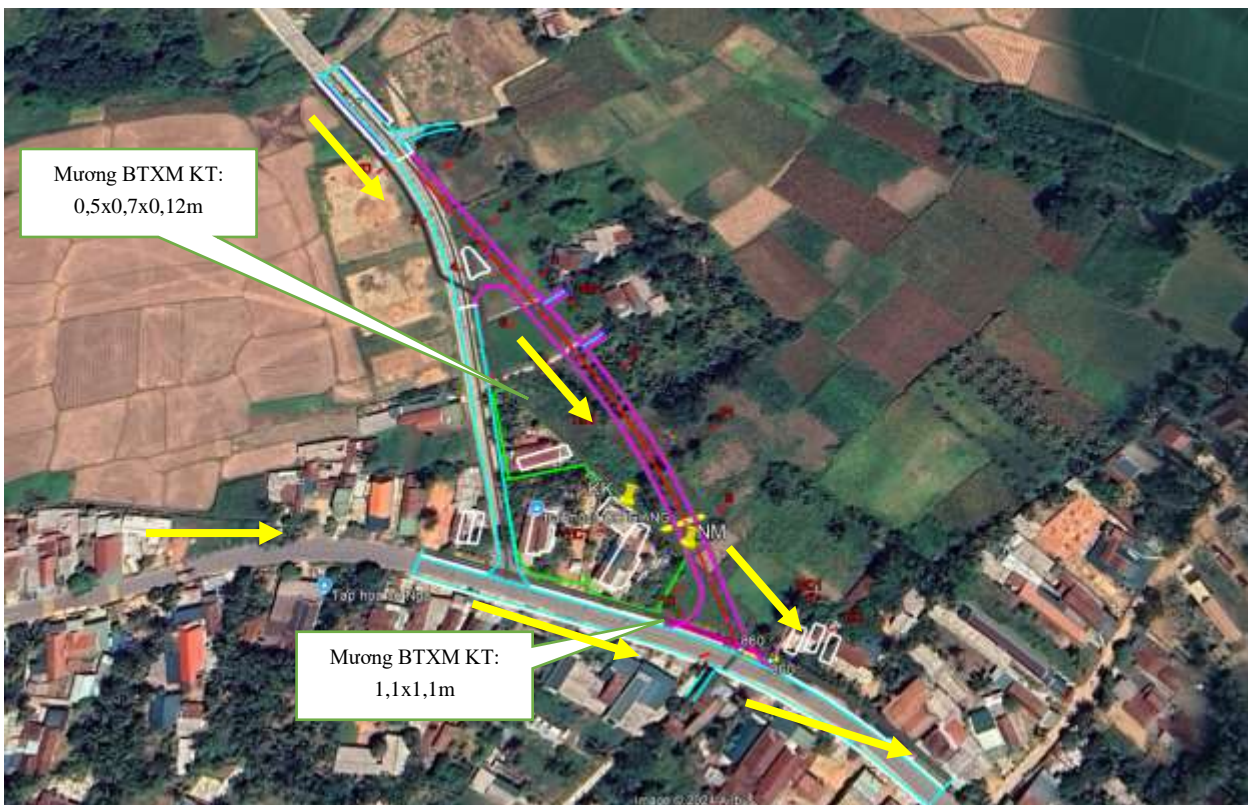
Đoạn từ Km0+00 – Km0+262.00 toàn bộ hướng tuyến được thiết kế mới hoàn toàn trên nền đất ruộng, hầu hết địa hình đoạn tuyến đều nằm trên mặt bằng đất nông nghiệp

đang canh tác kết hợp bờ kênh, bờ ruộng hiện có nên địa hình tương đối bằng phẳng. Dọc theo khu vực tuyến đi qua có hệ thống kênh mương thủy lợi chảy song song hoặc cắt ngang qua tuyến, phục vụ cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp cụ thể:

- Địa hình: cao độ địa hình hiện trạng có độ dốc từ Bắc xuống Nam cao độ dao động từ 21,43m đến 23,74m.

- Hiện trạng thoát nước: hướng thoát nước của khu vực từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông theo địa hình tự nhiên.

- Hệ thống kênh mương phạm vi ranh giới dự án có làm ảnh hưởng đến hệ thống mương tưới bằng BTXM KT 0,5x0,7x0,12m vị trí đoạn cuối tuyến và điểm cuối tuyến giao với đường ĐT.638 dự án có ảnh hưởng đến kênh mương KT 1,1x1,1m. chủ dự án sẽ thực hiện hoàn trả tuyến mương theo đúng kích thước ban đầu và tại vị tuyến đường đi bố trí cống qua đường.



Hình 1.2. Vị trí các tuyến mương bị ảnh hưởng

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

Khu vực thực hiện dự án chủ yếu là đất hiện trạng tuyến đường, đất trồng cây lâu năm, đất kênh mương thủy lợi, đất lúa và một số loại đất khác.

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án, phạm vi đánh giá tác động môi trường

1.1.6.1. Mục tiêu của dự án

Xây dựng nút giao thông từ cầu Bến Dèo đến giáp ĐT638 nhằm kết nối đồng bộ về mặt kỹ thuật với các công trình lân cận. Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giảm thiểu tai nạn giao thông

1.1.7.2. Quy mô của dự án

- Đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp IV đồng bằng, với các thông số chủ yếu như sau:

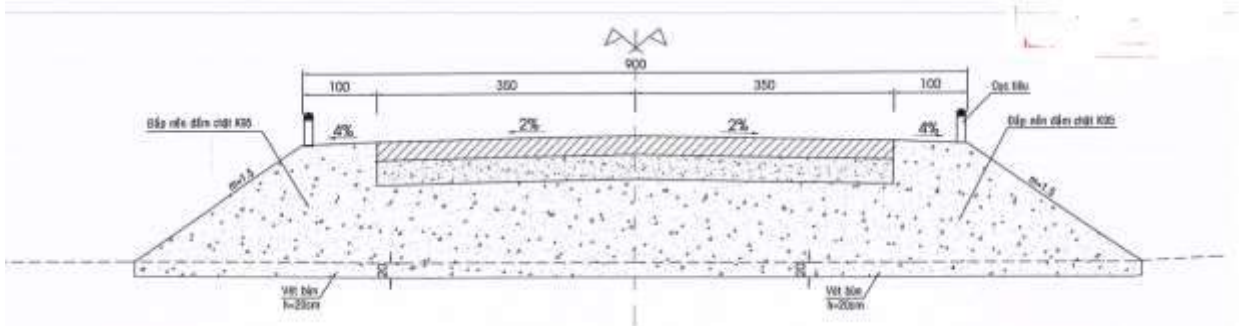
- + Chiều dài tuyến $L=266\text{m}$.
- + Bề rộng nền đường $B_n=9\text{m}$.
- + Tốc độ thiết kế 60km/h .

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

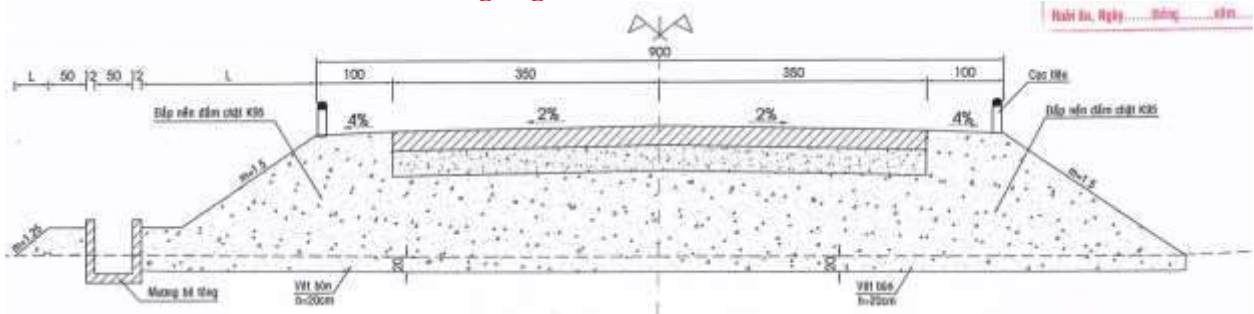
1.2.1. Các hạng mục công trình chính

1.2.1.1. Phần đường

- Tốc độ thiết kế: $V = 60\text{km/h}$.
- Chiều dài tuyến đường khoảng 266km .
- Bề rộng nền đường 9m
- Bề rộng mặt đường 7m .
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Bề rộng lề đường 2m
- Độ dốc ngang lề đường 4% .
- Kết cấu: nền đường đắp bằng đất cấp phối đôi đầm chặt K95, mặt đường lu tăng cường khuôn đường đạt K98, lót giấy dày, đổ BTXM mặt đường M300, đá 2×4 .



Hình 1.3. Mặt cắt ngang đoạn từ km 0+00 đến km 0+205,73



Hình 1.4. Mặt cắt ngang đoạn từ km 0+205,73 đến điểm cuối

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

❖ Công trình thoát nước ngang

- Xây dựng mới 01 công hộp KT: $(1,1 \times 1,3)\text{m}$ tại lý trình Km0+257,21. Kết cấu lót

móng công bạt nhựa và lớp bê tông M150 đá 2x4, hố ga đổ bê tông M200 đá Dmax40mm, thân công vuông BTCT M300 đá Dmax20mm, tấm đan hố ga đổ BT M250 đá Dmax40.

- Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi phía thượng lưu KT: (1,1x1,1)m, kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t=25cm và xây dựng mới 1 lưới chắn rác. Phía hạ lưu xây dựng hoàn trả 1 dộc nước kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t=25cm, đồng thời tiếp giáp giữa mương hiện trạng và mương mới bố trí khe lún giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp.

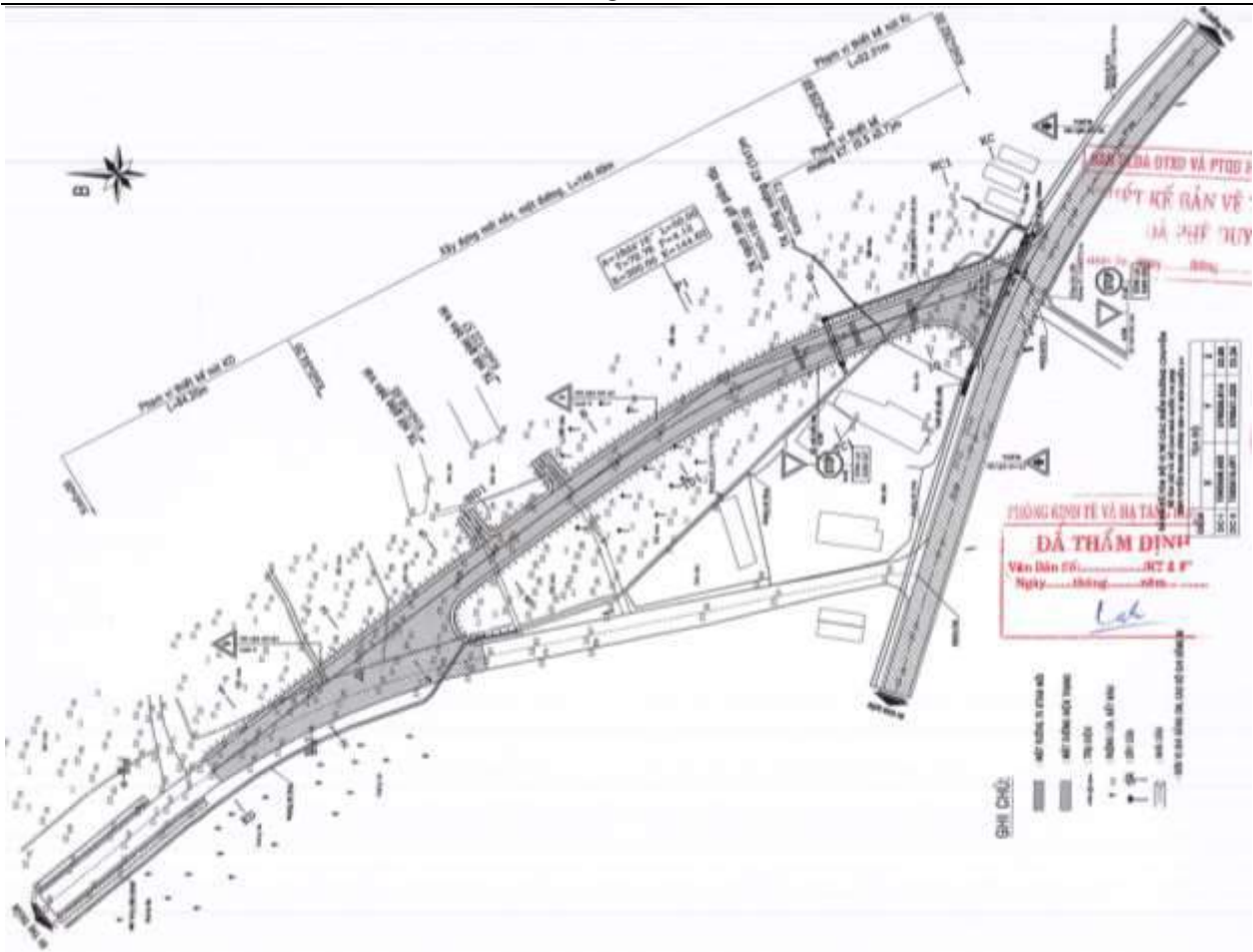
- Xây dựng mới 01 công vuông KT: (100x100)cm tại lý trình Km0+205,73;. Kết cấu lót móng công bạt nhựa và lớp bê tông M150 đá Dmax40mm, hố ga đổ bê tông M200 đá Dmax40mm, thân công vuông BTCT M300 đá Dmax20mm, tấm đan hố ga đổ BT M250 đá Dmax40mm.

- Xây dựng mới 01 công tròn 60 tại lý trình Km0+262,00. Kết cấu công tròn sử dụng ống công ly tâm, đệm móng công bằng đá Dmax60mm, hố ga đổ bê tông M200 đá Dmax40mm, tấm đan hố ga đổ BT M250 đá Dmax40mm.

- Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi hiện trạng bên trái tuyến KT: (50x70)cm, L=56m kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t=12cm. Cách 6m bố trí 1 khe lún giấy dầu tấm nhựa đường, đồng thời bố trí 3 thanh giằng.

❖ **Công trình phụ trợ:**

Các thiết bị phòng hộ và an toàn giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường và Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN- 41:2019/BGTVT.



Hình 1.5. Bình đồ tuyến của dự án

1.2.3. Các hoạt động của dự án

✚ Các hoạt động công trình chính của dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng

- San lấp và GPMB.
- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phục vụ dự án.
- Thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án: Thi công nền đường, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông.

✚ Các hoạt động khi dự án đi vào hoạt động

- Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường.

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Dự án bố trí 1 công trường thi công đặt tại đầu tuyến với diện tích khoảng 200m².
- 01 nhà vệ sinh di động đặt tại công trường.
- 01 kho chứa CTNH tại công trường diện tích 5m².



Hình 1.6. Vị trí bố trí công trình thi công

- Bãi thải dự án:

→ Đối với lượng đất thải và xà bần, Chủ dự án sẽ tiến hành vận chuyển đi tới bãi thải tại khu đất đồi trũng thấp thuộc xã Ân Tường Đông, với tổng diện tích bãi thải 0,1ha (tọa độ: 1530243; 585125). Hiện trạng bãi thải là đất trống trũng thấp. Khu vực đổ thải có cao độ tự nhiên thấp hơn nền tự nhiên xung quanh khoảng 2m, vị trí bãi thải cách khu dân cư hiện trạng khoảng 200m về phía Bắc bãi thải. Cao độ cho phép đổ thải 1m. Tổng lượng đất mà bãi thải có thể tiếp nhận khoảng 1.000 m³. Khối lượng đất hữu cơ, xà bần thải của dự án phát sinh khoảng 631,82m³ (trong đó: xà bần 16,68m³ và đất hữu cơ 615,14m³). Vậy bãi thải tại khu vực nói trên đáp ứng được lượng đất hữu cơ, xà bần của dự án.

1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Đánh giá việc lựa chọn công nghệ của dự án: Dự án xây dựng đường giao thông, do đó, khi hoàn thành dự án thì hầu như không có quy trình công nghệ sản xuất như những dự án khác mà chủ yếu là quy trình bảo trì, vận hành công trình đường bộ và hoạt động của các phương tiện, xe cộ lưu thông trên đường.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

+ San ủi, tạo mặt bằng: Trong quá trình thực hiện, việc san ủi sẽ gây ra các tác động đến môi trường như: Việc vận chuyển vật liệu đất đắp dùng để san lấp, vận chuyển đất đào hữu cơ đổ thải, san gạt, đầm nén.... Các hoạt động này làm phát sinh lượng bụi và khí thải vào môi trường, làm ảnh hưởng tới các phương tiện tham gia giao thông và người dân sinh sống dọc các tuyến đường mà xe vận chuyển đi qua.

+ Thi công xây dựng tuyến đường, các công trình phòng hộ, an toàn giao thông, công trình thoát nước: Các hạng mục này khi thi công sẽ phát sinh bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu, hoạt động thi công phát sinh tiếng ồn, độ rung, phát sinh CTR sinh hoạt, CTR xây dựng, CTNH, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân.

+ Khi tuyến đường đi vào hoạt động: Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải, rơi vãi các CTR xuống đường. Ngoài ra, còn có lượng nước mưa chảy tràn trên tuyến đường khi mưa lớn chưa kịp thoát nước.

1.3.7. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo ĐTM

Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu xây dựng

Nguyên vật liệu cho quá trình xây dựng

- Đất đắp: Chủ dự án cam kết mua từ mỏ đất đã được cấp phép trên địa bàn huyện.
- Các loại vật liệu khác mua tại các cửa hàng vật liệu xây dựng của địa phương.

Bảng 1.1. Khối lượng các nguyên vật liệu

STT	Vật liệu	Khối lượng		Ghi chú
		m ³	Tấn	
1	Đá dăm	102	163,2	1,6 tấn/m ³
2	Cát	60	84	1,4 tấn/m ³
3	Thép	-	1	
4	Que hàn		0,01	
5	Đất đắp	4.244.91	5942,87	1,4 tấn/m ³
6	BTXM	537,64	1.075	2 tấn/m ³

	Tổng		6.075,722	
--	-------------	--	------------------	--

(Nguồn: dự toán công trình)

✚ Nhiên liệu sử dụng của các máy móc, thiết bị

Trong giai đoạn thi công xây dựng, các thiết bị, máy móc thi công sử dụng nhiên liệu dầu diesel như máy đào, máy ủi, ô tô,... Khối lượng dầu diesel tiêu hao được xác định như sau:

Bảng 1.2. Danh mục nhu cầu nhiên liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng

TT	Tên thiết bị	Số ca máy	Định mức (lit/ca)	Tổng nhiên liệu sử dụng (lit)	Nhiên liệu sử dụng
1	Máy đào 0,8m ³	50	83	4150	DO
2	Máy đầm cầm tay - trọng lượng 60kg	40	3,5	140	DO
3	Máy ủi 140CV	19	59	1121	DO
4	Máy lu 8T	60	38	2280	DO
5	Máy xúc 0,6m ³	45	29	1305	DO
6	Cần trục bánh hơi 16T	1	33	33	DO
7	Ô tô tải 10 tấn	150	46	6900	DO
8	Ô tô tưới nước 5m ³	60	23	1380	DO

*Ghi chú:

- Định mức nhiên liệu được lấy theo Văn bản số 5017/UBND-KT ngày 03/7/2024 về việc Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2024)..

-Nguồn cung cấp: Nhiên liệu được nhà thầu thi công thu mua tại các cơ sở bán xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

- (***) Khối lượng riêng của dầu 0,8 kg/lít (1 ca=8h)

✚ Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Bảng 1.3. Danh mục thiết bị, máy móc dự kiến trong giai đoạn thi công dự án

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Hiệu quả sử dụng	Trạng thái thiết bị
1	Máy đào 0,8m ³	1	Chiếc	75 - 80%	DO
	Máy xúc 0,6m ³	1	Chiếc	75 - 80%	DO
2	Máy đầm cầm tay - trọng lượng 60kg	2	Chiếc	75 - 80%	DO
3	Máy ủi 140CV	1	Chiếc	75 - 80%	DO

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Hiệu quả sử dụng	Trạng thái thiết bị
4	Cần trục bánh hơi 16T	1	Chiếc	80 - 85%	DO
5	Ô tô tải 10T	10	Chiếc	85 - 90%	DO
6	Ô tô tưới nước 5m ³	2	Chiếc	75 - 80%	DO

Nhu cầu sử dụng nước

Đối với việc thi công công trình: Nước dùng chủ yếu cho việc tưới nước đầm nền (nền đắp cát), rửa lốp xe và tưới nước làm ẩm chống bụi gần khu vực thi công và trong công trường sẽ được lấy tại nguồn nước mặt tại khu vực dự án.

Nước dùng cho sinh hoạt của công nhân chủ yếu là nước rửa tay, tắm rửa và nước đi vệ sinh. Với số lượng công nhân dự kiến khoảng 25 người, áp dụng tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt của công nhân theo TCVN 13606:2023 của Bộ xây dựng là 45 lít/người/ca thì lượng nước sử dụng ước tính khoảng:

$$25 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người.ngày} = 1,125 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

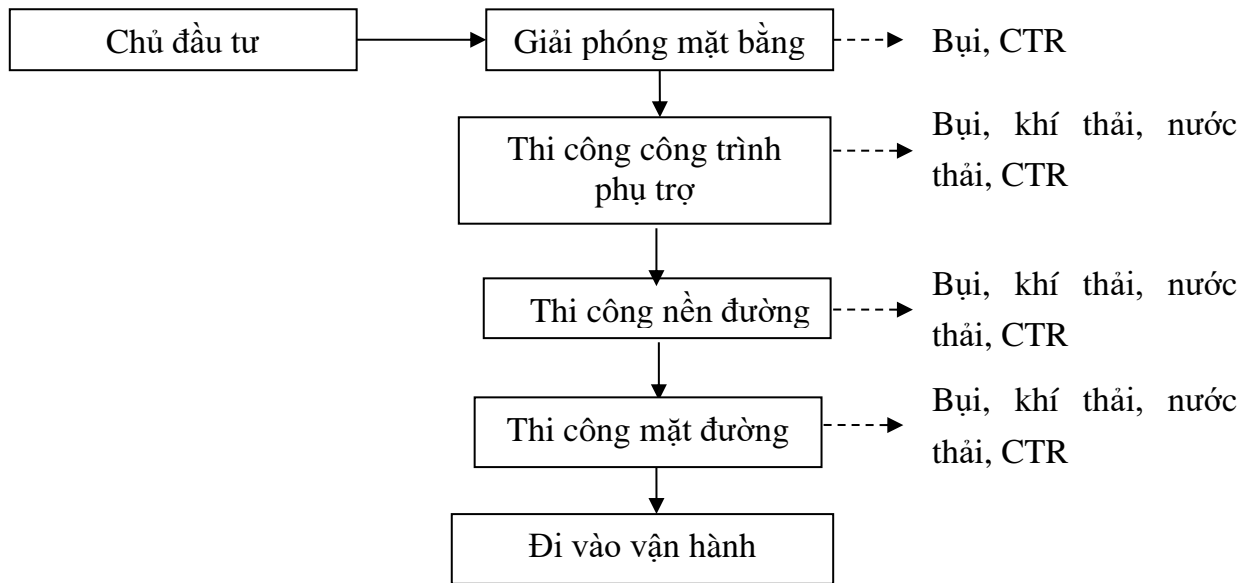
Nước cấp cho quá trình vệ sinh, làm mát thiết bị, máy móc, vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi công trường và nước cho các hoạt động tưới ẩm nền đường, vật liệu,... Tham khảo một số dự án đang thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh thì lượng nước này ước tính khoảng 3m³/ngày.

Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cấp: Đơn vị thi công sẽ làm việc với điện lực huyện Hoài Ân, để thỏa thuận về việc cung cấp nguồn điện sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày tại công trường và thi công công trình. Nguồn điện này sẽ được lấy từ nguồn chung của tỉnh thông qua điểm kết nối riêng dẫn đến công trường và khu vực thi công.

1.4. Công nghệ vận hành

Quy trình hoạt động của dự án:



Hình 1.7. Quy trình thi công, xây dựng tuyến đường

Ngoài ra, dự án xây dựng đường giao thông, do đó, khi hoàn thành dự án thì hầu như không có quy trình công nghệ sản xuất như những dự án khác mà chủ yếu là quy trình bảo trì, vận hành công trình đường bộ và hoạt động của các phương tiện, xe cộ lưu thông trên đường.

🔧 Quy trình bảo trì công trình đường bộ

❖ Kiểm tra công trình đường bộ:

- Kiểm tra công trình đường bộ có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng.

- Kiểm tra công trình đường bộ bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo trì công trình.

❖ Quan trắc công trình đường bộ:

- Theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển vị và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

- Quan trắc công trình đường bộ phục vụ công tác bảo trì bắt buộc phải được thực hiện trong các trường hợp: Công trình đường bộ khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa theo quy định; công trình, bộ phận công trình đường bộ có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình hoạt động sử dụng hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình.

- Các bộ phận công trình cần được quan trắc bao gồm các kết cấu chịu lực chính của công trình mà khi bị hư hỏng có thể dẫn đến sập đổ công trình (kết cấu nhịp cầu; móng và trụ cầu có chiều cao lớn; trụ tháp cầu treo; vòm hầm).

- Kiểm định xây dựng công trình đường bộ là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình đường bộ hoặc công trình đường bộ thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

- Bảo dưỡng công trình đường bộ được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì công trình được phê duyệt.

❖ Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm:

- Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì.

- Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành. Việc sửa chữa đột xuất do bão, lũ, lụt thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả bão, lũ, lụt trong ngành đường bộ.

Quy trình vận hành công trình đường bộ

- Quy trình vận hành đường bộ là các chỉ dẫn, hướng dẫn của tư vấn thiết kế, nhà cung cấp thiết bị, công nghệ quy định cách thức, trình tự, nội dung quản lý, vận hành và sử dụng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình (bao gồm cả trạm giao dịch thanh toán đối với các phương tiện sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh, trạm kiểm tra tải trọng xe, hệ thống quản lý giám sát giao thông) nhằm bảo đảm cho việc hoạt động công trình đúng công suất, công năng, bảo đảm an toàn, duy trì tuổi thọ công trình, thiết bị công trình theo thiết kế.

- Quy trình vận hành công trình đường bộ quy định về tổ chức giao thông, tải trọng, tốc độ, thành phần xe, bố trí làn xe; trình tự vận hành thiết bị lắp đặt vào công trình, các quy định về an toàn, cứu hộ, phòng chống cháy nổ và các nội dung khác có liên quan.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Trình tự thi công

- Công tác chuẩn bị.
- Thi công hệ thống cống thoát nước, mương hoàn trả.
- Thi công nền đường.
- Thi công mặt đường BTXM.

- Thi công công trình phụ trợ.

✚ Biện pháp tổ chức thi công

❖ Công tác chuẩn bị thi công

- rào chắn toàn bộ khu vực công trường bằng rào chắn kết hợp với dây phản quang.

- lắp đặt biển báo 2 đầu công trường.

- Khôi phục cọc, mốc, xác định các nguồn và phương thức cấp vật liệu chuẩn bị bãi tập kết nguyên vật liệu, phương tiện và nhân lực.

- Tổ chức xây dựng nhà điều hành của chủ đầu tư, lán trại, nhà làm việc.

❖ Công tác định vị

Đường tim tuyến cần được khống chế bởi hệ thống cọc mốc đã có trên thực địa do tư vấn thiết kế thực hiện và bàn giao cho đơn vị thi công. đơn vị thi công phải đảm bảo cọc mốc cẩn thận, tránh hư hỏng. có thể thành lập thêm các mốc phụ vụ đo đạc thi công. trong 5 ngày kể từ ngày bàn giao cọc mốc ở hiện trường, đơn vị thi công bằng thiết bị của mình kiểm tra đo đạc lại các mốc tọa độ, cao độ trước khi thi công nếu có sai sót cần thông báo cho các bên biết để có biện pháp hiệu chỉnh nếu cần thiết hoặc ngược lại.

❖ Thi công hệ thống mương và cống thoát nước ngang

- Định vị thi công, xác định tim tuyến cống và các vị trí hố ga, cửa xả.

- Vận chuyển vật liệu sắt thép, ván khuôn, ống cống, cát đá thiết bị phụ vụ thi công.

- Đào đắp hố móng cống ngang móng hố ga đến cao độ thiết kế.

- Bơm nước hố móng.

- Rải đá 4x6 đầm chặt móng cống, móng hố ga.

- Lắp dựng ván khuôn, đổ bê tông hố ga.

- Lắp dựng ván khuôn, cốt thép đổ bê tông hệ thống mương.

- Vận chuyển hạ chỉnh lắp đặt gờ cống, ống cống Ø60.

- Chít khe mối nối cống bằng bao tải tấm nhựa đường.

- Lắp đặt ván khuôn, gia công cốt thép đổ bê tông tấm đan hố ga.

- Vận chuyển lắp đặt tấm đan hố ga.

- Lắp đá hố móng..

❖ Thi công nền đường

- Xác định lại chỉ giới xây dựng theo hồ sơ thiết kế đã được lập.

- Lên ga, dời cọc ra khỏi phạm vi xây dựng.

- Nền đường đào sau khi đào đến cao độ thiết kế tiến hành lu tăng cường đạt độ chặt theo quy định.

- Các đoạn nền đắp thì tiến hành đào bóc đất hữu cơ, san gạt, lu lèn, đắp đất nền đường. Đất đắp lấy tại mỏ.

- Đắp đất nền đường, việc đắp đất được tiến hành theo từng lớp, chiều dày mỗi lớp không vượt quá 25cm, kiểm tra lu lèn từng lớp theo qui định rồi mới tiến hành đắp lớp tiếp theo. Chỉ được phép lu vòng sau khi đã hoàn thành lu lèn vòng trước trên toàn bộ diện tích. Chỉ được phép đắp tiếp lớp trên, khi lớp dưới đã được lu lèn đầy đủ và đạt độ chặt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế.

- Căn cứ trắc dọc và đường đồ thiết kế tiến hành đắp đất theo chiều dày tại từng mặt cắt ngang, chiều dày mỗi lớp đất đắp 25cm để đảm bảo chiều dày lu lèn đạt yêu cầu kỹ thuật. Phải có sự kiểm tra và cho phép của TVGS mới được đắp lớp tiếp theo.

❖ Thi công mặt đường BTXM

- Định vị vị trí đổ bê tông.
- Thi công lớp cấp phối đá dăm.
- Lu lèn khuôn đường đạt độ chặt yêu cầu.
- Thi công lớp giấy dầu.
- Lắp đặt ván khuôn.
- Chế tạo và vận chuyển hỗn hợp bê tông.
- Đổ bê tông, đầm chặt và hoàn thiện.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án:

Bảng 1.4. Thời gian thi công xây dựng dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện
Chuẩn bị	Thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (thiết kế bản vẽ cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định); thực hiện công tác bồi thường, GPMB, thủ tục đất đai.	Quý II năm 2024 đến Quý III năm 2024
Thi công, xây dựng	Thi công, xây dựng các hạng mục công trình: nền đường, mặt đường, các cống thoát nước, các công trình an toàn giao thông.	Hết quý IV năm 2024. Thời gian thi công trong ngày (sáng từ 07h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00).
Hoạt động	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.	Quý I năm 2025

Bảng 1.5. Tiến độ dự kiến cụ thể từng hạng mục

STT	Các hạng mục	10/2024	11/2024	12/2024	1/2025
1	San nền mặt bằng,	—————→			

STT	Các hạng mục	10/2024	11/2024	12/2024	1/2025
	tập kết vật liệu thi công				
3	Thi công cống, mương hoàn trả		→		
4	Thi công nền đường			→	
5	Thi công mặt đường				→
6	Thi công ATGT				→
7	Hoàn trả mặt bằng				→

1.6.2. Tổng mức đầu tư của dự án

Tổng mức đầu tư của dự án 3.786.283.000 đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
1	Chi phí GPMB	1.600.000.000
2	Chi phí xây dựng sau thuế	1.700.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	53.256.00
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	186.794.000
5	Chi phí khác	25.190.000
6	Chi phí dự phòng	221.043.000
Tổng cộng:		3.786.283.000

(Nguồn: Chủ trương đầu tư của dự án)

Nguồn vốn ngân sách huyện Hoài Ân và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Bảng 1.6. Trách nhiệm của các đơn vị tổ chức liên quan, thực hiện dự án

TT	Đơn vị	Trách nhiệm chính
1	Chủ đầu tư dự án: UBND huyện Hoài Ân	- Là cơ quan quyết định đầu tư dự án, thực hiện báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng, kế hoạch đấu thầu, kết quả trúng thầu, quyết định phân bổ vốn và phê duyệt quyết toán công trình. Bên cạnh đó, UBND huyện sẽ thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, nâng cấp trong giai đoạn vận hành dự án.

2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và PTQĐ huyện Hoài Ân (đại diện chủ dự án)	<p>Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân được giao tổ chức thực hiện dự án và chịu trách nhiệm cho việc chuẩn bị và thực hiện Dự án.</p> <p>Trong giai đoạn thi công xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoài Ân sẽ lựa chọn nhà thầu có kinh nghiệm, đủ năng lực để tiến hành thi công xây dựng các hạng mục. Đồng thời, yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn này. Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân sẽ giám sát đơn vị thi công và thay mặt Chủ đầu tư chịu trách nhiệm nếu xảy ra các sự cố môi trường trong giai đoạn này. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">-Yêu cầu nhà thầu thực hiện xây dựng đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.-Thường xuyên giám sát các Nhà thầu thực hiện công tác xây dựng đúng quy trình và công tác bảo vệ môi trường của dự án.-Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đền bù, GPMB đúng theo quy định của Nhà nước.-Niêm yết công khai thông tin môi trường của dự án tại trụ sở UBND Xã và trụ sở thôn nơi dự án thực hiện.-Yêu cầu nhà thầu ban hành nội quy công trường và quản lý công nhân dưới sự giám sát của TVGS hiện trường.-Đúng làm đầu mối, yêu cầu Nhà thầu ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR với đơn vị chức năng. Công tác giám sát việc thu gom CTR của Nhà thầu sẽ do TVGS thực hiện và báo cáo đến Chủ đầu tư để có biện pháp xử lý phù hợp.-Ràng buộc trách nhiệm quản lý môi trường thi công của Nhà thầu vào trong Hợp đồng thi công xây dựng công trình.-Xử phạt các nhà thầu nếu để xảy ra các sự cố môi trường hoặc gây tác hại đến sức khỏe và tài sản của người dân vùng dự án.-Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường
---	--	---

		về các vấn đề môi trường phát sinh, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3	Đơn vị tư vấn	<p>Đơn vị tư vấn thực hiện các công việc khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập thiết kế chi tiết, tổng dự toán, thẩm tra, khảo sát, tư vấn đấu thầu và một số công việc tư vấn khác khi có yêu cầu. Theo dõi trực tiếp hoạt động quản lý và quan trắc, tiến hành kiểm tra các hoạt động thi công để đảm bảo các đơn vị thi công thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định trong các văn bản giao nhiệm vụ liên quan đến các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường. Trong trường hợp các quyết định không được thực hiện, đơn vị môi trường có trách nhiệm báo cáo sự việc trực tiếp với chủ dự án, người có quyền đình chỉ các công việc của Đơn vị thi công. Trách nhiệm xem xét và phân tích các báo cáo môi trường trong suốt quá trình thi công.</p> <p>Các nhà thầu chính tham gia vào việc xây dựng các công trình thuộc dự án được lựa chọn và ký hợp đồng tuân theo hướng dẫn về đấu thầu của Việt Nam. Các nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ đúng đắn và hiệu quả các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Ngoài ra, các nhà thầu có trách nhiệm thực thi đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được ghi trong các văn bản giao nhiệm vụ của Chủ dự án và trong báo cáo ĐTM được phê duyệt.</p>
4	Các nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Chủ đầu tư trong QLMT và GSMT. - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã đề xuất trong ĐTM trong phạm vi gói thầu.
5	Tư vấn giám sát độc lập	<ul style="list-style-type: none"> - Được Chủ đầu tư thuê để giám sát các hoạt động thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường. - Tư vấn, hỗ trợ cho các nhà thầu trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
6	Đại diện cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Sở TNMT tỉnh Bình Định)	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và kiểm tra việc tuân thủ việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường trong ĐTM được phê duyệt.

7	UBND xã Ân Tường Đông	Phối hợp cùng Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và các nhà thầu xây dựng giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến người dân trong địa bàn (nếu có). Và khi dự án đi vào hoạt động đơn vị địa phương sẽ chịu trách nhiệm quản lý dự án.
---	-----------------------	---

Chương 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

a./ Điều kiện về địa lý

Dự án: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dèo giáp đường ĐT.638 có vị trí cụ thể như sau:

- Điểm đầu dự án: Giáp cầu Bến Dèo.
- Điểm cuối dự án: đường ĐT.638 có lý trình Km52+870(T).

b./ Đặc điểm về địa chất

- Vì dự án thi công trên nền hiện trạng để mở rộng nên không có báo cáo khảo sát địa chất mà chỉ có khảo sát địa hình.

2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Khu vực dự án được đặc trưng bởi khí hậu nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới, chế độ mưa ẩm phong phú và có hai mùa: mùa mưa và mùa khô, sự khác biệt giữa các mùa khá rõ rệt, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9.

a./ Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ trung bình 27,2⁰C, cao nhất 30,32⁰C và thấp nhất 23,52⁰C. Biên độ ngày đêm trung bình 7-9⁰C về mùa hè và 4-6⁰C về mùa đông.

Bảng 2.1. Thống kê nhiệt độ trung bình trong năm (Đơn vị: ⁰C)

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
CẢ NĂM	27,6	28,1	27,6	26,4	26,3	27,3	27,2
Tháng 1	23,7	24,3	24,8	21,3	23,5	22,6	23,52
Tháng 2	23,2	25,8	24,5	22,2	23,3	23,7	23,8
Tháng 3	25,7	27,4	27,1	24,9	25,3	24,1	26,08
Tháng 4	27,4	28,8	27,7	27,0	26,2	28	27,42
Tháng 5	29,6	29,8	29,5	29,3	28,4	29,6	29,32
Tháng 6	30,1	31,6	29,9	30,5	29,5	29,7	30,32
Tháng 7	31,3	31,4	29,6	29,1	28,5	29,1	29,98
Tháng 8	30,6	31,5	30,1	29,2	28,3	30,5	29,94
Tháng 9	29,2	29,1	29,5	27,4	27,6	29	28,56
Tháng 10	27,6	27,7	27,5	27,2	25,9	27,4	27,18

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
Tháng 11	26,6	26	26,4	25,2	25,8	26,1	26
Tháng 12	26	24,2	24,2	23,5	23,2	24	24,22

(Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định năm 2023)

b./ Độ ẩm

Độ ẩm trung bình năm là 80,0%. Ba tháng mùa hạ (tháng 6, 7, 8) có độ ẩm thấp nhất trong năm, độ ẩm trung bình cao vào các tháng 11, 1, 3.

Bảng 2.2 Thống kê độ ẩm trung bình trong năm (Đơn vị: %)

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
CẢ NĂM	78	76	80	82	84	82	80
Tháng 1	85	80	83	83	87	85	83,6
Tháng 2	77	81	81	84	86	86	81,8
Tháng 3	79	82	84	87	86	87	83,6
Tháng 4	82	78	81	85	83	84	81,8
Tháng 5	82	76	80	79	81	82	79,6
Tháng 6	72	71	78	72	79	76	74,4
Tháng 7	65	67	80	76	82	80	74
Tháng 8	67	65	72	76	81	70	72,2
Tháng 9	79	74	78	86	84	80	80,2
Tháng 10	80	83	82	86	86	90	83,4
Tháng 11	81	83	82	89	87	84	84,4
Tháng 12	84	77	80	82	83	80	81,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định năm 2023)

c./ Lượng mưa

Lượng mưa trung bình năm là 1.892,78 mm. Các tháng có lượng mưa lớn nhất trong năm: tháng 9, 10, 11, lượng mưa trung bình 262,34 - 530,22 mm/tháng. Vào các tháng ít mưa nhất trong năm (tháng 2, 3, 4, 5, 6, 7), lượng mưa trung bình 15,86 - 56,28 mm/tháng.

Bảng 2.3. Thống kê lượng mưa các tháng trong năm (Đơn vị: mm)

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
CẢ NĂM	1.843,3	1.951,6	1.290,7	2.355,7	2.022,6	1206,1	1.892,78
Tháng 1	129	303,8	15,6	12	59,8	85,5	104,04
Tháng 2	2,8	0,3	41,9	2,8	31,5	24,8	15,86

Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bền Dèo giáp đường ĐT638

Tháng 3	1,6	-	0,4	12	146,8	8,4	32,16
Tháng 4	20	-	144,3	21,2	57,3	0,2	48,56
Tháng 5	9,4	117,7	10,5	23,9	142	119,7	60,7
Tháng 6	104	-	3,0	7,3	5,3	52,2	23,92
Tháng 7	14	43,4	3,5	63,6	156,9	68,5	56,28
Tháng 8	51,1	54,5	88,1	57,6	102,2	18,3	70,7
Tháng 9	236	347,2	151,3	274,8	302,4	223,3	262,34
Tháng 10	477	622,5	501,9	564,7	485	247,3	530,22
Tháng 11	462	438,5	241,0	1139,6	321,4	357,9	520,5
Tháng 12	338	23,7	89,2	176,2	212,0	150	167,82

(Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định năm 2023)

e./ Số giờ nắng

Số giờ nắng xuất hiện nhiều vào tháng 3, 5, 6, 7, 8, sang tháng 9 số giờ nắng đã bắt đầu giảm vì xuất hiện các trận mưa trong thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa khô và mùa mưa. Tháng có số giờ nắng ít nhất thường rơi vào tháng 11, 12.

Bảng 2.4. Thống kê số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ)

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
CẢ NĂM	2446,6	2768	2600,7	2325,7	2.194,9	2.210,1	2.467,18
Tháng 1	89,7	172,7	192,0	85,8	167,7	62,1	141,58
Tháng 2	186	255,7	186,2	198,5	104,0	151,3	186,08
Tháng 3	251	276,1	294,6	248,2	209,0	224,3	255,78
Tháng 4	278	303,5	245,1	245,1	196,3	231,5	253,6
Tháng 5	286	301,3	317,9	299,9	218,6	286,0	284,74
Tháng 6	174	307,7	286,8	264,3	298,1	253,3	266,18
Tháng 7	209	257,6	298,2	228,1	225,8	276,8	243,74
Tháng 8	186	243,9	223,6	270,1	214,0	279	227,52
Tháng 9	249	161,6	248,9	171,3	179,4	177,7	202,04
Tháng 10	229	223,7	123,2	140,0	134,4	156,7	170,06
Tháng 11	180	132,2	116,5	81,7	154,6	111,4	133
Tháng 12	129	141,0	67,7	92,7	93,0	95	104,68

(Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định năm 2023)

f./ Chế độ gió

Khu vực dự án chịu ảnh hưởng chế độ gió mùa gồm hai mùa gió chính trong năm là gió mùa đông và gió mùa hạ. Vận tốc gió trung bình năm là 2,2m/s, vận tốc gió từng tháng trong năm ghi ở bảng 2.5:

Bảng 2.5. Vận tốc gió trung bình các tháng trong năm

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Năm
V(m/s)	2,2	2,1	2,1	2,8	2,1	1,9	1,6	1,6	1,8	2,3	1,9	3,7	2,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định năm 2023)

Các loại thời tiết đặc biệt: Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới.

j/ Bão và áp thấp nhiệt đới

Bão và áp thấp thường đem đến những thiệt hại nghiêm trọng cho mùa màng cũng như tài sản của người dân. Thời gian có bão hoạt động từ tháng 5 đến tháng 11, nhiều nhất từ tháng 9 đến tháng 11, trung bình hàng năm có 1 đến 4 cơn bão. Bão thường kèm theo những trận mưa lớn gây lụt lội, xói mòn.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Điều kiện về kinh tế

- Người dân tại khu vực dự án phần lớn sống bằng nghề nông, trồng trọt, chăn nuôi và làm việc tại các cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Nhìn chung, đời sống của bà con trong khu vực tương đối ổn định. Quá trình thi công xây dựng dự án góp phần tạo ra tuyến đường thuận lợi cho người dân địa phương, thúc đẩy kinh tế phát triển.

2.1.2.2. Điều kiện về xã hội

- Văn hóa: Chất lượng hoạt động văn hóa thông tin, thể thao tiếp tục được chú trọng. Các hoạt động thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe trong nhân dân ngày càng phát triển.

- Giáo dục: Tình hình dạy và học ổn định, tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước, học sinh bỏ học có giảm nhưng vẫn còn cao. Cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho công tác dạy và học được tăng cường.

- Y tế - Dân số- KHHGD và chăm sóc trẻ em: Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, 100% trẻ em được tiêm chủng mở rộng và uống vitamin A đầy đủ. Triển khai kịp thời các biện pháp phòng chống dịch bệnh, vận động toàn dân tổng vệ sinh môi trường, thường xuyên diệt bọ gậy phòng bệnh sốt xuất huyết; 6 tháng đầu năm không có dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Công tác quản lý hành nghề y, được tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường quản lý tốt.

2.1.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Trong và kế cận khu vực dự án có các hộ dân sinh sống. Các đối tượng có khả năng chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án như sau:

- Đất lúa: Việc chiếm dụng đất nông nghiệp cũng sẽ gây ra một số bất cập với người dân như mất diện tích đất trồng trọt; quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng tràn đổ

ra môi trường xung quanh cũng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất nông nghiệp, có thể làm giảm sản lượng thu hoạch ở những mùa vụ sau.

Nhận xét: Dân cư, sức khỏe cộng đồng và hoạt động KT-XH có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án với các vấn đề chính sau:

- Thiệt hại kinh tế do bị chiếm dụng đất sản xuất và đất thổ cư.
- Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng do ô nhiễm bụi, ồn, rung khi thi công dự án.
- Ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đi lại trên các đường hiện hữu.
- Ảnh hưởng đến các hoạt động KT-XH do tình trạng tràn đổ và bồi lắng đất xói do mưa từ khu vực thi công.

- Ảnh hưởng đến các văn hóa, tín ngưỡng và hoạt động sinh hoạt thường ngày do công nhân thi công trong giai đoạn thi công.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Hiện trạng môi trường không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2.6. Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh

STT	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí lấy mẫu (X - Y)
1	KK	Khu dân cư hiện trạng phía Nam dự án	1.582.465; 578.632

(Vị trí lấy mẫu được thể hiện trên bản đồ kèm theo trong phần Phụ lục)

Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.7. Kết quả thử nghiệm chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	KK1 (24/08/2024)	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	59,6	70 (2)
2	HL bụi	mg/m ³	0,16	0,3 (1)
3	CO	mg/m ³	30	30
4	NO ₂	mg/m ³	0,055	0,2
5	SO ₂	mg/m ³	0,049	0,35
6	Tốc độ gió	m/s	0,6	

(Nguồn: Công ty TNHH TM-DV-Công nghệ môi trường Khải Thịnh)

Ghi chú:

(1): Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. - Giá trị giới hạn của các thông số cơ

bản trong không khí xung quanh trung bình trong 01 giờ.

(2): Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Theo Quy chuẩn này, đối với các khu vực thông thường, giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA) quy định từ 06h đến 21h: 70 dBA.

Nhận xét:

Từ kết quả khảo sát độ ồn và nồng độ các thành phần bụi, khí trong vùng không khí tại khu vực dự án cho thấy: Chất lượng không khí tại khu vực dự án là khá tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, với nồng độ bụi và các khí có giá trị nhỏ, độ ồn cũng được ghi nhận là không có gì khác thường. Tất cả các chỉ tiêu đo kiểm đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn môi trường Việt Nam QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Hiện trạng môi trường nước

❖ Chất lượng nước mặt

Kết quả khảo sát chất lượng nước mặt tại khu vực dự án được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 2.8. Vị trí lấy mẫu nước mặt

STT	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí lấy mẫu (X-Y)
1	NM1	Mương nước hiện trạng tại Km 0+205	1.582.454; 578.656

(Vị trí lấy mẫu được thể hiện trên bản đồ kèm theo trong phần Phụ lục)

Bảng 2.9. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước mặt

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	NM1 (24/08/2024)	QCVN08-MT: 2023/BTNMT mức B
1	pH	-	7,21	6,0-8,5
2	TSS	mg/L	31	≤ 15
3	BOD ₅ (20°C)		6	≤ 6
4	COD		14	≤ 15
5	N-NH ₄ ⁺		0,25	≤ 1,5
6	P-PO ₄ ³⁻		0,19	≤ 0,3
7	Tổng dầu mỡ		KPH MDL=0,3	-
8	Tổng Coliform	MPN/100 mL	1.100	≤ 5.000

(Nguồn: Công ty TNHH TM-DV-Công nghệ môi trường Khải Thịnh)

Ghi chú:

QCVN 08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. Mức độ B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích các thông số môi trường nước mặt trong khu vực dự án, cho thấy, các chỉ tiêu phân tích chất lượng nước mặt tại kênh mương hiện trạng tương đối cao hơn so với tiêu chuẩn cho phép. Từ đó cho thấy, chất lượng nước mặt tại vị trí này bị ô nhiễm hữu cơ cao. Thực tế, khảo sát tại khu vực này, người dân đang tiến hành chặn thả vịt tại ao nước trên kênh mương.



Hình 2.1. Vị trí lấy mẫu hiện trạng khu vực thực hiện dự án

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Dự án “Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dèo giáp đường ĐT.638”, hiện trạng có chiếm dụng chủ yếu là đất hiện trạng tuyến đường, đất trồng cây hàng năm (hiện trạng người dân trồng lúa, hoa màu),...và đất ở. Do đó, dự án không xem xét đến hệ sinh thái đô thị, mà chủ yếu xét đến hệ sinh thái nông nghiệp. Khu vực dự án đi qua các địa hình đồng bằng xen kẽ vùng đồng bằng với dân cư, tương ứng với các dạng địa hình này là các hệ sinh thái tương ứng bao gồm các kiểu sinh thái dưới đây:

Hệ sinh thái trên cạn: Ruộng lúa, vườn nhà,...

Hệ sinh thái dưới nước: Mương thủy lợi,...

Hệ sinh thái trên cạn

➤ Hệ sinh thái đồng ruộng

Đặc thù của hệ sinh thái ruộng lúa là các loài cộng sinh như côn trùng, sâu bọ, côn trùng thụ phấn, các loại côn trùng ăn được như kiến và bọ cánh cứng, bên cạnh đó còn có các loài gặm nhấm sống trên các bờ ruộng như ếch, nhái, rắn mối, rắn nước, chim, cò trắng. Môi trường sống quan trọng, đặc biệt là vào mùa khô, đối với các loài cây cỏ và côn trùng do bờ ruộng là nơi cư ngụ quan trọng để tái tạo lại các loài côn trùng của cánh đồng khi bắt đầu vụ mới.

Bên cạnh đó ruộng lúa cũng là môi trường sống cho các loài khác, dựa theo sự khác biệt về mức nước này có tác động rõ ràng đối với các quần thể các loài sinh vật, những loài thường cần có mực nước sâu và ổn định như cá, tôm,...tôm cá là những loài quan trọng trong các ruộng lúa. Vào mùa mưa, các cánh đồng lúa đóng vai trò như những bãi sinh sản rộng lớn cho vô số loài cá, cua đồng,.. là các loài đặc hữu trên ruộng lúa.

➤ Hệ sinh thái vườn nhà

- Hệ sinh thái vườn gia đình rất đa dạng bao gồm chủ yếu những cây ăn quả cần được chăm sóc thường xuyên và được bảo vệ chu đáo như cam, quýt, mít, chuối, đu đủ, ổi. Một số loại rau cải, rau ngót, rau đay, rau dền, mồng tơi,...và còn có một số cây thuốc thông dụng (gừng, nghệ, tía tô, ngải cứu...).

- Hệ động vật bao gồm chủ yếu các loài gia súc gia cầm bò, vịt, gà, ..., các chim, chuột, côn trùng, bọ sát,...

Hệ sinh thái dưới nước

Mương thủy lợi là môi trường sống đặc biệt quan trọng đối với đa dạng sinh học và là nơi ở của các loài thủy sinh giúp chúng tiếp tục chu kỳ sinh sản lại trên các con mương, ruộng lúa vào mùa mưa. Các vùng mương thủy lợi là môi trường sống quan trọng của nhiều loại chim, động vật có vú, các, các loài giáp xác và bò sát. Cung cấp cá và loài nhuyễn thể, ếch nhái,.. trên hai bên bờ thường có nhiều loại cây dại và thức ăn cho gia súc.

Nhìn chung, hệ sinh thái tại khu vực dự án khá đơn giản, tại khu vực dự án không có loại động vật, thực vật quý hiếm cần bảo tồn hay giữ nguyên trạng. Khu vực mang tính đặc trưng của hệ sinh thái khu vực đồng bằng. Do đó, việc triển khai thực hiện dự án sẽ không làm ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển của sinh vật, cũng như cân bằng sinh thái tại đây.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động

Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Trong giai đoạn thi công, xây dựng có thể gây ra một số tác động đến các đối tượng sau:

- Môi trường đất.
- Môi trường nước: Mương nước tưới tiêu và thoát nước của khu vực.
- Môi trường không khí: Chất lượng không khí khu vực dự án và dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu san lấp và nguyên vật liệu phục vụ khi công xây dựng.
- Môi trường sinh thái:
 - + Hệ thực vật đồng ruộng.
 - + Hệ động vật đồng ruộng.
 - + Hệ thủy sinh đồng ruộng.

✚ Trong giai đoạn đi vào hoạt động

- Môi trường không khí tại khu vực dự án chịu tác động do: Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường.
- Môi trường KT-XH: Các phương tiện tham gia giao thông gây ảnh hưởng tới giao thông khu vực.

2.3.2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Dự án chiếm dụng đất trồng lúa nước khoảng

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Dự án nằm ở vị trí rất thuận lợi về giao thông, lại phù hợp với chủ trương đầu tư của địa phương. Đồng thời, theo kết quả khảo sát chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án hiện nay chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm nặng. Do đó, địa điểm lựa chọn thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên, KT-XH tại khu vực. Trong tương lai, khi dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần không nhỏ trong việc đáp ứng nhu cầu và mục tiêu phát triển KT-XH, định cư trên địa bàn xã nói riêng và địa bàn thị xã nói chung. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch của khu vực, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển đồng bộ.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.1.1.1. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng

Tác động do việc phân mảnh đất nông nghiệp

Do tuyến đường bám sát theo tuyến đường hiện trạng và mở rộng ra hai bên do đó sẽ lấy đi một phần diện tích đất lúa của người dân làm cho diện tích đất lúa giảm đi nhưng không làm phân mảnh đất sản xuất hiện tại của người dân. Khi thực hiện dự án, Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương để có các biện pháp thu hồi và bồi thường để củng cố đời sống cho người dân, những đám ruộng mà khi thu hồi diện tích còn rất ít không có khả năng canh tác sẽ được thu hồi toàn bộ.

Tác động từ hoạt động giải phóng mặt bằng

a) Tác động do phá dỡ công trình hiện hữu

Để tiến hành chuẩn bị đất xây dựng các hạng mục của dự án sẽ phải cắt bỏ 29m² BTXM đoạn hư hỏng. Hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và CTR trong quá trình tháo dỡ. Cụ thể như sau:

- Bụi phát sinh chủ yếu từ bản thân các loại vật liệu xây dựng khi bị xáo động như bụi đất, cát bám trên vật liệu, bụi gạch, bụi xi măng,... Lượng bụi phát sinh phụ thuộc vào khối lượng tháo dỡ và biện pháp thi công tháo dỡ. Theo số liệu khảo sát, lượng bụi phát sinh ước tính khoảng $0,2 \div 0,5 \text{mg/m}^3$ xà bần. Bụi do đào, san lấp đất đá thường có kích thước lớn. Tùy từng thời điểm thi công, mức độ ô nhiễm bụi và thời gian tiếp xúc của người lao động mà có thể gây ra các bệnh khác nhau như bệnh bụi phổi, bệnh qua đường hô hấp, các bệnh ngoài da và các bệnh về đường tiêu hóa.

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các hoạt động như đập phá, tháo dỡ mái tôn, ngói, tường,... Tiếng ồn này chủ yếu tác động đến người lao động trực tiếp tham gia.

- CTR chủ yếu là xà bần ước tính khối lượng khoảng 16,68m³ (Nguồn: dự toán công trình). Các chất thải nếu không thu gom sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng đất, gây cản trở thi công tại công trường và cảnh quan khu vực dự án.

b) Tác động do phát quang, phá bỏ thảm thực vật

- Khối lượng sinh khối thực vật phát quang:

Quá trình phát quang trên diện tích đất nông nghiệp: Diện tích đất tại khu vực dự án hiện tại có khoảng 100m² là đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn. Theo Viện sinh học

nhệt đới, mức sinh khối của đất trồng lúa, trồng hoa màu trung bình là 5tấn/ha. Vậy lượng dinh khối phát sinh khoảng 0,05 tấn.

Tuy nhiên, tính toán trên chỉ mang tính chất lý thuyết, trong thực tế trước khi bàn giao mặt bằng cho Chủ dự án, người dân đã tiến hành thu hoạch lúa và thu gom rơm rạ. Do đó, CTR phát sinh từ dự án chỉ là một số cây cỏ, cây rau dại sau thu hoạch khối lượng phát sinh khoảng 100kg.

c) Tác động của của công tác phát quang đến hệ sinh thái tự nhiên

Diện tích đất quy hoạch chủ yếu là đất nằm trong hành lang giao thông và đất hiện trạng trồng lúa của người dân địa phương, do vậy tính đa dạng hệ sinh thái thực vật khu đất đơn giản. Nhìn chung, hệ sinh thái khu đất dự án không đa dạng, không có loài quý hiếm, không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ. Do vậy, công tác chuẩn bị mặt bằng thi công dự án tuy làm suy giảm số lượng cá thể động thực vật nhưng không gây ảnh hưởng nhiều đến tính đa dạng của hệ sinh thái động, thực vật tại khu vực.

d) Tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa

❖ Tác động tiêu cực:

- Giảm diện tích đất sản xuất và năng suất cây trồng

Theo khảo sát thực tế về năng suất bình quân của các loại cây trồng trên phần diện tích đất bị chiếm dụng ước tính khoảng 66,5 tạ lúa/ha/mùa vụ. Với diện tích đất chiếm dụng và năng suất bình quân của một số loại cây trồng trên, từ đó ta tính được lượng thiệt hại hàng năm do chiếm dụng đất nông nghiệp là 0,665 tạ.

- Mất đất: Để xây dựng dự án phải chiếm dụng 100m². Hoạt động này sẽ làm giảm diện tích đất nông nghiệp của địa phương và giảm tổng sản lượng lương thực. Theo khảo sát hiện nay, với 06 hộ bị ảnh hưởng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất này đa phần các hộ dân ngoài trồng trọt còn chăn nuôi, dịch vụ hoặc là có diện tích nông nghiệp tại những khu vực khác nên sẽ không có hộ gia đình nào bị mất nguồn thu nhập chính khi mất đất vì diện tích đất sản xuất nông nghiệp các hộ dân vẫn còn. Do đó, phân tác động do diện tích bị thu hồi này là nhỏ, không đáng kể.

❖ Tác động tích cực:

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đem lại thu nhập, tăng mức sống của người dân khi tuyến đường hình thành tạo điều kiện phát triển kinh tế cho người dân.

- Trước khi triển khai xây dựng dự án, Chủ đầu tư sẽ có phương án để đền bù thỏa đáng, hỗ trợ về nghề nghiệp đối với các hộ dân bị ảnh hưởng. Do đó, tác động do chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang xây dựng dự án được đánh giá là không đáng kể.

3.1.1.2. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

Bảng 3.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

STT	Chất thải	Nguồn gây ô nhiễm	Đối tượng tác động
-----	-----------	-------------------	--------------------

STT	Chất thải	Nguồn gây ô nhiễm	Đối tượng tác động
1	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt của công nhân. - Nước thải xây dựng. - Nước mưa chảy tràn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đất - Môi trường nước
2	Bụi khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi do quá trình tập kết nguyên vật liệu xây dựng. - Bụi do quá trình đào đắp đất, san lấp mặt bằng. - Bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển đất đắp san nền đổ trữ. - Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. - Bụi trong quá trình thi công xây dựng hoàn thiện chà nhám mặt đường - Bụi, khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công. - Bụi tập kết nguyên liệu vật liệu xây dựng. - Khí thải từ hoạt động thổi bụi rải nhựa đường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí xung quanh. - Khu dân cư lân cận. - Người dân tham gia giao thông trên tuyến đường vận chuyển. - Người dân và thực vật hai bên tuyến đường vận chuyển. - Công nhân lao động trực tiếp.
3	Mùi	<ul style="list-style-type: none"> - Mùi từ khu vực tập kết trang thiết bị thu gom rác thải. 	Môi trường không khí xung quanh.
4	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - CTR sinh hoạt. - CTR xây dựng - CTNH 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đất. - Môi trường nước.

A. Tác động do nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng công trình chủ yếu bao gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải trong quá trình xây dựng và nước mưa chảy tràn.

Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu ở nơi lán trại của công nhân. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các quá trình vệ sinh, tắm giặt... hằng ngày của công nhân tại công trường với số lượng khoảng 25 người. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều tác nhân gây ô nhiễm như: Các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ và vi sinh vật gây bệnh. Do đó, nếu nước thải sinh hoạt không được xử lý sẽ gây ô nhiễm cho môi trường nước khu vực.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất trong ngày ước tính bằng 80% lượng

nước cấp (theo quy chuẩn hiện hành tại mục 2.11.1 lưu lượng nước thải phát sinh, QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp). Theo tính toán tại chương 1 thì nhu cầu sử dụng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công là 1,1m³/ngày. Lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp sử dụng. Vậy lưu lượng nước thải sinh hoạt là: Q = 0,88m³/ngày.

Nồng độ các chất ô nhiễm chưa qua xử lý = Khối lượng (g/người/ngày) × Số người/Lượng nước thải, thể hiện tại bảng sau.

Bảng 3.2. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường mỗi ngày (chưa qua xử lý)

STT	Thông số	Định mức (g/người.ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,0)
1	pH	7	-	5 – 9
2	BOD ₅	65	813	50
3	TSS	60 - 65	781,5	100
4	TDS	500	6250	1000
5	Sunfua	30	375	4.0
6	Amoni	8	100	10
7	Nitrat	25	313	50
8	Dầu mỡ ĐTV	100	1250	20
9	Chất hoạt động bề mặt	2 - 2,5	28,5	10
10	Photphat	3,3	42	10
11	Tổng Coliforms	-	-	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B: áp dụng trong trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Hệ số K = 1).

- Khối lượng chất ô nhiễm được lấy theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình.

- [-]: Không quy định.

Nhận xét: So sánh với quy chuẩn hiện hành cho thấy nồng độ của hầu hết các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đều vượt giới hạn cho phép, các thành phần này sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

❖ **Đối tượng và quy mô bị tác động**

- Môi trường đất tại khu vực công trường.
- Tầng nước ngầm tầng nông tại khu vực.
- Công nhân làm việc tại công trường.

❖ **Đánh giá tác động**

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày trong giai đoạn thi công xây dựng tuy không nhiều, nhưng nếu không có biện pháp xử lý thích hợp sẽ gây ra các tác động xấu đến môi trường xung quanh, cụ thể:

- Phát sinh mùi hôi thối khó chịu.
- Gây ô nhiễm môi trường đất tại điểm xả thải.
- Gây ô nhiễm nguồn mặt tại khu vực khi xả thải trực tiếp vào nước sông, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước sông, ảnh hưởng mất cân bằng sinh thái hệ động thực vật trên sông...

- Là nguồn gây ra các dịch bệnh cho CBCNV làm việc tại công trường và người dân gần dự án.

Như vậy, nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng sẽ gây tác động lớn đến môi trường nếu không được quản lý tốt và có biện pháp xử lý.

Tuy mức độ ô nhiễm lớn, nhưng lượng nước thải không nhiều và ô nhiễm do lượng nước thải sinh hoạt có thể được giảm thiểu đáng kể khi Chủ dự án kết hợp với đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu hợp lý. Mặt khác, đơn vị thi công sẽ sử dụng một số lao động địa phương và sử dụng nhà dân để nghỉ ngơi, sinh hoạt nên lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường sẽ giảm đáng kể.

 **Nước mưa chảy tràn**

Trong quá trình thi công xây dựng, vào những ngày mưa sẽ có một lượng nước mưa chảy tràn trên phạm vi diện tích dự án. Lượng nước này thường có nồng độ chất lơ lửng cao và có thể bị nhiễm các tạp chất khác như: dầu mỡ, vật liệu xây dựng thi công trên công trường như đất, cát, xi măng từ nơi tập kết vật liệu xây dựng, công trình đang xây dựng. Tuy nhiên, loại nước thải này có mức độ ô nhiễm không cao, so với các loại nước thải khác thì nước mưa tương đối sạch.

Giá trị nồng độ của các thành phần có trong nước mưa chảy tràn được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.3. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	COD	mg/l	10÷20
2	Tổng N	mg/l	0,5÷1,5
3	Tổng P	mg/l	0,004÷0,03

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
4	TSS	mg/l	10÷20

(Nguồn: Viện vệ sinh dịch tễ)

- Lượng nước mưa chảy tràn cao nhất được tính theo công thức:

$$Q_{\max} = 0,278 \text{ KIF (m}^3/\text{s)}$$

Trong đó:

F: Diện tích thực hiện xây dựng các công trình của dự án ($F = 6.900\text{m}^2$).

I : Cường độ mưa tháng cao nhất năm 2022 tại khu vực là 485mm/tháng.

K: Hệ số chảy tràn = 0,6 (áp dụng cho đất cấp III, $F < 0,1\text{km}^2$).

$$Q_{\max} = 0,278 \text{ KIF} = 0,278 \times 0,6 \times 0,485 \times 6.900 = 558,2\text{m}^3/\text{tháng}.$$

Với ước tính thời gian mưa trong tháng là 20 ngày và đều đặn trong là 24 giờ thì lưu lượng ước tính là:

$$Q_{\max} = 558,2/20/24/3600 = 0,0003\text{m}^3/\text{s}.$$

- Mức độ ô nhiễm của nước mưa chảy tràn tùy thuộc vào các yếu tố sau:

+ Cường độ mưa khu vực triển khai dự án.

+ Chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

+ Khả năng thoát nước mưa, khả năng thấm thấu theo kết cấu địa chất trong khu vực.

+ Hoạt động vệ sinh, quản lý chất thải rắn trong khu vực.

❖ Đối tượng và quy mô bị tác động

- Môi trường đất.

- Môi trường nước mặt.

❖ Đánh giá tác động

Trong quá trình thi công xây dựng, nước mưa chảy qua bề mặt dự án sẽ cuốn trôi đất, cát xuống khu vực thấp làm ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận nước mặt tại khu vực. Đặc biệt là nước mưa ảnh hưởng việc sạt lở bãi trữ, công trường thi công, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước xung quanh. Nếu không có biện pháp giảm thiểu sẽ gây những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên. Hiện tượng nước tù đọng sau những ngày mưa sẽ làm phát sinh mầm bệnh và là nơi trú ngụ của các côn trùng, sâu bọ gây bệnh gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trên công trường. Tuy nhiên, nước mưa có khả năng pha loãng cao, đồng thời trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư thực hiện biện pháp để không làm tù đọng nước lâu ngày cũng như không để các chất thải phát sinh bị cuốn theo nước mưa. Vì vậy, tác động của nước mưa đến môi trường khu vực được đánh giá ở mức độ thấp.

Nước thải xây dựng

❖ Nguồn phát sinh

- Nguồn phát sinh nước thải xây dựng gồm: Nước thất thoát khi phun giữ ẩm vật liệu xây dựng, nước rỉ từ hỗn hợp bê tông, vữa xi măng, nước rửa dụng cụ thi công, thùng trộn bê tông sau mỗi ngày làm việc, nước rửa xe trước khi ra khỏi công trình. Lượng nước này phát sinh không nhiều, chứa chủ yếu đất cát, cặn lơ lửng...

- Lượng nước sử dụng trong quá trình thi công xây dựng hầu hết ngấm vào vật liệu hoặc bốc hơi theo thời gian, chỉ còn phát sinh một lượng nhỏ nước thải từ quá trình nước rửa máy móc thiết bị, ước tính khoảng 1m³/ngày. Lượng nước này được lắng và tận dụng tuần hoàn để tiếp tục rửa các dụng cụ.

Trong quá trình thi công xây dựng, lượng nước thải tạo ra từ công trường xây dựng nhìn chung không nhiều. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng, tích tụ mức độ ảnh hưởng của nước thải thi công tới môi trường không lớn.

❖ Đối tượng và quy mô bị tác động

- Môi trường đất tại khu vực dự án.
- Môi trường nước mặt tại khu vực.
- Chất lượng nước ngầm tầng nông tại khu vực.
- Công nhân lao động tại công trường.

❖ Đánh giá tác động

Trong quá trình thi công xây dựng, lượng nước thải tạo ra từ công trường xây dựng nhìn chung không nhiều. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng, tích tụ mức độ ảnh hưởng của nước thải thi công tới môi trường là ở mức độ thấp.

B. Tác động do bụi, khí thải

🚧 Bụi do quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng

- Bụi do đào đắp, san ủi mặt bằng là bụi đất, thường có kích thước lớn nên không phát tán ra xa khỏi khu vực thi công và ảnh hưởng đến công nhân làm việc trên công trường, đặc biệt khi vào mùa gió Tây Nam thời tiết nóng, hanh khô. Tuy nhiên, khu vực dự án tận dụng tối đa đường hiện trạng do đó dự án nằm tiếp giáp với dân cư bên phải tuyến và đất trồng hoa màu, nên bên cạnh việc tác động của bụi đến công nhân trên công trường, bụi còn ảnh hưởng đến đời sống người dân, hoạt động canh tác nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng nếu không có biện pháp che chắn phù hợp. Tùy từng mức độ ô nhiễm bụi và thời gian tiếp xúc mà có thể gây ra các bệnh khác nhau như bệnh bụi phổi, bệnh qua đường hô hấp, các bệnh ngoài da và các bệnh về đường tiêu hóa và năng suất cây trồng. Đơn vị thi công thực hiện tốt các biện pháp che chắn và tăng độ ẩm của vật liệu thì những tác động này chỉ ở mức thấp.

Theo tài liệu hướng dẫn ĐTM của Ngân hàng thế giới (Environmental Assessment Sourcebook, Volume II, Sectoral Guidelines, Environment, World Bank, Washington

D.C) thì hệ số ô nhiễm bụi (E) được tính toán theo công thức sau:

$$E = k \cdot 0,0016 \cdot (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

- + E : Hệ số ô nhiễm, kg bụi/tấn.
- + k : Cấu trúc hạt có giá trị trung bình là 0,3.
- + U: Tốc độ gió trung bình khu vực Dự án 2,4m/s
- + M : Độ ẩm trung bình khoảng 20%.

$$\Rightarrow E = 0,3 \times 0,0016 \times \left(\frac{2,4}{2,2}\right)^{1,4} \div \left(\frac{0,2}{2}\right)^{1,3} = 0,0114 \text{ kg bụi/tấn.}$$

Khối lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đắp được tính theo công thức:

$$W = E \cdot Q \cdot d$$

Trong đó:

- + W: lượng bụi phát sinh bình quân (kg).
- + E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn).
- + Q: Lượng đất, đá đào đắp (m³).
- + d: Tỷ trọng đất đào đắp (d = 1,4 tấn/m³).

Bảng 3.4. Tính toán lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp

STT	Thông số	Khối lượng
1	Đất đào m ³	16,68
2	Đất đắp m ³	4.244,91
3	Tổng khối lượng (Q) m ³	4.261,59
4	Hệ số ô nhiễm (E) kg/tấn	0,0114
5	Khối lượng bụi (W) kg	68,02
6	Tải lượng (kg/ngày)	2,26

Tải lượng (kg/ngày) = Tổng tải lượng bụi (kg) / Số ngày thi công (ngày). Thời gian đào đắp dự kiến khoảng 30 ngày.

Bụi sinh ra trong quá trình đào đắp, san ủi phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để tính toán nồng độ bụi. Khối không khí tại khu vực thi công được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài L (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió. Giả sử luồng gió thổi vào hộp là sạch và không khí tại khu vực vào thời điểm chưa thi công là không ô nhiễm thì nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 1 giây được tính theo công thức:

$$C = \frac{E_s \times L}{u \times H} (1 - e^{-ut/L})$$

(Nguồn: *Rapid inventory technique in environment control, WHO, 1993*)

Trong đó:

- + C: Nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 01 giây (mg/m^3).
- + E_s : Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích $E_s = M_{\text{bụi}}/(L \times W)$ ($\text{mg}/\text{m}^2.\text{s}$).
- + T: thời gian bụi phát tán, $t = 1\text{s}$.
- + $M_{\text{bụi}}$: tải lượng bụi (mg/s).
- + u: Tốc độ gió trung bình thổi vuông góc với một cạnh của hộp không khí (m/s), lấy $u = 1,8 \text{ m}/\text{s}$.
- + H: Chiều cao xáo trộn (m), lấy $H = 10\text{m}$.
- + L, W: Chiều dài và chiều rộng của hộp không khí (m)

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán theo chiều dài (L) và chiều rộng (W) của hộp không khí được trình bày trong **Error! Reference source not found.**

Bảng 3.5. Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào đắp công trình

L (m)	W (m)	$1 - e^{-ut/L}$	E_s ($\text{mg}/\text{m}^2.\text{s}$)	Nồng độ C (mg/m^3)	QCVN 05:2023/BTNMT
					(mg/m^3)
1	1	0,0868	26,25	0,095	0,3
5	5	0,4615	1,05	0,101	
10	10	0,5447	0,263	0,06	
20	20	0,5881	0,066	0,033	
30	30	0,6028	0,03	0,023	
45	45	0,6126	0,013	0,015	
50	50	0,6145	0,011	0,015	

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Theo như kết quả tính toán được trình bày trong bảng trên cho thấy nồng độ bụi không vượt mức quy chuẩn cho phép và nồng độ bụi đều thấp hơn so với giá trị cho phép theo QCVN 05: 2023/BTNMT. Tuy nhiên thực tế tại các dự án tương tự việc đào đắp có khả năng phát sinh bụi ảnh hưởng đến môi trường trong phạm vi dưới 5m.

- Ngoài ra, các phương tiện thi công sử dụng cho dự án có tác động đến các đối tượng xung quanh khu vực xây dựng, tuy nhiên quy mô tác động chủ yếu dựa vào từng công trình. Trong quá trình thi công, các phương tiện (như xe tải, xe ủi,...) thường sử dụng nhiên liệu dầu DO để hoạt động sẽ thải ra môi trường lượng khí thải có chứa các chất gây ô nhiễm như bụi, khí SO_2 , CO, NO_x ,... Mức độ phát thải các chất ô nhiễm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như nhiệt độ không khí, loại nhiên liệu,... Các khí này ngoài

những tác hại cho sức khỏe con người thì còn ảnh hưởng đến môi trường không khí.

✚ Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất san lấp mặt bằng

Theo số liệu dự toán công trình, đối với khối lượng đất san nền cho dự án được mua tại mỏ đất đã được cấp phép trên địa bàn huyện Hoài Ân, cự ly vận chuyển dự kiến khoảng 10km.

Sử dụng xe ô tô vận chuyển có tải trọng 10 tấn, nhiên liệu là dầu DO, mỗi chuyến xe 2 lượt; với xe không tải, quy đổi 2 xe không tải tương đương với 1 xe có tải để thuận lợi cho việc tính toán. Dựa vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu DO, có thể tính tải lượng bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển đất đắp như sau:

Bảng 3.6. Tải lượng ô nhiễm do quá trình vận chuyển đất đắp

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km)	Khối lượng đất đắp	Số chuyến xe (chuyến)	Khoảng cách (km)	Tải lượng (kg/ngày)
Bụi	0,9	4.244,91m ³ , (tương đương 5942,874 tấn)	594	10,5	0,18
SO ₂	4,15*S				0,01
NO _x	1,44				0,29
CO	2,9				0,58
THC	0,8				0,16

Ghi chú:

- Tỷ trọng của đất d = 1,4 tấn/m³
- S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (0,05%).
- Tải lượng (kg/ngày) = (Hệ số ô nhiễm x Số chuyến xe x Khoảng cách trung bình)/(Số ngày vận chuyển là 30 ngày x 1000)

Việc tính toán nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển, áp dụng mô hình SUTTON và kết quả tính toán được trình bày cụ thể dưới đây:

$$C = \frac{0,8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \times u} \quad (\text{mg/m}^3)$$

Trong đó:

- C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³)
- E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/s)
- z - Độ cao của điểm tính toán (m), z = 1,5m
- h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5m.
- u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s), u = 2,4m/s.
- σ_z - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng z (m)

$\sigma_z = 0,53.x^{0,73}$ (m) = 2,8 (với x = 10m, đây là khoảng cách bụi, khí thải phát tán ra xung quanh và ảnh hưởng đến cây cối, nhà dân dọc tuyến đường vận chuyển)

(Nguồn: Giáo trình ô nhiễm không khí - PGS.TS Đinh Xuân Thắng - Viện Môi trường và Tài nguyên - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)

Bảng 3.7. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển

Chất ô nhiễm	Tải lượng (mg/s)	Nồng độ phát sinh (mg/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT
Bụi	6,25	1,754	0,3
SO ₂	0,35	0,099	0,35
NO _x	10,07	2,825	0,2
CO	20,14	5,65	30
THC	5,56	1,56	-

Ghi chú: Số liệu trên tính cho loại xe động cơ diesel 10tấn.

Nhận xét:

Nồng độ bụi, khí thải tính toán theo lý thuyết vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, trừ khí SO₂ có nồng độ thấp hơn so với quy chuẩn.

Đây là nguồn gây ô nhiễm khí thải chủ yếu trong giai đoạn san lấp phục vụ xây dựng dự án. Tác động chính trong quá trình vận chuyển đất đắp chủ yếu là bụi và tiếng ồn phát sinh, làm ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống dọc tuyến đường từ đường vận chuyển và sinh vận sống dọc theo tuyến đường, hoạt động sản xuất nông nghiệp. Bụi bám vào vật kiến trúc, cây cối, làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến sức khỏe người gây ảnh hưởng giác mạc mắt, viêm mũi dị ứng, một số bệnh ngoài da khác; ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thực vật, đặc biệt là vào vụ lúa làm đồng, hoa màu trở hoa bụi bám nhiều sẽ gây giảm năng suất cây trồng và có thể dẫn đến mất mùa.

Tuy nhiên, cự ly vận chuyển đến khu vực dự án không xa, chất lượng đường giao thông quanh khu vực vận chuyển khá tốt và đơn vị thi công, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm như tưới ẩm đường, vệ sinh mặt bằng, tạo độ ẩm cho đất nên khả năng tác động đến môi trường không khí và sức khỏe người dân không đáng kể. Đồng thời, với kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng của nhà thầu và sự quản lý của chủ đầu tư sẽ không gây ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh từ việc phát tán bụi đất trong giai đoạn này.

Bụi đất phát sinh từ quá trình vận chuyển đổ thải

Khối lượng đất bóc phong hóa, xà bần của dự án sẽ được vận chuyển đi đổ thải tại xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân. Diện tích bãi thải khoảng 0,35ha, cách trung tâm tuyến của dự án khoảng 2km. Khối lượng đất, xà bần vận chuyển đổ thải là 631,82m³ trong đó có (đất bóc phong hóa: 615,14m³ và xà bần: 16,68m³). Tuyến đường vận chuyển

đổ thải là tuyến bê tông hiện trạng của dự án nên sẽ hạn chế được phần nào lượng bụi phát tán trong không khí.

Bảng 3.8. Khối lượng đất, xà bần vận chuyển đổ thải

Thành phần	Tỷ trọng (m ³ /tấn)	Khối lượng	
		m ³	Tấn
Đất hữu cơ	1,4	615,14	861,196
Xà bần	2	16,68	33,36
Tổng		631,82	894,556

Bảng 3.9. Tải lượng ô nhiễm của khí thải từ quá trình vận chuyển đổ thải

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km)	Khối lượng (tấn)	Số chuyến xe (chuyến)	Khoảng cách (km)	Tải lượng (kg/ngày)
Bụi	0,9	894,556	134	2	0,0081
SO ₂	4,15*S				0,0001
NO _x	1,44				0,0129
CO	2,9				0,026
THC	0,8				0,0072

Ghi chú: S=0,05%

Ghi chú:

- S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (0,05%).
- Tải lượng (kg/ngày) = (Hệ số ô nhiễm x Số chuyến xe x Khoảng cách trung bình)/(Số ngày vận chuyển là 30 ngày x 1000)

Việc tính toán nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển, áp dụng mô hình SUTTON và kết quả tính toán được trình bày cụ thể dưới đây:

$$C = \frac{0,8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \times u} \quad (\text{mg/m}^3)$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³)

E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/s)

z - Độ cao của điểm tính toán (m), z = 1,5m

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5m.

u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s), u = 2,4m/s.

σ_z - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng z (m)

$\sigma_z = 0,53.x^{0,73}$ (m) = 2,8 (với x = 10m, đây là khoảng cách bụi, khí thải phát tán ra xung quanh và ảnh hưởng đến cây cối, nhà dân dọc tuyến đường vận chuyển)

(Nguồn: Giáo trình ô nhiễm không khí - PGS.TS Đinh Xuân Thắng - Viện Môi trường và Tài nguyên - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)

Bảng 3.10. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển

Chất ô nhiễm	Tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ phát sinh (mg/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT
Bụi	0,32	0,09	0,3
SO ₂	0,04	0,012	0,35
NO _x	0,46	0,13	0,2
CO	0,91	0,256	30
THC	0,28	0,079	-

Nhận xét: Dựa vào kết quả tính toán tại bảng trên cho thấy nồng độ bụi, NO_x trong quá trình vận chuyển đất thừa vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, nồng độ bụi vượt mức cho phép nhưng không vượt cao. Khu vực vận chuyển có dân cư sống dọc theo tuyến đường, một số đoạn là đất trồng lúa, quãng đường vận chuyển ngắn nên mức tác động ở mức thấp và hoàn toàn có thể kiểm soát được bằng các biện pháp kỹ thuật sẽ được Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công thực hiện trong giai đoạn thi công.

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng

Với các hạng mục như đã trình bày trong chương 1, nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng của dự án. Tác động ô nhiễm do khí thải từ các phương tiện thi công xây dựng có thể tham khảo số liệu của WHO như sau:

Bảng 3.11. Hệ số ô nhiễm các loại xe

Các loại xe	Đơn vị (U)	Bụi (kg/U)	SO ₂ (kg/U)	NO _x (kg/U)	CO (kg/U)	VOC (kg/U)
I. Xe tải						
Xe tải, trọng tải <3,5T	1000km	0,2	1,16S	0,7	1	0,15
Xe tải, trọng tải 3,5T - 16T	Tấn dầu	3,5	20S	12	18	2,6
II. Xe máy						
Động cơ > 50cc, 4 thì	1000km	-	0,76S	0,3	20	3
	Tấn xăng	-	20S	8	525	80

(Nguồn: Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution - Part 1 - WHO, Geneva, 1993).

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong xăng, dầu (%)

Để tính toán tải lượng bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu chúng tôi sử dụng các công thức tương tự như tính toán tải lượng bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển đất.

Khoảng cách vận chuyển được tính bằng khoảng cách trung bình để vận chuyển các loại nguyên vật liệu ước tính cự ly vận chuyển trung bình khoảng 20km. Số liệu về nguồn cung cấp và khoảng cách vận chuyển được tính từ bảng trên. Quá trình vận chuyển sử dụng xe ô tô vận tải với tải trọng là 10 tấn.

Bảng 3.12. Tải lượng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng

STT	Chất ô nhiễm	Tổng khối lượng nguyên vật liệu (tấn)	Số chuyến xe (chuyến)	Khoảng cách di chuyển trung bình của 1 chuyến (km)	Tải lượng (kg/ngày)
1	Bụi	6.075,722	919	20	0,122
2	SO ₂				0,001
3	NO _x				1,368
4	CO				21,28
5	VOC				2,218

Ghi chú: Tải lượng (kg/ngày) = (Hệ số ô nhiễm x Số chuyến xe x Khoảng cách trung bình)/(Số ngày vận chuyển ước tính 60 x 1000).

Số lượt xe được tính dựa trên khối lượng nguyên vật liệu và bằng tổng số lượt xe cả đi lẫn về (có tải và không tải).

Áp dụng mô hình SUTTON ở trên để tính toán nồng độ bụi, khí thải phát sinh.

$$C = \frac{0,8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \times u} \quad (\text{mg/m}^3)$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³)

E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/s)

z - Độ cao của điểm tính toán (m), z = 1,5m

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5m.

u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s), u = 2,4m/s

σ_z - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng z (m)

$\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$ (m) = 2,8 (với x = 10m, đây là khoảng cách bụi, khí thải phát tán ra xung quanh và ảnh hưởng đến cây cối, nhà dân dọc tuyến đường vận chuyển)

(Nguồn: Giáo trình ô nhiễm không khí - PGS.TS Đinh Xuân Thắng - Viện Môi trường và Tài nguyên - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)

Bảng 3.13. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển

Loại xe		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	THC
Động cơ diesel 10tấn	Tải lượng (mg/s)	1,413	0,012	15,834	246,297	24,63
	Nồng độ phát sinh (mg/m ³)	0,397	0,004	4,442	69,094	6,91
QCVN 05:2023/BTNMT		0,3	0,35	0,2	30	-

Từ số liệu tính toán trên, chúng tôi nhận thấy trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sẽ làm tăng hàm lượng các chất ô nhiễm trong môi trường không khí. Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển trên các tuyến đường, tải lượng ô nhiễm từ các xe vận chuyển nguyên vật liệu cho dự án kết hợp với tải lượng ô nhiễm từ các phương tiện lưu thông khác trên đường nên khối lượng phát thải của các chất ô nhiễm sẽ nhiều hơn. Cùng với sự gia tăng về số lượng và mật độ xe trong giai đoạn thi công càng làm tăng nguy cơ ô nhiễm không khí. Hàm lượng bụi, khí thải phát tán và ảnh hưởng còn phụ thuộc theo mùa, thời gian, không gian (dọc các tuyến đường vận chuyển đặc biệt là tuyến đường ĐT.638). Đối tượng bị tác động chính là dân cư sống hai bên các tuyến đường vận chuyển, công nhân làm việc trên công trường và người tham gia giao thông trên các tuyến đường này. Bụi và khí thải có thể bay vào người, vào mặt, cản trở việc điều khiển phương tiện giao thông; bụi bám vào quần áo, nhà cửa, rơi vãi trên đường gây dơ bẩn, mất mỹ quan, giảm chất lượng công trình. Tuy nhiên, các tuyến đường vận chuyển phần lớn đã được bê tông hóa. Đồng thời, trong quá trình vận chuyển, các xe sử dụng sẽ được kiểm định chất lượng, thùng xe kín, được che phủ bạt nên đã giảm thiểu được phần nào tác động đến môi trường và sức khỏe của người dân dọc các tuyến đường.

🚧 Đánh giá tác động đến môi trường do bụi, khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị thi công

- Thời gian bị ảnh hưởng: Trong quá trình thi công xây dựng tuyến của dự án.
- Không gian: Dọc theo các tuyến đường dự án.
- Đối tượng bị tác động: Công nhân trực tiếp tham gia thi công, cộng đồng dân cư sống gần khu vực thi công.
- Mức độ tác động: Khí thải ra từ các động cơ máy móc sử dụng các nhiên liệu từ Hydrocacbon chủ yếu là bụi, CO, SO₂,... Loại ô nhiễm này thường không lớn do phân tán và hoạt động trong môi trường rộng, thoáng đãng. Vì vậy, các tác động do khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng các hạng mục công trình được đánh giá là không đáng kể và chủ yếu gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp tham

gia thi công.

✚ Đánh giá tác động đến môi trường do bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn

Trong quá trình thi công xây dựng dự án sẽ diễn ra các quá trình hàn, chủ yếu là hàn các chi tiết bảo vệ đường. Khi hàn, các loại hoá chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh bụi, khói có chứa các chất độc hại, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động.

Bụi: Chủ yếu là bụi kim loại, đặc điểm của loại bụi này là có tỷ khối cao do thành phần chủ yếu là kim loại nên không có khả năng phát tán rộng. Tuy nhiên, bụi kim loại phát sinh từ quá trình hàn tuy có kích thước nhỏ nhưng thường có vận tốc cao và kèm theo nhiệt nên khi tiếp xúc với da có thể gây bỏng. Vì vậy, việc trang bị bảo hộ lao động cho công nhân nhằm giảm thiểu tác động của bụi hàn là cần thiết.

Bảng 3.14. Thành phần bụi khói một số que hàn

Loại que hàn	MnO ₂ (%)	SiO ₂ (%)	Fe ₂ O ₃ (%)	Cr ₂ O ₃ (%)
Que hàn baza UONI 13/4S	1,1 - 8,8/4,2	7,03 - 7,1/7,06	3,3 - 62,2/47,2	0,002 - 0,02/0,001
Que hàn Austent baza	-	0,29 - 0,37/0,33	89,9 - 96,5/93,1	

Khí thải: Trong quá trình hàn các kết cấu thép, khói hàn phát sinh có chứa các chất độc hại, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình hàn điện nối các kết cấu phụ thuộc vào loại que hàn như sau:

Bảng 3.15. Lượng khí thải phát sinh trong quá trình hàn

Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
	2,5	3,25	4	5	6
CO (mg/1que hàn)	10	15	25	35	50
NO _x (mg/1que hàn)	12	20	30	45	70
Khói hàn (có chứa các chất ô nhiễm khác) (mg/1que hàn)	285	508	706	1.100	1.578

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB Khoa học kỹ thuật, 2004)

Với khối lượng que hàn sử dụng cho dự án là 10kg và giả thiết dùng toàn bộ loại que hàn đường kính trung bình 4mm, khối lượng 25 que/kg. Khi đó, tổng số que hàn ước tính khoảng 250 que và tải lượng các chất khí độc phát sinh từ công đoạn hàn được dự báo là:

0,00625 kg khí CO

0,0075 kg khí NO_x

0,1765 kg khói hàn.

Tuy nhiên quá trình hàn diễn ra trong suốt thời gian xây dựng (khoảng 30 ngày), nên tải lượng trung bình các chất thải phát sinh từ công đoạn hàn là:

0,0002 kg khí CO

0,00025 kg khí NO_x

0,006 kg khói hàn.

Các khí thải này nhanh chóng phát tán ra môi trường xung quanh nhưng chúng có hàm lượng không đáng kể và không cao so với ô nhiễm từ các nguồn khác.

Tuy nhiên, các khí thải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những người công nhân hàn. Do vậy, cần các giải pháp giảm thiểu từ nguồn tác động này đối với công nhân hàn trực tiếp, còn các tác động của nó đến môi trường là rất nhỏ, có thể bỏ qua.

🚧 Đánh giá tác động trong quá trình thi công tuyến đường, thi công hoàn trả tuyến đường đất và di dời đường ống cấp nước

- Lượng bụi phát thải do các hoạt động xây dựng phụ thuộc trực tiếp vào diện tích mặt bằng xây dựng và mức độ triển khai hoạt động xây dựng.

- Các hoạt động thi công xây dựng trên công trường thi công làm phát sinh bụi và chủ yếu ảnh hưởng tới môi trường lao động và sức khỏe người lao động làm việc tại công trường, ảnh hưởng tới hoạt động của khu dân cư tiếp giáp khu vực ở sống dọc theo tuyến đường hiện trạng của dự án. Những ảnh hưởng chính của loại bụi cơ học này đối với môi trường tự nhiên và sức khỏe con người như sau:

+ Ảnh hưởng đối với khu vực đất lúa gần dự án: Sự tích tụ bụi trên lá cây làm giảm khả năng quang hợp, bụi chứa các độc tố gây ảnh hưởng đến sự phát triển, giảm năng suất của cây lúa.

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe con người (công nhân làm việc trên công trường và khu vực dân cư sống dọc theo tuyến đường dự án): Gây bệnh bụi phổi và các bệnh về đường hô hấp.

+ Ảnh hưởng đến các công trình vật liệu, máy móc trên công trường: Do bụi có chứa các hóa chất hóa học, khi bám vào bề mặt của vật liệu sẽ gây các phản ứng hóa học, làm xuống cấp chất lượng của các công trình, máy móc.

C. Chất thải rắn sinh hoạt

Trong quá trình xây dựng, CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân có thành phần chủ yếu là túi nilông, bao gói thức ăn thừa, giấy vụn,...

Theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO, hệ số phát sinh CTR sinh hoạt do hoạt động của con người là 0,6kg/người/ngày. Với số lượng công nhân tại thời điểm cao điểm khoảng 25 người thì khối lượng CTR sinh hoạt ước tính khoảng: 25 x 0,6= 15kg/ngày.

Tác động: Lượng rác thải sinh ra này nếu không có biện pháp thu gom và xử lý hợp lý sẽ gây tác động đến nguồn nước mặt, gây nên mùi hôi thối khó chịu tại khu vực

dự án do quá trình phân hủy và cuốn trôi của nước mưa. Các chất thải vô cơ khó phân hủy như chai lọ, túi nilong và các vật dụng khác có mặt trong nước sẽ làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến chất lượng nước và làm giảm khả năng khuếch tán oxy vào nước, qua đó tác động đến các sinh vật thủy sinh.

D. Chất thải rắn thông thường

CTR phát sinh trong quá trình thi công chủ yếu là: Bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn...Khối lượng các CTR này phát sinh phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như quá trình xây dựng và chế độ quản lý dự án, nguồn cung cấp vật liệu xây dựng,...Do vậy, tải lượng thải của nguồn thải này khó có thể ước tính chính xác. Có thể kiểm soát được các loại chất thải này bằng cách thu gom để tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

- Phát sinh trong mỗi hạng mục thi công dự án, việc dự báo lượng loại chất thải theo mỗi hạng mục thi công hầu như không thể thực hiện được do phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm:

+ Các loại gỗ vụn, bê tông, gạch vỡ, sắt thép, rác... từ hoạt động thi công đường, cầu và các cống, hoạt động trộn BTXM trong công trường thi công. Ước tính lượng CTR xây dựng thải bỏ khoảng 2kg/ngày.

+ Lượng xà bần do phá dỡ các công trình hiện hữu trên tuyến phát sinh khoảng 16,68m³. (Theo số liệu của dự toán công trình).

+ Ngoài ra, lượng đất phát sinh từ quá trình đào bóc hữu cơ trước khi thi công rải đầm đất. Khối lượng phát sinh khoảng 615,14m³ (Theo số liệu của dự toán công trình). Quá trình vận chuyển và đổ thải các loại CTR này nếu không có biện pháp quản lý hợp lý sẽ làm phát sinh bụi gây ô nhiễm môi trường không khí dọc tuyến vận chuyển và khu vực xung quanh bãi thải. Ngoài ra, trong quá trình đổ thải nếu không có biện pháp thoát nước hợp lý thì nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi thải sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng đất, nước mặt, nước ngầm khu vực xung quanh bãi thải. Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu hợp lý nhằm hạn chế tác động đến chất lượng môi trường khu vực bãi thải.

+ Thực bì do phát quan phát sinh khoảng 100kg.

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm thi công xây dựng của một số công trình tương tự, Chủ đầu tư cam kết nguồn thải này không có những tác động lớn đến môi trường khu vực và các biện pháp giảm thiểu áp dụng với nguồn thải này có thể giảm thiểu triệt để mức độ ô nhiễm cũng như khối lượng phát sinh nguồn thải ra môi trường xung quanh.

E. Chất thải nguy hại, chất thải rắn cần kiểm soát

CTNH, CTRKS phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án như dầu mỡ, giẻ lau, phụ gia ngành xây dựng, vật dụng chứa dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải... với khối lượng phát sinh ước tính khoảng 70kg trong suốt giai đoạn thi công xây dựng dự án.

Bảng 3.16. Khối lượng CTNH, CTRKS phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì ...)	Rắn	20	18 02 01	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06	NH
4	Cặn sơn, sơn hoặc các thành phần nguy hại khác (thùng, bao bì đựng dầu nhớt, sơn, keo, dung môi thải)	Rắn/lỏng	40	08 01 01	NH
Tổng			70		

❖ **Đánh giá tác động**

CTNH, CTRKS sẽ là nguồn gây ô nhiễm tiềm tàng đến môi trường đất, môi trường nước. Dầu mỡ thải nếu thải trực tiếp ra đất sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, lâu ngày ngấm vào đất gây ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm tầng nông. Khi có nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo dầu mỡ thải ra mương thoát nước mưa làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn tiếp nhận. Chính vì vậy, loại chất thải này nếu không có biện pháp quản lý và xử lý sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đất và nước tại khu vực.

Tuy nhiên, do khối lượng thải không nhiều, tần suất thải không cao nên chỉ gây tác động cục bộ tại vị trí tập kết, bảo trì máy móc và khu tập kết, lưu giữ CTNH tạm thời trước khi đưa đi xử lý.

3.1.1.3. *Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung*

🔊 Tiếng ồn của các thiết bị, máy móc, phương tiện thi công

Trong quá trình thi công xây dựng, tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các nguồn:

- Máy đào cạp đất, thiết bị san ủi, đầm nén, máy trộn bê tông, máy cắt, máy khoan, máy đầm hơi,
- Xe tải vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị phương tiện trải nhựa đường.
- Tiếng ồn gây ra do các hoạt động vận chuyển, san lấp mặt bằng, bốc dỡ vật liệu xây dựng và các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng. Tiếng ồn có tần số cao khi các phương tiện, máy móc sử dụng nhiều, hoạt động liên tục, nhất là vào khoảng thời gian ban ngày trong giờ làm việc.

Khả năng tiếng ồn tại khu vực thi công dự án lan truyền tới các khu vực xung quanh được xác định như sau:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c - \Delta L_{ex} \text{ (dBA) (*)}$$

Trong đó:

- L_i : Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn khoảng cách d .
- L_p : Mức ồn tại nguồn gây ồn (cách 1,5m).
- ΔL_d : Mức ồn giảm theo khoảng cách d ở tần số i , ΔL_d được tính theo công thức sau:

$$\Delta L_d = 20 \lg [(r_2/r_1)^{1+a}] \text{ (dBA)}$$

với:

- + r_1 : Khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với L_p (m).
- + r_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với L_i (m).
- + a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất ($a = 0$).

- ΔL_c : Độ giảm mức ồn qua vật cản. Khu vực dự án có địa hình rộng thoáng và không có vật cản $\Delta L_c = 0$.

- ΔL_{cx} : độ giảm mức ồn au các dải cây xanh và $\Delta L_{cx} = \Delta L_d + 1,5Z + \beta \sum Bi \text{ (dB)}$

+ $1,5Z$: độ giảm mức ồn do tác dụng phản xạ của các dải cây xanh.

+ Z : số lượng các dải cây xanh.

+ $\beta \sum Bi \text{ (dB)}$: mức ồn hạ thấp do âm thanh bị hút và khuếch tán trong các dải cây xanh.

+ β : trị số hạ thấp trung bình theo tần số ($\beta = 0,10 \div 0,2 \text{ dB/m}$).

Ghi chú:

(*) Công thức tính trích từ hướng dẫn chi tiết lập bản cam kết BVMT của Bộ TN&MT năm 2008.

Từ công thức trên kết hợp với hệ số mức ồn tại nơi cách nguồn phát sinh ồn 1,5m (Nguồn: Mackernize, L.Da. 1985) ta có thể tính được độ ồn của các thiết bị san lấp mặt bằng tại các vị trí khác. Mức ồn từ hoạt động của các xe tải và các thiết bị thi công được thực hiện trong bảng sau:

Bảng 3.17. Mức ồn sinh ra từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công

STT	Thiết bị	Mức ồn cách nguồn 1,5m (dBA) ¹		Mức ồn cách nguồn (dBA) ²		
		Khoảng	Trung bình	20m	30m	50m
1	Máy cạp đất, máy san	80 ÷ 93	86,5	64	60,5	56
2	Máy ủi	-	93	70,5	67	62,5
3	Xe lu	72 ÷ 74	73	50,5	47	42,5
4	Xe tải	82 ÷ 94	88	65,5	62	57,5
5	Máy cắt	77 ÷ 96	86,5	64	60,5	56
6	Máy trộn bê tông	75 ÷ 88	81,5	59	55,5	51

¹ Mackernize, L.Da (1985)

² Tính toán theo công thức

7	Máy đầm hơi	70 ÷ 80	75	52,5	49	44,5
8	Máy khoan nhỏ		75	52,5	49	44,5

Ở nước ta chưa có tiêu chuẩn quy định cụ thể về mức độ tiếng ồn cho công tác thi công xây dựng nói chung. Tuy nhiên, theo tiêu chuẩn ban hành về mức cho phép tiếng ồn tại khu vực lao động (TCVN 3985-1999) và giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT), thì mức ồn lớn nhất cho phép 85dBA trong quá khu vực sản xuất và 70dBA đối với khu dân cư.

Bảng trên cho thấy độ ồn của các phương tiện, máy móc trên công trường cách 1,5m thường dao động trong khoảng 70 ÷ 96 dBA, thậm chí có thể lớn hơn khi các loại phương tiện máy móc hoạt động tập trung với mật độ cao. Theo các tài liệu khoa học, ngưỡng ồn 100dBA thì bắt đầu gây ra những tác động biến đổi nhịp tim và gây tác hại xấu đến hệ thần kinh của người vận hành máy móc.

Để đánh giá cụ thể mức độ tác động do sử dụng cộng hưởng tiếng ồn từ các phương tiện, thiết bị thi công cùng phát sinh trên công trường. Mức độ cộng do các phương tiện thi công được xác định như sau:

$$L_{\Sigma} = 10 \lg \sum_{i=1}^n 10^{0,1L_i}$$

Trong đó:

L_{Σ} : Mức ồn tại điểm tính toán, dBA

L_i : Mức ồn tại điểm tính toán của nguồn ồn thứ i, dBA

Từ công thức trên, tính toán mức độ gây ồn tổng cộng của các loại thiết bị thi công tới môi trường xung quanh ở khoảng cách 20m, 30m, 50m.

Bảng 3.18. Mức ồn tổng do các phương tiện thi công gây ra

TT	Thiết bị thi công	Mức ồn cách nguồn 1,5m	Mức ồn tổng cộng cách nguồn (dBA)				
			20m	30m	50m	150m	200m
1	Máy cạp đất, máy san	86,5	74,3	70,8	66,4	56,8	54,3
2	Máy ủi	93					
3	Xe lu	73					
4	Xe tải	88					
5	Máy cắt	86,5					
6	Máy đầm hơi	75					
7	Máy khoan nhỏ	75					
TCVN 3985-1999		85 dBA					
QCVN 26:2010/BTNMT		≤70dBA (khu vực thông thường, từ 6h-21h)					
		≤55dBA (khu vực đặc biệt, từ 6h-21h)					

Qua kết quả tính toán cho thấy, tiếng ồn sinh ra do các phương tiện vận chuyển và thi công trên công trường đảm bảo giới hạn cho phép đối tới khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư ở khoảng cách hơn 30m. Đối tượng tác động hầu hết là các dãy nhà dân sống gần tuyến đường thi công, đặc biệt nhà dân tại thôn Thọ Lộc 2 nằm dọc theo tuyến đường. Tuy nhiên, các tác động không diễn ra liên tục và chỉ xuất hiện khi vận hành các thiết bị. Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động này đến công nhân trực tiếp làm việc tại công trường và cộng đồng dân cư khu vực tiếp giáp xung quanh.

Tác động từ tiếng ồn: Tiếng ồn phát sinh từ máy móc thi công sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân đặc biệt vào các thời gian nghỉ (trưa từ 11h đến 1h và tối từ 20h đến 24h và 00h đến 5h sáng. Tác động do ồn là gây ra sự khó chịu khi mức ồn vượt quá giới hạn. Dưới tác dụng của tiếng ồn một cách liên tục, thính lực sẽ bị giảm xuống, tiếng ồn cũng ảnh hưởng đến hệ thần kinh (đặc biệt hệ thần kinh thực vật) có thể gây ra chứng bệnh đau đầu, mất ngủ, mệt mỏi và ảnh hưởng tới sức khỏe cho con người. Tuy nhiên, tiếng ồn do máy móc thiết bị gây chỉ trong quá trình thi công chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và không diễn ra liên tục, vì vậy các tác động do ồn trong thi công được xem là ở mức trung bình và có thể giảm thiểu được.

Độ rung

Mức độ rung của các phương tiện máy móc trong quá trình thi công có thể biến thiên lớn phụ thuộc vào các yếu tố như chất đất nền, mức độ rung phát sinh... Độ rung sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công và công trình xung quanh của người dân. Vì vậy, Chủ đầu tư có biện pháp giảm thiểu tác động này nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân cũng như an toàn cho các công trình xung quanh.

Bảng 3.19. Mức rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị³

TT	Máy móc	Mức rung (dB)			QCVN 27:2010/ BTNMT ⁴ (6h-21h)
		Cách nguồn 10m	Cách nguồn 30m	Cách nguồn 60m	
1	Máy đào	80	70	60	75
2	Máy trộn bê tông	76	66	56	
3	Máy đầm nén	90	80	70	
4	Xe ủi	79	69	59	
5	Xe lu	90	80	70	

Nhận xét:

So sánh với QCVN 27:2010/BTNMT cho thấy ở khoảng cách > 30m thì mức rung

3: Nguồn: Âm học và kiểm tra độ rung - Nguyễn Hải - NXB Giáo dục, 1997

4: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Áp dụng đối với khu vực hoạt động xây dựng tại khu vực thông thường.

của máy móc, thiết bị thi công đảm bảo trong giới hạn cho phép, ở khoảng cách < 10m (và ≤ 30m khi máy đầm nén, xe lu hoạt động) vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn. Đối tượng chịu tác động chủ yếu là công nhân thi công dự án và các nhà máy gần dự án. Vì vậy, trong quá trình thi công, Chủ đầu tư thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động để đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và đảm bảo không để ảnh hưởng đến các công trình xây dựng của người dân xung quanh.

❖ **Đối tượng, quy mô tác động**

- Công nhân làm việc tại công trường.
- Các hộ dân gần khu vực dự án.

❖ **Đánh giá tác động**

Các rung động phát sinh do hoạt động của hệ thống thiết bị thi công trên công trường chỉ tác động trong khu vực thi công, ảnh hưởng tới công nhân trên công trường ở khoảng cách dưới 30m từ nguồn phát sinh. Tuy nhiên, số lượng và thời gian hoạt động của các thiết bị có khả năng tạo độ rung lớn tại công trường là không nhiều. Vì vậy, tác động do rung động tới người dân tại khu vực xung quanh ở mức thấp.

3.1.1.4. Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác

🚦 Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác

Trong quá trình triển khai dự án sẽ làm thay đổi cảnh quan hiện có của diện tích đất xây dựng dự án, ảnh hưởng đến điều kiện sống của các loài sinh vật: cá, chim, chuột,... môi trường sống của sinh vật bị ngăn cách. Vì vậy, các loài sinh vật cần có thời gian thích nghi với điều kiện sống mới.

Đối với hệ sinh thái trên cạn: Trong quá trình thi công sẽ ảnh hưởng đến các loài thực vật, động vật gần các khu vực thi công. Tuy nhiên, số lượng và thành phần loài bị ảnh hưởng là không lớn, chủ yếu là các loài như ếch, nhái, rắn, các loại động vật không xương sống trong khu đất nông nghiệp. Với diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp bởi các hoạt động của dự án là thấp (1,25% tổng diện tích thu hồi dự án), tác động đến hệ sinh thái trên cạn trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án là không đáng kể và có thể kiểm soát được.

Đối với hệ sinh thái dưới nước: Nồng độ chất rắn lơ lửng cao trong nước do quá trình thi công sẽ làm hạn chế ánh sáng chiếu vào các tầng nước, ảnh hưởng tới quá trình quang hợp của tảo, rong, rêu và gây khó chịu cho cuộc sống loài cá (do hạt nhỏ chui vào mang làm ngạt), buộc sinh vật phải di chuyển ra khỏi khu vực thi công do mất nơi cư trú ổn định.

Khi thi công xây dựng thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển sẽ gây xung đột với nước trong khu vực cố định tại vị trí thi công. Các xung động trong nước này có thể

tác nhân làm cho một số loài động vật thân mềm, động vật giáp xác, các loài cá, cua,... bắt buộc phải di chuyển. Trên phương diện này nguồn lợi sẽ không bị mất đi, mà chỉ di chuyển sang một vị trí khác xung quanh để tránh. Tác động này sẽ mất đi khi quá trình thi công kết thúc.

Trong vùng xây dựng dự án chưa phát hiện các loài động vật thủy sản quý hiếm. Quá trình thi công dự án sẽ có tác động đến các loài sinh vật tại khu vực thi công. Các tác động này mang tính chất tạm thời trong thời gian thi công và sẽ được ổn định khi dự án đi vào vận hành. Đồng thời, các loài sinh vật sẽ nhanh chóng thích nghi với sự thay đổi môi trường sống nên sẽ phục hồi hệ sinh thái nhanh chóng.

Dự án thực hiện sẽ ảnh hưởng đến diện tích đất nông nghiệp. Chủ dự án thực hiện phối hợp với địa phương để chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định. Thi công cầu, cống sẽ ảnh hưởng đến dòng chảy, thay đổi cảnh quan khu vực. Tuy nhiên, sinh vật sẽ nhanh chóng thích nghi với sự thay đổi này.

Ngoài ra, việc triển khai dự án sẽ ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan nông thôn khu vực dự án đi qua. Vì vậy, dự án sẽ quan tâm đến khu vực này để hạn chế các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

✚ Tác động đến tình hình giao thông trong khu vực

Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính đến khu vực dự án là đường ĐT.638. Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng thường xuyên sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông tại đây, cùng với lưu lượng xe cộ của khu dân cư hiện trạng lưu thông trên tuyến cộng hưởng gây ra tiếng ồn, bụi và thậm chí có thể gây hư hỏng mặt đường.

Trong giai đoạn này, có khoảng 44 lượt xe/ngày vận chuyển phục vụ thi công xây dựng ra vào dự án. Nếu không có kế hoạch bố trí thi công hợp lý, cùng với lưu lượng xe cộ hàng ngày lưu thông trên tuyến làm tăng thêm nguy cơ gây ra tai nạn giao thông, ảnh hưởng đến các hộ dân sống dọc tuyến đường. Ngoài ra các xe vận chuyển nếu chở vượt quá tải trọng cho phép của xe, sẽ gia tăng áp lực lên kết cấu đường, trong thời gian dài gây nên các biến dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ đường. Chủ đầu tư thực hiện biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động xấu tới tình hình giao thông của khu vực.

✚ Tác động do tập trung công nhân tại khu vực dự án

Việc tập trung công nhân tại địa điểm thi công có thể gây nên những tác động tiêu cực về mặt an ninh xã hội trong khu vực. Bên cạnh đó, sự khác biệt về trình độ học thức, về tính cách và lối sống khác nhau do đó dễ nảy sinh mâu thuẫn.

Nhìn chung, các tác động lên môi trường và sức khỏe công nhân lao động, dân cư trong giai đoạn xây dựng là không đáng kể, chỉ mang tính cục bộ, tạm thời, các tác động này sẽ kết thúc cùng với công tác xây dựng dự án.

🚧 Tác động đến khu dân cư hiện trạng giáp ranh dự án

Đối với các hộ dân hiện trạng dọc theo tuyến đường của dự án, khi triển khai thi công xây dựng thì các hoạt động của dự án sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến các hộ dân này. Hàng ngày các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án sẽ kết hợp với lượng xe lưu thông; do đó nếu không có các biện pháp bố trí thời gian vận chuyển hợp lý sẽ gây phát sinh bụi ảnh hưởng đến người dân lưu thông trên tuyến và khu dân cư hiện trạng xung quanh dự án.

Hoạt động thi công xây dựng khu vực giáp ranh với các hộ dân dọc theo tuyến đường của dự án sẽ làm phát sinh bụi, khí thải nếu sử dụng các máy móc thiết bị thi công không đạt đăng kiểm, các máy móc hoạt động cùng 1 thời điểm sẽ gây cộng hưởng tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến các công trình nhà dân lân cận.

🚧 Đánh giá ảnh hưởng về đề thoát nước trong giai đoạn thi công

- Theo khảo sát người dân địa phương tại khu vực thực hiện dự án, tại đây hằng năm qua các đợt mưa bão vẫn chưa ghi nhận ngập lụt, nước thoát theo địa hình tự nhiên từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông chảy về hệ thống mương về suối.

- Khi triển khai thi công xây dựng dự án có cắt qua tuyến Mương BTXM kt 0,5x0,7x0,12 (do UBND xã đầu tư xây dựng và khai thác vận hành, mương này mục đích tưới tiêu nông nghiệp và thoát nước mùa mưa).

- Từ đó thấy rằng việc triển khai thi công xây dựng sẽ có những tác động đến vấn đề tiêu thoát nước: Việc xây dựng cống và tuyến mương hoàn trả làm đường sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chế độ dòng chảy và ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ cho khu vực.

- Vấn đề này có tính chất ngắn hạn và giảm thiểu thông qua nghiên cứu xây dựng biện pháp thi công, giải pháp thoát nước tạm thời. Phạm vi ảnh hưởng là diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong khu vực hai bên tuyến đường dự án.

🚧 Đánh giá tác động của dự án đến tình hình giao thông tại khu vực

Hoạt động giao thông trong khu vực dự án bao gồm các hoạt động giao thông đường bộ tại các nút giao giữa đường dự án với các đường trong khu vực sử dụng để vận chuyển vật liệu từ khu vực cung ứng đến khu vực dự án (các đường sử dụng để vận chuyển đất đá thải từ khu vực dự án đến bãi thải). Hoạt động này sẽ ảnh hưởng đến một số tác động như sau:

- Lấn chiếm hành lang giao thông: Khi thi công nút giao, việc bố trí các hạng mục thi công như bãi vật liệu, xe máy thi công sẽ gây lấn chiếm hành lang giao thông, làm xuất hiện nguy cơ tắc nghẽn, thậm chí mất an toàn giao thông. Tác động kéo dài trong quá trình thi công tại nút giao.

- Trong quá trình thi công san lấp mặt bằng và thi công các hạng mục công trình, mật độ giao thông trong tuyến đường sẽ gia tăng dẫn đến cản trở nhu cầu đi lại của dân cư trong khu vực, gia tăng áp lực lên kết cấu đường, trong thời gian dài gây nên các biến

dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nút võ... làm giảm tốc độ lưu thông trên đường và gây bụi làm giảm khả năng qua sát đường của các lái xe khi tham gia giao thông. Tuy nhiên, các phương tiện tham gia vận chuyển không hoạt động tập trung cùng một thời điểm, do đó ảnh hưởng đến giao thông của khu vực là không đáng kể.

- Tăng nguy cơ mất an toàn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển nguyên, vật liệu. Các xe chở vật liệu, thiết bị từ công trường thường kéo theo đất bám dính trên lốp xe rơi vãi trên đường vận chuyển. Đất rơi vãi trên đường sẽ sinh ra bụi và gặp nước sẽ bị hóa bùn. Với mặt đường nhựa, loại đường này dễ gây trơn trượt. Các phương tiện cơ giới, xe máy, xe ô tô qua khu vực này dễ bị ảnh hưởng do mất lái gây tai nạn. Tác động này luôn tiềm ẩn trong suốt thời gian thi công.

✚ Tác động của việc thu dọn sau khi hoàn thành công trình

- Sau khi thi công xong, nơi đóng lán trại của các Nhà thầu sẽ nhanh chóng dỡ bỏ và di chuyển khỏi công trường thi công.

❖ Tác động liên quan đến chất thải

- Các khu công trường sử dụng cho dự án chiếm diện tích là 200m², không xây dựng kiên cố và có thể dễ dàng di chuyển. Do khu vực lán trại được bố trí ngay trên mặt bằng của công trường thi công vì vậy công tác tháo dỡ, vệ sinh khu vực hoàn trả lại mặt bằng cho dự án sau khi thi công hoàn thiện hệ thống hạ tầng chủ yếu tập trung vào những vấn đề như sau: Dọn sạch các vật liệu thi công như sắt thép gỗ ván, đá loại còn lại rơi ra xung quang khu vực dự án.

- Đối với các hệ thống phụ trợ như: Rãnh thoát nước, tường tôn, cửa, bể xử lý nước sinh hoạt, bể lắng, bể gạn dầu mỡ, ... Các công việc thực hiện bao gồm:

Bảng 3.20. Khối lượng tháo dỡ các công trình tại khu lán trại và bãi tập kết nguyên vật liệu

TT	Tên công việc/Công thức hao phí	Đơn vị	Khối lượng
1	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công: cao <=4 m	m ²	20
2	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động	1	
3	Phá dỡ kết cấu bê tông nền, móng, không cốt thép bằng thủ công (móng công trình)	m ³	17,8
5	Cải tạo diện tích chiếm dụng đất tạm thời 200m ² (San gạt bằng máy ủi 110CV, với chiều cao san gạt tạm tính 0,2 m)	m ³	40

(Nguồn: Dự toán công trình)

- Như vậy, với khối lượng phát sinh từ quá trình tháo dỡ không nhiều, nếu không được thu gom vận chuyển, dọn dẹp sạch sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường xung

quanh khu vực thực hiện dự án.

❖ Tác động không liên quan đến chất thải

- Đối với hoàn nguyên mỏ nguyên liệu: Hiện tại các mỏ, bãi tập kết: đất, đá, cát,...cung cấp nguyên liệu cho dự án được mua tại các Công ty đã được cấp phép khai thác. Do đó, các tác động của các hoạt động này không thuộc phạm vi của báo cáo này.

- Đối với các tuyến đường giao thông vận chuyển nguyên vật liệu không thuộc phạm vi của dự án: Đối với các tuyến đường giao thông trong khu vực dự án (các điểm giao với tỉnh lộ, đường liên xã, các đường giao khác...) trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu (như: đất, đá, cát, xi măng,...) làm hư hỏng các tuyến đường này, Chủ dự án thực hiện sửa chữa.

- Đối với khu vực bãi thải: Đất hữu cơ, xà bần được đổ thải theo đúng vị trí đã thỏa thuận với địa phương.

🚧 **Tác động đến môi trường khu vực bãi thải**

Đối với phạm vi mở rộng qua đất nông nghiệp sau khi đào lên sẽ được đưa lên xe để xe vận chuyển đến bãi thải. Hoạt động nạo vét hữu cơ có thể phát sinh mùi hôi khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của công nhân thi công trên công trường và các hộ dân sống gần khu vực.

Hiện trạng bãi thải là khu đất trũng thấp thuộc U Hoàng Phát, thấp hơn so với xung quanh khoảng 2m, cách khu dân cư hiện trạng gần nhất khoảng 200m về phía Bắc của bãi thải. Do đó, quá trình đổ thải không vận chuyển vào các giờ cao điểm người dân, học sinh đi học và tan trường về và giờ nghỉ trưa của người dân.

Việc tiếp nhận khối lượng đổ thải đất đào và xà bần phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng của dự án chủ yếu là đất hữu cơ và xà bần, tuy không có thành phần độc hại, nhưng nếu không có biện pháp đổ thải phù hợp sẽ gây ra bụi làm ô nhiễm không khí tại khu vực đổ thải và khu xung quanh bãi thải.

Bên cạnh đó, nếu chất thải đổ tràn ra phạm vi đổ thải cho phép nguy cơ gây cản trở dòng chảy, ảnh hưởng vấn đề tiêu thoát nước và ô nhiễm nguồn nước mặt chủ yếu do các chất rắn lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi trên bề mặt.

3.1.1.5. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án

a. Tai nạn lao động

Cũng như bất cứ các công trường xây dựng nào, công tác an toàn lao động là vấn đề được đặc biệt quan tâm từ nhà đầu tư cho đến người lao động trực tiếp thi công trên công trường. Các vấn đề có khả năng phát sinh ra tai nạn lao động:

- Công trường thi công thường xuyên có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến tai nạn do xe cộ gây ra.

- Quá trình sử dụng các loại phương tiện, thiết bị bốc dỡ, các loại vật liệu xây dựng chất cao có thể đổ, rơi vỡ. Tai nạn trong quá trình vận hành thiết bị, xe cộ trong quá trình xây dựng.

- Tai nạn lao động như giật điện từ các công tác tiếp cận với nguồn điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, gió bão gây đứt dây điện,...

- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì nguy cơ gây ra tai nạn lao động do đất mềm, trơn cũng như các sự cố về điện sẽ dễ xảy ra hơn. Ngoài ra, trong quá trình san nền dễ gây sạt lở do kết cấu không ổn định gây đổ ngã các máy móc thiết bị thi công.

- Nguy cơ điện giật do tiếp xúc nguồn điện chiếu sáng hoặc nguồn điện công cụ máy móc.

- Bất cẩn của công nhân trong vận hành máy móc, thiết bị.

- Do thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc trang bị bảo hộ lao động không phù hợp với từng điều kiện lao động.

b. Giao thông

Trong quá trình thi công dự án cần khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án nên mật độ giao thông trên các tuyến đường tăng lên đặc biệt là tuyến đường ĐT.638 và đường kết nối xã Ân Phong và Ân Tường Đông. Người dân sống dọc theo tuyến đường trong quá trình vận chuyển bị ảnh hưởng bụi, khí thải, tiếng ồn,.... việc mật độ giao thông tăng có thể làm kết cấu nền đường yếu, sụt lún, nứt vỡ,.. làm giảm tốc độ lưu thông trên đường và gây bụi làm giảm khả năng qua sát đường của các lái xe khi tham gia giao thông; bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, gây ra một số bệnh cho người dân sống dọc tuyến. Tuy nhiên, Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công sử dụng xe đúng trọng tải cho phép, phủ bạt kín và các xe phải được đăng kiểm đúng quy định.

c. Nguy cơ cháy nổ

Tai nạn do cháy nổ ở các công trường xây dựng là một trong những hiểm họa nghiêm trọng mà cả Chủ dự án, đơn vị thi công, chính quyền địa phương và cả người lao động rất quan tâm, có hai nguyên nhân dẫn đến nguy cơ cháy nổ là:

- Sự cố cháy nổ do điện: Trong giai đoạn thi công xây dựng hầu như các nhu cầu dùng điện đều phải tiến hành đấu nối tạm bợ, chính vì vậy khả năng gây ra chập điện và dẫn đến cháy nổ là rất cao.

- Sự cố cháy nổ do bất cẩn của công nhân lao động: Vì trong khu vực dự án có lán trại của công nhân nghỉ ca, ở lại, việc sinh hoạt của công nhân cũng sẽ là một trong những nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến cháy.

- Sự cố cháy nổ phát sinh gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng môi trường tại dự án, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân khu vực lân cận.

d. Sự cố sạt lở

Sự cố sạt lở có thể xảy ra khi đào đắp đất mà chưa được lu lèn chặt, cùng lúc đó có mưa lớn sẽ làm tăng thêm nguy cơ xảy ra sự cố này. Sự cố sạt lở sẽ gây bồi lấp đất, gây

hư hỏng công trình, thiệt hại về kinh tế. Sạt lở tạo ra lượng lớn vật liệu rời cuốn trôi theo dòng nước gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt. Cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước tưới cho nông nghiệp. Từ đó ảnh hưởng đến hoạt động canh tác của người dân, làm giảm năng suất ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.

e. Sự cố do thiên tai (mưa bão, lũ lụt, ngập úng)

Khu vực dự án hằng năm chịu ảnh hưởng trực tiếp trung bình khoảng 8 cơn bão, tốc độ gió trung bình mạnh nhất 15-20m/s (tương ứng với cấp 7-8), thường kèm theo giông và mưa lớn kéo dài nhiều ngày. Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bão thường xuất hiện bất thường hơn và cường độ thường mạnh hơn nên mức độ thiệt hại cũng tăng lên.

Bão, lũ lụt xảy ra có thể gây sạt lở trong quá trình thi công cũng như gây nguy hiểm đến tính mạng con người nếu không có kế hoạch phòng chống kịp thời.

Thi công vào những ngày có mưa bão lớn kéo dài có thể gây ngập công trường, sạt lở taluy, cuốn trôi đất cát san lấp vào mương thoát nước, làm đục nguồn nước tại khu vực, hư hỏng thiết bị, xe, máy, nguyên vật liệu (xi măng, ...), ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hoàn thành các hạng mục công trình, gây tổn thất cho Chủ đầu tư.

Như vậy, sự cố do thiên tai khi xảy ra thường có tính rủi ro cao, gây thiệt hại lớn về tài sản, có thể ảnh hưởng đến tính mạng con người, tác động xấu đến môi trường xung quanh. Vì vậy, cần đặc biệt chú ý đến công tác phòng tránh sự cố này để tránh thiệt hại đến mức có thể.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.1.2.1. Giảm thiểu tác động do công tác thu hồi đất

- Thực hiện chính sách bồi thường tương xứng với tất cả các thiệt hại về đất đai, nhà cửa, vườn tược, nghề nghiệp lâu dài của họ (chính sách bồi thường theo Quyết định 04/2019/QĐ-UBND chính sách bồi thường và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định 65/2019/QĐ-UBND ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/08/2021 ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định).

- Đồng thời, công tác bồi thường, thu hồi đất được Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Xác định rõ đối tượng được bồi thường, điều kiện bồi thường, hạn mức đất ở từng địa phương.

- Bên cạnh đó, để sớm ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án, Chủ dự án có kế hoạch hỗ trợ cho các hộ dân này như: hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất.

- Hợp, tiếp xúc dân cư vùng dự án để thông tin chính thống đến người dân về dự

án; đồng thời tuyên truyền cho người dân khu vực dự án hiểu được các lợi ích của việc xây dựng công trình giao thông và vận động người dân thực hiện theo các chủ trương của Nhà nước.

- Phương án định canh và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp: Đối với các hộ dân bị mất đất canh tác, sản xuất, Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương để tiến hành rà soát nắm chính xác số lượng và thu thập các ý kiến của các hộ bị ảnh hưởng, từ đó có chính sách bồi thường hợp lý như: phối hợp với chính quyền địa phương bố trí đất sản xuất nông nghiệp cho các đối tượng có nhu cầu, hoặc bồi thường bằng tiền mặt có giá thay thế tương đương để người dân có vốn làm ăn. Tùy theo chủng loại cây cối, hoa màu mà Chủ đầu tư áp dụng đơn giá theo quy định.

3.1.2.2. Giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng

Giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động phát quang

Trong giai đoạn chuẩn bị, công tác phát quang, thu dọn thảm thực vật trước khi tiến hành thi công xây dựng dự án dễ gây tác động tới chất lượng không khí xung quanh và khả năng rửa trôi, xói mòn đất khu vực dự án. Cho nên, việc phát quang thu dọn phải đạt yêu cầu như sau:

- Trong quá trình tạo mặt bằng xây dựng, diện tích phát quang phải được quy định rõ ràng, hạn chế đến mức thấp nhất có thể việc phát quang tràn lan lớp phủ thực vật ảnh hưởng đến diện tích che phủ.

- Toàn bộ sinh khối phát sinh khi phát quang thảm thực vật phải được thu gom và dọn sạch sẽ: thảm thực vật chủ yếu là cây lúa và hoa màu nên sẽ cho người dân tận thu để bán, làm thức ăn gia súc, cây bụi tận dụng làm chất đốt

- Dựa trên tiến độ của dự án để quy định khu vực phát quang, hạn chế khả năng xói mòn, rửa trôi khi gặp mưa lớn.

- Công tác dọn dẹp, GPMB cần triệt để và dứt điểm trên từng đoạn giải tỏa để tránh gây cản trở quá trình thi công.

Nhân xét

Các biện pháp này mang tính khả thi, Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, hoa màu được nhân dân tận thu vào cuối mùa và cây cối được tận dụng làm gỗ, củi đốt. Các biện pháp này thực hiện giảm thiểu 80-90% có các tác động.

Giảm thiểu tác động của quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp

Các hộ dân bị chiếm dụng vĩnh viễn đất nông nghiệp không chỉ đối mặt với tình trạng giảm, mất thu nhập và còn nhiều khó khăn trong việc phục hồi sản xuất hoặc tìm kiếm nguồn thu nhập mới. Do vậy, chỉ đền bù thiệt hại bằng giá thay thế đối với các diện tích đất bị chiếm dụng là chưa đủ.

Biện pháp giảm thiểu là thực hiện tốt phương án tổng thể và bồi thường, hỗ trợ theo quy đúng quy định nhà nước. Trong đó tính đến các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và kế hoạch phục hồi thu nhập được xây dựng và thực hiện nhằm đảm bảo rằng các hộ dân bị mất đất nông nghiệp sẽ được phục hồi nguồn sống ít nhất như trước khi bị mất đất:

- Thực hiện điều tra, khảo sát thực tế tại khu vực dự án để xây dựng các giải pháp bồi thường giải tỏa khả thi, thông báo và hướng dẫn việc kê khai hoa màu, cây trồng cho các hộ dân nằm trong diện phải thu hồi đất.

- Đối với các hộ dân bị mất đất canh tác sản xuất, Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương để tiến hành rà soát chính xác số lượng và thu thập các ý kiến của các hộ bị ảnh hưởng, từ đó có chính sách đền bù, hỗ trợ hợp lý như bố trí đất sản xuất nông nghiệp hoặc đền bù tiền mặt có giá trị thay thế tương đương.

- Chủ đầu tư tuân thủ các quy định của UBND tỉnh về việc bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi việc làm, cấp đất,... cho các hộ dân bị ảnh hưởng, đảm bảo không xảy ra khiếu nại và thiệt thòi cho người dân.

Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Trong quá trình bồi thường, Chủ đầu tư phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, đảm bảo vấn đề bồi thường được giải quyết đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng theo các chính sách pháp luật.

- Công khai mức bồi thường.

- Công tác kê khai, bồi thường sẽ được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có phương án tài chính với nguồn dự phòng để thực hiện công tác bồi thường, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đối với người dân.

3.1.2.3. Đối với nước thải

Nước thải sinh hoạt

- Sử dụng nhà vệ sinh di động để sử dụng cho công nhân trong giai đoạn thi công, định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Tuyển dụng lao động địa phương để hạn chế công nhân ở lại công trường, giảm thiểu lượng nước thải phát sinh.

Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường do nước thải xây dựng

- Sử dụng nguồn nước hợp lý, tránh để nước chảy tràn trên bề mặt khu vực thực hiện dự án và hạn chế nước thừa thấm thấu xuống đất ảnh hưởng đến mạch nước ngầm và môi trường đất.

- Sử dụng thùng rửa các dụng cụ thi công, tận dụng lại nước sau lắng tiếp tục vệ sinh dụng cụ, cặn sau lắng thu gom theo CTR thông thường để xử lý.

Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường do nước mưa chảy tràn

- Tiến hành lu lèn chặt bề mặt ngay sau khi san lấp mặt bằng để hạn chế bị nước

mưa cuốn trôi.

- Tập kết nguyên vật liệu gọn gàng, chất đống và dùng các tấm chắn xung quanh che chắn gọn gàng tránh để nước mưa cuốn trôi trượt ra xung quanh.

- Trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ tùy tiện trên mặt bằng khu vực.

- Bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên dọn dẹp khu vực thi công sau mỗi ngày làm việc, hạn chế lượng chất thải rắn rơi vãi trên công trường.

- CTR phát sinh tại công trường được thu gom và xử lý thích hợp để tránh tình trạng nước mưa chảy tràn cuốn trôi theo bề mặt gây ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực xung quanh dự án.

- Đào các mương, rãnh thu gom, thoát nước mưa tạm thời cơ bản bám theo quy hoạch mạng lưới cấp nước tưới tiêu hiện trạng độ dốc thoát nước hướng về nguồn tiếp nhận nước hiện trạng.

- Định kỳ nạo vét các mương, rãnh thoát nước, cống qua đường để giảm thiểu nguy cơ ngập úng trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án.

- Xây dựng tiến độ thi công hợp lý, tổ chức thi công nhanh gọn, dứt điểm trên từng đoạn, hạn chế việc đào đất vào mùa mưa, đảm bảo hoàn thành từng hạng mục trước mùa mưa bão, không để công trình dở dang gây sạt lở.

- Ưu tiên thi công trước tuyến mương hoàn hảo, bố trí các mương, rãnh thoát nước ngăn không để bồi lắng đất xuống đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng lúa của người dân.

- Lắp các cống tạm để dòng chảy được thông suốt, thoát nước liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra các cống thoát nước, làm vệ sinh thu dọn các rác thải, cành, lá cây che lấp miệng cống, nạo vét các rãnh thoát nước trước mùa mưa.

3.1.2.4. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải rắn sinh hoạt

- Đặt các thùng thu gom rác dung tích 120 lit có nắp đậy kín tại những vị trí thi công và nơi có tập trung công nhân. Rác thải được thu gom vào thùng rác có nắp đậy, thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Hàng tuần, yêu cầu công nhân tổ chức quét dọn các khu vực trong phạm vi và xung quanh dự án.

- Không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Không xả rác thải sinh hoạt xuống các khu vực đồng ruộng.

- Bùn thải từ nhà vệ sinh di động: Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt nhà vệ sinh di động và đem đi xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn xây dựng thông thường

- Các chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Bao xi măng, đầu mẫu thép, tôn, gỗ, ... được thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Các chất thải: Gạch, đá, cát, sỏi, xi măng chết trong xây dựng được sử dụng san nền ngay trong quá trình xây dựng.

- Quản lý chặt chẽ trong quá trình thi công, sử dụng hiệu quả các nguyên vật liệu, tránh thất thoát, lãng phí cũng là một giải pháp để giảm thiểu lượng CTR xây dựng, giảm thiểu tác động từ bãi thải xây dựng.

- Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu sẽ dọn dẹp mặt bằng đến đó và vận chuyển đi chôn lấp luôn. Điều này sẽ giảm được lượng CTR tập kết về bãi thải cùng một thời điểm.

- Các chất thải không thể tận dụng được, Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng đi xử lý tuân theo quy định.

- Tránh vận chuyển và đổ thải lúc nắng to, gió lớn vì sẽ phát tán nhiều bụi, gây ô nhiễm không khí.

- Đối với lượng đất bóc phong hóa và xà bần: Vận chuyển về bãi tại xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân. Diện tích bãi thải khoảng 0,1ha. Vị trí bãi thải do UBND xã Ân Tường Đông quản lý. Hiện trạng bãi thải là đất trống trũng thấp, Khu vực đổ thải có cao độ tự nhiên thấp hơn hiện trạng xung quanh 2m, cách bãi thải 200m về phía Bắc có khu dân cư hiện hữu. Cao độ cho phép đổ thải 1m. Tổng lượng đất mà bãi thải có thể tiếp nhận khoảng 1.000m³.

- Phương án hoàn trả sau đổ thải: Sau khi kết thúc quá trình đổ thải, đơn vị thi công sẽ tiến hành đầm nén, san gạt bằng phẳng. Sau đó UBND xã tiếp tục công tác quản lý. Thực hiện theo Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, khi thực hiện dự án cần tuân thủ theo việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trên.

- Phương thức đổ thải: Đổ thải từng lớp sau đó tiến hành đầm nén kỹ, độ dốc bãi thải theo địa hình tự nhiên đảm bảo không gây ứ đọng nước. Vì vị trí đổ thải nhằm mục đích nâng nền mặt bằng khu đất trũng thấp do hoạt động khai thác đất. Do đó, sau khi đổ đạt đến cao độ ngang với mặt bằng xung quanh chỉ cần san gạt lu lèn chặt, khối lượng đổ thải khoảng 631,82m³.

- Các đối tượng xung quanh bãi thải: Phía Bắc bãi thải cách 200m có khu dân cư đang sinh sống dọc theo tuyến đường BTXM hiện trạng. Các bên còn lại xung quanh là rừng trồng keo lai. Các đối tượng bị tác động: Trong quá trình đổ thải bụi sẽ ảnh hưởng đến người dân khu vực.

- Công tác quản lý bãi thải: Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư, đơn vị thi công thực hiện việc giám sát đổ thải, đảm bảo chiều cao đổ thải tránh đổ ra ngoài diện tích cho phép. Thực hiện tưới nước chống bụi 2 lần/ngày tại các vị trí đổ thải để tránh gây bụi ảnh hưởng đến thực vật, khu dân cư xung quanh dự án. Thực hiện thu gom đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển đến bãi thải.

✚ *Chất thải nguy hại, chất thải rắn cần kiểm soát*

Trang bị thùng đựng CTNH, CTRKS phát sinh tại công trường (dầu nhớt, pin, ắc quy...), thùng chứa chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát như giặt lau dính dầu, đặt trong các thùng có nắp đậy, bố trí khu vực lưu chứa CTNH tại công trường thi công theo quy định. Cụ thể như sau:

- Nghiêm cấm việc đốt, chôn lấp CTNH tại công trường.
- Sử dụng các thùng, bồn chứa, bao bì kháng nước để lưu giữ chất thải.
- Xây dựng tạm vị trí lưu giữ chất thải phù hợp tại công trình.
- Trang bị các vật tư cần thiết như: giấy thấm dầu, các vật liệu thu gom dầu tại các khu vực lưu trữ dầu để xử lý trong trường hợp có rò rỉ dầu và chảy tràn.
- Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ CTNH phát sinh.
- Thực hiện việc báo cáo quản lý CTNH theo quy định.

3.1.2.5. Đối với bụi và khí thải

Để hạn chế bụi trong môi trường lao động nhằm bảo vệ sức khỏe cho công nhân xây dựng, môi trường xung quanh khu vực và người dân sống gần các tuyến dự án, Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

✚ *Biện pháp giảm thiểu tác động đến do lượng bụi phát sinh trong quá trình san lấp mặt bằng*

Với mục đích ngăn ngừa và giảm thiểu phát tán bụi gây ra từ các hoạt động thi công đào đắp nền đường và phát tán bụi tại các bãi lưu giữ vật liệu đào đắp, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Làm ẩm khu vực có khả năng phát tán bụi: Tại nơi diễn ra các hạng mục đào đắp thực hiện phun nước ít nhất 02 lần/ngày vào những ngày nắng trong mùa mưa và ít nhất 04 lần/ngày vào mùa khô hoặc nhiều hơn theo điều kiện thời tiết và khuyến cáo của TVGSMT.
- Tăng cường phun nước tưới ẩm khu vực thi công sát nhà dân 03 lần/ngày trong mùa mưa và 05 lần/ngày trong mùa khô.
- Phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định và đúng tốc độ quy định.

✚ *Biện pháp giảm thiểu do lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu.*

- Phủ bạt trong suốt tuyến đường vận chuyển, đảm bảo thùng xe vận chuyển để tránh rơi vãi đất xuống mặt đường giao thông.
- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ách tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân, không vận chuyển vào các khung giờ cao điểm như 6h-7h, 16h-18h.
- Không chở quá trọng tải qui định.
- Giảm thiểu bụi cuốn lên mặt đường trong quá trình vận chuyển bằng biện pháp

phun nước sử dụng các xe tưới nước.

- Phân bố luồng xe tải chuyên chở nguyên vật liệu ra vào công trường phù hợp, tránh ùn tắc hạn chế quá trình lưu thông vận chuyển nhiều loại nguyên vật liệu cùng một thời điểm.

- Hạn chế xe đậu đỗ trên đường giao dân sinh chờ đổ vật liệu xây dựng gây bụi và dễ tắc nghẽn giao thông;

- Ưu tiên mua vật liệu xây dựng tại các nơi gần với vị trí xây dựng công trình.

🔗 Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động đến môi trường do lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển đổ thải

- Phân luồng giao thông, bố trí mật độ xe ra vào dự án phù hợp tránh ùn tắc giao thông.

- Các phương tiện chở đất đổ thải được phủ bạt khi vận chuyển, tránh để rơi vãi đất ra đường, gây ô nhiễm bụi và ảnh hưởng an toàn của người dân di chuyển trên tuyến đường.

- Tất cả các xe vận tải và phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện dự án.

- Không chuyên chở vượt quá trọng tải quy định, gây hư hỏng, ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông.

- Ngoài ra, khi xe vận chuyển làm rơi vãi đất, cát dọc theo tuyến đường vận chuyển thì Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thường xuyên tiến hành quét dọn thu gom, hạn chế gió cuốn gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân hoặc phát sinh các tai nạn đáng tiếc.

- Công tác bảo vệ môi trường đối với bãi thải:

+ Kiểm soát kích thước và chiều cao cho phép đổ thải, không được đổ ra ngoài phạm vi bãi thải.

+ Đổ đến đâu san gạt đầm nén đến đó.

+ Thực hiện tưới nước chống bụi 2 lần/ngày để tránh gây bụi.

🔗 Biện pháp giảm thiểu bụi từ thi công, xây dựng đường

- Để hạn chế bụi tại khu vực công trường thi công xây dựng cần có kế hoạch thi công, bố trí nhân lực và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp. Hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một địa điểm.

- Khi chọn vị trí tập kết tạm vật liệu cần xem xét hướng gió thịnh hành và vị trí các đối tượng nhạy cảm xung quanh. Vị trí lưu giữ đất đá tạm thời và vật liệu thi công phải cách các khu vực nhạy cảm, khu dân cư ít nhất 50m. Che chắn các bãi tập kết vật liệu đảm bảo không tràn đổ, ảnh hưởng đến các đối tượng nhạy cảm.

- Trong những ngày nắng, để hạn chế mức ô nhiễm khói bụi tại công trường cần

thường xuyên phun nước 2 lần/ngày, thời điểm 9h - 10h và 14h - 15h (có thể phun nước bổ sung nếu cần, hạn chế một phần đất có thể cuốn theo gió phát tán vào không khí) ảnh hưởng đến khu dân cư, đặc biệt cần phun nước khi thi công gần khu dân cư hiện trạng.

- Tất cả phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện dự án.

- Bố trí công nhân thu gom và tập trung VLXD, CTR của công nhân sẽ được thu gom vào chỗ quy định mỗi cuối ngày hoặc cuối ca làm việc, tránh phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến xung quanh.

- Nếu xảy ra ô nhiễm, hư hỏng công trình hoặc nhà dân, Chủ dự án thực hiện phương án đền bù, xử lý phù hợp.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như mũ bảo hộ, quần áo, giày, bao tay, khẩu trang... Đồng thời giám sát chặt chẽ, nhắc nhở việc tuân thủ an toàn lao động cho công nhân.

- Phương án vận chuyển lưu chứa.

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố. Nguyên vật liệu vận chuyển về dự án phải đáp ứng đủ khả năng sử dụng, không tập kết quá nhiều gây cản trở hoạt động thi công, phát sinh bụi, ngoài ra dự án mua vật liệu san lấp tại các mỏ đất đá đã được cấp phép trên địa bàn.

- Tùy theo thời điểm thi công sẽ bố trí khu vực lưu chứa phù hợp chứ không có cố định, tuy nhiên sẽ đảm bảo không gây phát sinh ô nhiễm và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m. Các loại nguyên liệu như cát, xi măng phải được che chắn đảm bảo nhằm tránh sự phát tán bụi, cát ảnh hưởng đến các hộ dân lân cận, nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để thay thế kịp thời các vật liệu che chắn bụi bị hư hỏng.

3.1.2.6. Đối với tiếng ồn, rung

- Xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc sử dụng các thiết bị thi công trong công trình một cách hợp lý, lựa chọn phương tiện tốt nhất để có thể giảm bớt nguồn phát sinh tiếng ồn, rung tránh vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây ồn, rung.

- Các phương tiện vận chuyển, tập kết vật liệu xây dựng cũng phải được kiểm soát, điều tiết có kế hoạch hợp lý, không vận chuyển vào các giờ cao điểm, không chở quá tải và hạn chế bóp còi.

- Bố trí thời gian đổ bê tông trong khoảng thời gian thi công 7h - 11h30 và từ 13h30 - 17h00, để không ảnh hưởng đến giờ nghỉ ngơi người dân.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa.
- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn vào cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.
- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đảm bảo đạt giới hạn cho phép của các quy chuẩn môi trường.
- Thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ.
- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị vận chuyển.

3.1.2.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái, ruộng lúa

- Căn cứ vào hướng gió và thời điểm làm đòng của cây lúa, chủ dự án sẽ bố trí khu vực san lấp sao cho phù hợp.
- Trong những ngày nắng, để hạn chế mức ô nhiễm khói bụi tại khu vực dự án cần thường xuyên phun nước vào thời điểm 9-10h và 14-15h, hạn chế một phần đất, cát có thể cuốn theo gió phát tán vào không khí đặc biệt vào những thời điểm lúa làm đòng, giảm ảnh hưởng đến năng suất ruộng lúa người dân.
- Trong quá trình thi công san nền tới đâu lấp cống tới đó, hoàn trả mương, nói cống theo chiều ngang mặt đường mở rộng không để gián đoạn tiêu thoát nước sẽ gây ngập úng.

Giảm thiểu tác động từ hoạt động đổ thải tới hệ sinh thái khu vực bãi thải

- Kiểm tra, giám sát quá trình đổ thải, không để đất tràn đổ ra khu vực xung quanh không thuộc phạm vi đổ thải.
- Đơn vị thi công sẽ có các biện pháp che chắn thích hợp nhưng không làm ảnh hưởng đến công tác đổ thải để giảm thiểu bụi phát tán xa trong không khí, ảnh hưởng đến người dân khu vực lân cận.
- Tuyến đường vận chuyển từ dự án đến bãi thải sẽ đi qua khu dân cư tương đối, khoảng cách vận chuyển ngắn khoảng 2,5km. Xe vận chuyển vật liệu đi đổ thải được phủ bạt kín thùng xe để hạn chế rơi vãi, cắt cử công nhân quét dọn đường và bố trí xe tưới làm ẩm đường giảm bụi 2-3 lần/ngày.
- Nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường cho công nhân, đổ thải đúng nơi quy định và yêu cầu công nhân tuân thủ đầy đủ các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên được đưa ra trong nội quy làm việc.
- Xe vận chuyển vật liệu đi đổ thải sẽ được phủ bạt kín thùng xe để hạn chế rơi vãi, cắt cử công nhân quét dọn đường và bố trí xe tưới ẩm đường giảm bụi 2-3 lần/ngày trên tuyến vận chuyển đi qua khu dân cư và đoạn đường ra vào bãi thải, có thể tưới bổ sung vào các ngày thời tiết hanh khô.

Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động của dự án đến khu vực lân cận

- Khi đơn vị thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu về khí thải, nước thải, chất thải rắn,... kể trên sẽ không ảnh hưởng đến môi trường của khu dân cư lân cận. Bên cạnh đó, Chủ dự án sẽ giám sát Nhà thầu về biện pháp thi công, công tác BVMT, quản lý công nhân, không để công nhân vào nhà dân trộm cắp, gây rối trật tự.

- Quy định về thời gian làm việc hợp lý, không hoạt động xây dựng sau 21h. Giám sát tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa.

- Lắp đặt các biển báo thi công để người dân nhận biết.

- Phun nước tưới ẩm khu vực nhà dân.

- Hạn chế việc chuyên chở các vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

- Bố trí các đường vận chuyển và đi lại hợp lý tránh tình trạng ùn tắc và gây tai nạn giao thông.

- Quản lý chặt chẽ công nhân tránh tình trạng mâu thuẫn giữa các công nhân của các dự án với nhau.

- Xây dựng các hạng mục theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Nếu quá trình xây dựng để xảy ra hư hỏng các công trình nhà dân lân cận thì Chủ dự án chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục theo đúng quy định.

✚ Biện pháp hoàn nguyên môi trường sau thi công

Các yêu cầu về khôi phục, hoàn nguyên môi trường sẽ được đưa vào trong hợp đồng xây dựng, nên các hoạt động sau đây sẽ là bắt buộc đối với các Nhà thầu xây dựng:

- Dỡ bỏ toàn bộ các lán trại, nhà vệ sinh di động, thu gom vật liệu thừa như đất đá, xi măng đông kết trên công trường, các thùng chứa dầu, các bộ phận máy bị loại bỏ và các vật liệu rào chắn.

- Hoàn trả kết cấu hạ tầng: Các tuyến đường giao thông của địa phương, các công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng do hoạt động thi công dự án sẽ được nhà thầu thi công hoàn trả theo cam kết với địa phương trước khi bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

- Hoàn thổ môi trường tại khu vực thi công: sau khi thi công xong nhà thầu nhanh chóng dọn sạch vật liệu, đất, đá, cát, bê tông nhựa rơi vãi ra khỏi khu vực công trường và khu vực xung quanh, trả lại đất canh tác cho địa phương.

- Sửa chữa các hư hỏng về đường, cầu, cống do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

Công tác hoàn nguyên môi trường sẽ được Nhà thầu thực hiện ngay sau khi kết thúc việc thi công trước sự kiểm tra của chủ dự án, chính quyền và đại diện người dân địa phương.

Chỉ khi nào được chính quyền địa phương kí biên bản chấp nhận hoàn thành công tác phục hồi cảnh quan, môi trường thì Nhà thầu xây dựng mới kết thúc công tác này.

✚ Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động của dự án đến tình hình giao thông tại khu vực

- Tổ chức phân luồng giao thông và bố trí biển báo tại các khu vực có dân cư qua lại, khu vực tiếp giáp với đường giao thông để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra sự cố tai nạn.
- Bố trí biển chỉ dẫn hướng đi cho các phương tiện vận chuyển và đặt tại các vị trí trước nơi thi công tối thiểu 50m.
- Bố trí các biển báo hiệu, biển báo điều khiển, đèn phát quang,... trong phạm vi thi công.
- Quy định tốc độ của các phương tiện khi đi qua đoạn đường đang thi công.
- Bảo đảm tốc độ xe vận chuyển theo quy định của Luật giao thông đường bộ, giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư đông đúc; phủ bạt kỹ thùng xe vận chuyển và thực hiện tốt an toàn giao thông khi vận chuyển.
- Sau khi kết thúc quá trình thi công, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, bù lún các đoạn đường vào khu dân cư bị hư hỏng do xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng của dự án gây nên.

🚧 Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động trong quá trình thi công xây dựng dự án đến khu dân cư hiện hữu

- Khi đơn vị thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu về khí thải, nước thải, chất thải rắn,... kể trên sẽ không ảnh hưởng đến môi trường của khu dân cư lân cận. Bên cạnh đó, Chủ dự án giám sát Nhà thầu về biện pháp thi công, công tác BVMT, quản lý công nhân, không để công nhân vào nhà dân trộm cắp, gây rối trật tự.
- Quy định về thời gian làm việc hợp lý, không hoạt động xây dựng sau 21h. Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa.
- Lắp đặt các biển báo thi công để người dân nhận biết.
- Phun nước tưới ẩm xung quanh nhà dân.
- Hạn chế việc chuyên chở các vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.
- Bố trí các đường vận chuyển và đi lại hợp lý tránh tình trạng ùn tắc và gây tai nạn giao thông.
- Quản lý chặt chẽ công nhân tránh tình trạng mâu thuẫn giữa các công nhân của các Dự án với nhau.
- Xây dựng các hạng mục theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Nếu quá trình xây dựng để xảy ra hư hỏng các công trình nhà dân lân cận thì Chủ dự án chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục theo đúng quy định.

🚧 Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động của dự án do tập trung đông công nhân

- Ưu tiên thuê những lao động tại địa phương có khả năng đáp ứng công việc để sau giờ làm việc về nhà.
- Xây dựng các nội quy công trình và phổ biến cho công nhân. Yêu cầu công nhân

cam kết làm theo.

- Nghiêm cấm uống rượu khi thực hiện thi công, nghiêm cấm đánh bạc tại công trường và lập thời gian biểu (giờ làm và giờ nghỉ) cho công nhân.

- Hợp tác chặt chẽ với địa phương làm tốt vệ sinh cộng đồng khi có triệu chứng bệnh dịch xuất hiện trong khu vực.

- Hợp tác với chính quyền địa phương trong việc ngăn ngừa và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, cung ứng thực phẩm, hàng hoá.

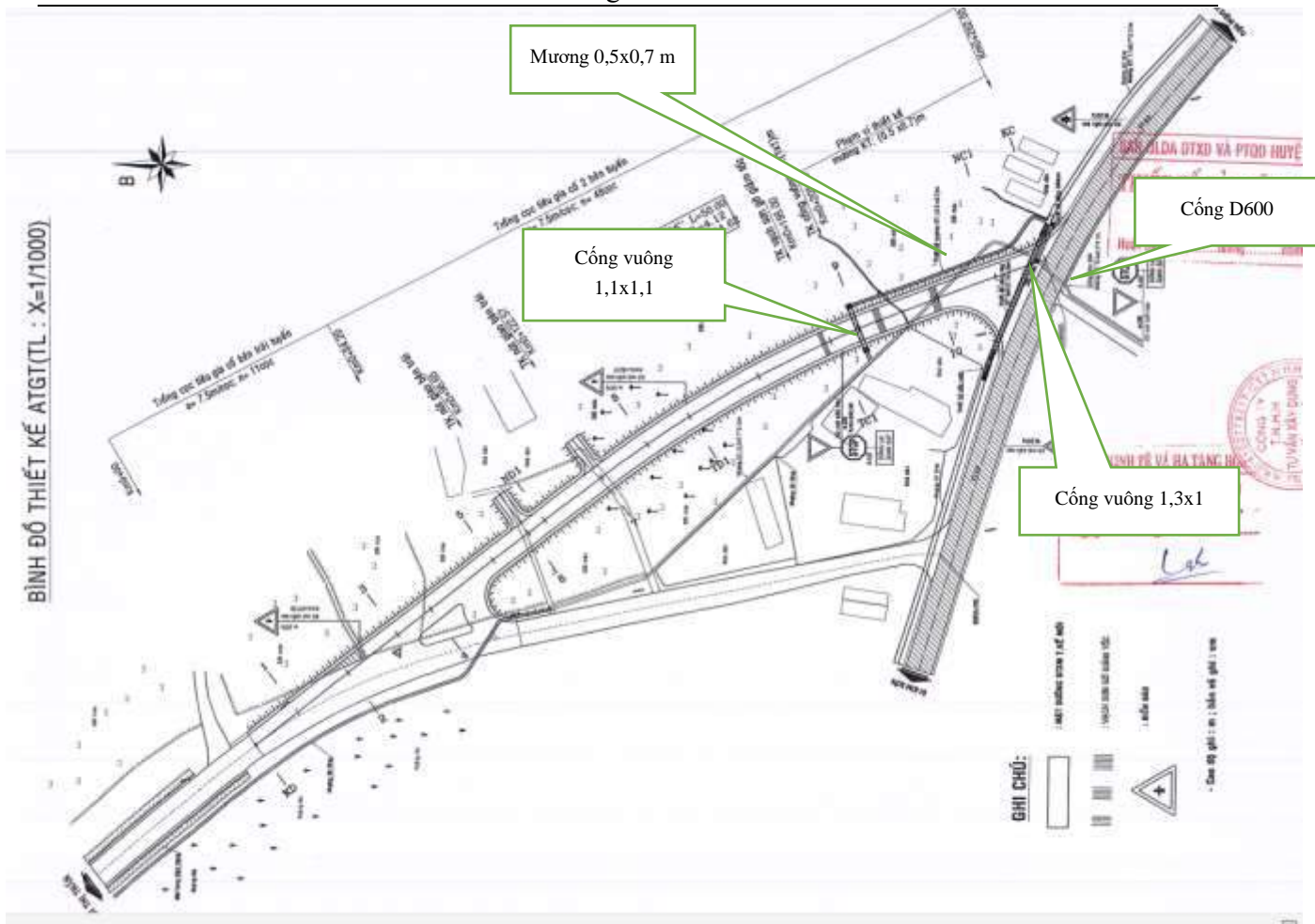
+ Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng việc tiêu thoát nước trong quá trình thi công xây dựng

- Đối với công tác hoàn trả mương đất:

+ Thực hiện công tác thi công hoàn trả tuyến mương cấp nước và tuyến cống ngang đường trường khi thi công xây dựng tuyến đường.

+ Vị trí xây dựng cống hộp và tuyến mương hoàn trả nội cống vị trí cụ thể như sau:

- Xây dựng mới 01 cống hộp KT: (1,1x1,3)m tại lý trình Km0+257,21. Kết cấu lót móng cống bặt nhựa và lớp bê tông M150 đá 2x4, hố ga đổ bê tông M200 đá Dmax40mm, thân cống vuông BTCT M300 đá Dmax20mm, tấm đan hố ga đổ BT M250 đá Dmax40. Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi phía thượng lưu KT: (1.1x1.1)m, kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t25cm và xây dựng mới 1 rươi chắn rác. Phía hạ lưu xây dựng hoàn trả 1 dốc nước kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t=25cm, đồng thời tiếp giáp giữa mương hiện trạng và mương mới bố trí khe lún giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp.
- Xây dựng mới 01 cống tròn 60 tại lý trình Km0+262,00. Kết cấu cống tròn sử dụng ống cống ly tâm, đệm móng cống bằng đá Dmax60mm, hố ga đổ bê tông M200 đá Dmax40mm, tấm đan hố ga đổ BT M250 đá Dmax40mm.
- Xây dựng hoàn trả mương thủy lợi hiện trạng bên trái tuyến KT: (50x70)cm, L=56m kết cấu móng và tường bằng bê tông đổ tại chỗ M200 đá Dmax20mm, chiều dày thành kênh t=12cm. Cách 6m bố trí 1 khe lún giấy dầu tấm nhựa đường, đồng thời bố trí 3 thanh giằng.



Hình 3.1. Vị trí xây dựng cống thoát nước tuyến mương hoàn trả



Hình 3.2. Mặt cắt điển hình xây dựng tuyến mương hoàn trả

Biện pháp thi công, giảm thiểu ngập lụt vào mùa mưa

- Để đảm bảo cho việc thoát nước trong thời gian thi công xây dựng dự án, Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công không thực hiện thi công vào những ngày mưa.
- Ưu tiên tập trung phương tiện và công nhân xây dựng cống ngang và tuyến mương hoàn trả trước khi thi công các hạng mục khác.
- Thi công đến đâu hoàn thiện đến đó.

3.1.2.7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Sự cố cháy nổ

- Trong quá trình thi công phải định kỳ kiểm tra công tác PCCC.

- Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Thông tin, biển báo cho mọi người làm việc, qua lại về mức độ nguy cơ cháy nổ, lối thoát hiểm v.v...

- Cán bộ công nhân viên làm công tác quản lý, vận chuyển bảo quản và sử dụng vật liệu nổ, vật dễ cháy phải được học tập, kiểm tra sát hạch, hiểu biết về quy phạm an toàn vật liệu.

- Tổ chức lực lượng PCCC tại chỗ, giáo dục tuyên truyền và huấn luyện cho CBCNV về công tác PCCC.

- Trang bị đầy đủ các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại các khu vực và được kiểm tra thường xuyên; xây dựng hệ thống bể chứa nước chữa cháy.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.

✚ Biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm tác động của dự án đến tình hình giao thông tại khu vực

Ngăn ngừa nguy cơ lấn chiếm hành lang giao thông, mất an toàn giao thông tại các nút giao

Mục đích là ngăn ngừa nguy cơ các phương tiện thi công lấn chiếm hành lang giao thông và gây ra tình trạng mất an toàn giao thông. Các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- *Bố trí phương tiện thi công và vật liệu đúng vị trí:* không để vật liệu, phương tiện lấn chiếm các đường hiện trạng. Chúng được bố trí tại phần đất của dự án.

- Tổ chức thi công hợp lý tại nút giao:

+ Đặt biển báo công trường thi công, giới hạn tốc độ xe 5km/giờ tại 2 đầu các nút giao và có người trực để điều tiết giao thông.

Các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- *Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý:* không chuyên chở vật liệu trên đường trong giờ cao điểm từ 6h - 8h và 16h - 18h.

- *Làm sạch bánh xe:* các phương tiện vận chuyển trước khi đi vào các đường tỉnh lộ, quốc lộ sẽ được làm sạch bánh xe tại khu vực cung ứng vật liệu.

- *Ngăn ngừa đất rơi vãi:* vật liệu vận chuyển sẽ được để trong các thùng xe có nắp để tránh rơi vãi. Trong trường hợp thùng xe không có nắp sẽ tiến hành phủ bạt. Bạt phủ là loại vải dầu và được buộc chặt ở góc để tránh gió thổi bay.

- Với các tuyến đường địa phương:

+ Không chạy quá tốc độ 25km/h, không chở vật liệu và đá loại vào những khoảng thời gian mật độ lưu thông cao, các ngày lễ hội.

+ Cam kết bảo đảm vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng đường, bảo đảm người dân đi lại bình thường, an toàn và hoàn nguyên như trạng thái ban đầu

trước khi bàn giao cho địa phương.

- Phạm vi áp dụng: các tuyến đường vận chuyển.
- Không tập trung vận chuyển nguyên vật liệu đến công trường trong cùng 01 thời điểm, không tập trung xe vận chuyển nguyên vật liệu dọc các tuyến đường.
- Bố trí thời gian cung cấp nguyên vật liệu tại công trường thi công hợp lý tránh các giờ cao điểm;
- Trang bị các biển báo, đèn chiếu sáng và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và an toàn công trình trước và trong khi thi công, đặc biệt trang bị đèn chiếu sáng vào ban đêm tại là vị trí tiếp giáp như: tuyến đường giáp với dự án.

🚧 Phòng ngừa sự cố mất an toàn giao thông

- Gắn các biển báo giao thông và hạn chế tốc độ khi đi qua khu vực đang thi công.
- Tổ chức phân luồng cho các phương tiện tham gia giao thông tránh tình trạng mất an toàn giao thông, chen lấn.
- Thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định để tổ chức hướng dẫn và giám sát quá trình ứng cứu sự cố khi xảy ra tai nạn giao thông.
- Lập biên bản và báo cáo nguyên nhân gây sự cố.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Bảng 3.21. Nguồn gây ô nhiễm, đối tượng và thời gian bị tác động

Hoạt động của dự án	Nguyên nhân gây ra tác động	Các tác động môi trường	Đối tượng bị tác động	Thời gian tác động
Giao thông trên đường	<ul style="list-style-type: none"> - Khí thải, tiếng ồn của các phương tiện chạy trên đường. - Rác thải do tài xế hoặc hành khách trên xe xả thải bừa bãi trên đường... - Nước mưa chảy tràn khi có mưa to và ngập lụt. 	Ô nhiễm môi trường do khí thải, chất rắn lơ lửng, tiếng ồn, độ rung...	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí; - Sức khỏe người dân. - Làm mất mỹ quan tuyến đường... - Môi trường nước. 	Lâu dài
Sự cố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng ô nhiễm, dầu mỡ, tăng độ đục, 	<ul style="list-style-type: none"> - Người và tài sản. - Sức khỏe 	Tạm thời

Hoạt động của dự án	Nguyên nhân gây ra tác động	Các tác động môi trường	Đối tượng bị tác động	Thời gian tác động
	không đúng quy cách. - Rủi ro tai nạn giao thông.	CTR. - Gây nguy hiểm cho tính mạng của công nhân và nhân dân trong vùng.	cộng đồng. - Môi trường không khí, nước và đất.	

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

✚ Ô nhiễm khí từ các phương tiện giao thông

Khi dự án đi vào hoạt động, sẽ gia tăng lưu lượng các phương tiện qua lại tuyến đường. Đây sẽ là nguồn phát sinh ô nhiễm do khí thải, bụi.

Trong quá trình hoạt động và các phương tiện vận tải này với nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải tương đối lớn chưa cát chất ô nhiễm như NO₂, CO₂, CO, VOC...Nồng độ các khí này phụ thuộc vào mật độ xe và các loại xe chạy qua khu vực các công trình.

✚ Đánh giá tác động đối với môi trường nước

Nguồn phát sinh giai đoạn này chủ yếu là nước mưa chảy tràn. Khi trời mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo đất cát, chất cặn bã...trên mặt đất vào dòng nước làm ảnh hưởng trực tiếp tới dòng nước thải và hệ thống cống thoát nước. Từ đó có thể tác động liên hoàn đến nguồn nước mặt tại kênh mương, nước ngầm và ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh khu vực dự án.

✚ Đánh giá, dự báo tác động do chất thải rắn

Khi tuyến đường đi vào hoạt động, sự tham gia giao thông của con người trên tuyến đường thường kèm theo phát thải CTR như các bao bì đựng đồ ăn, các loại bao bì đựng nguyên vật liệu, các vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển,...

Tuy nhiên, thực tế khối lượng phát thải gần như không có nên các tác động phát sinh là không đáng kể.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn đưa dự án vào hoạt động thì tiếng ồn và độ rung chủ yếu phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông trên đường. Sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người dân hai bên đường, người tham gia giao thông và tác động đến các công trình, kiến trúc do độ rung. Tác động của tiếng ồn, chấn động phụ thuộc vào mức ồn, trọng lượng của từng xe gây ra, lưu lượng giao thông trên đường, tốc độ dòng xe, chất lượng đường, địa hình, công trình kiến trúc hai bên đường.

3.2.1.3. Đánh giá, dự báo tác động không liên quan đến chất thải

✚ Tác động đến tình hình giao thông khu vực

Việc xây dựng tuyến đường sẽ mang lại những tác động tích cực cho giao thông của xã Ân Tường Đông nói chung và của các xã được hưởng lợi nói riêng. Tác động tích cực của dự án đến giao thông khu vực như sau:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ của xã.

- Phục vụ việc đi lại được thuận tiện cho nhân dân trong khu vực kết nối xã Ân Phong và Ân Tường Đông và các vùng phụ cận, giúp kết nối liên kết vùng, nhằm đảm bảo phát triển bền vững đáp ứng cơ bản nhu cầu kết nối giữa các loại đường trong hệ thống giao thông nông thôn.

Tuy nhiên khi tuyến đường đi vào hoạt động cũng gây ra các tác động tiêu cực đến giao thông khu vực: Làm tăng lưu lượng giao thông trên các tuyến đường liên thôn, liên xã.

Tác động đến kinh tế - xã hội

Khi tuyến đường đi vào hoạt động sẽ tăng tính kết nối và tiếp cận giao thông cho các xã. Ngoài ra, tuyến đường góp phần nâng cao hiệu quả trao đổi hàng hóa giữa miền xuôi và miền ngược góp phần phát triển kinh tế.

Tuy nhiên khi dự án đi vào thực hiện cũng phát sinh một số tác động tiêu cực như: Là nơi tụ tập phát sinh nhiều tệ nạn xã hội,...

Tóm lại, so sánh giữa lợi ích và thiệt hại có thể thấy rằng lợi ích mà dự án đem lại là thiết thực và có ý nghĩa. Những tác động tiêu cực trên có thể kiểm soát và khắc phục được.

Đánh giá vấn đề thoát nước khi hình thành dự án

- Dự án bám sát theo hiện trạng tuyến đường cũ, thực hiện nâng cấp mở rộng sang hai bên tuyến. Do đó, cơ bản hướng thoát nước vẫn theo hiện trạng thoát nước ban đầu.

- Hướng thoát nước khu vực hiện trạng theo các tuyến mương nội đồng chày từ Nam ra Bắc và từ Tây sang Đông.

- Hiện nay, khi thực hiện khảo sát dự án, theo ghi nhận ý kiến của người dân địa phương khu vực, chưa ghi nhận ngập lụt tại khu vực và nước mưa vẫn đảm bảo tiêu thoát.

Tác động đến môi trường trong giai đoạn bảo hành công trình

- Bụi và khí độc phát thải từ hoạt động của động cơ xe tạo ra không chỉ bụi lơ lửng mà còn cả các khí độc NO₂, CO, SO₂ và HC.

- Tác động đến môi trường nước: nước mưa chảy tràn trên bề mặt cuốn theo đất cát, cặn bã trên mặt đường vào dòng nước làm ảnh hưởng trực tiếp tới dòng nước và hệ sinh thái khu vực.

- Chất thải rắn thông thường: Khi tuyến đường đi vào hoạt động, sự tham gia giao thông của con người trên tuyến đường thường kèm theo phát thải chất thải rắn như các

bao bì đựng đồ ăn, các loại bao bì đựng nguyên vật liệu, các vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển,...

- Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện tham gia giao thông trên tuyến và máy móc thiết bị sửa chữa hỏng hóc trong giai đoạn bảo hành công trình.

- Ngoài ra còn một số sự cố như sụt lún, hư hỏng đường tuy nhiên Sự cố này có thể được giảm thiểu bằng các biện pháp kỹ thuật, quản lý từ giai đoạn thiết kế và thi công của dự án.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.2.2.1. Đối với nước mưa chảy tràn

- Đường được thiết kế dựa trên cao độ tự nhiên, nên sẽ hạn chế được vấn đề ngập lụt xảy ra.

- Hệ thống thoát nước mưa ngang và cầu bản 6m.

- Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán thiết kế đảm bảo nhu cầu thoát nước mưa một cách nhanh nhất, tránh úng ngập đường.

3.2.2.2. Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Quy định tốc độ cho phép đối với các loại xe.

- Các xe đi vào những đoạn đông dân cư cần phải giảm tốc độ.

- Quy định thời gian hoạt động và tải trọng cho phép đối với một số loại xe.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng giám sát, kiểm tra các phương tiện lưu thông trên đường.

3.2.2.3. Đối với chất thải rắn

- Quy định các xe chở rác, vật liệu xây dựng cần che chắn kỹ trước khi lưu thông trên đường để tránh rơi vãi rác, vật liệu xây dựng trên đường.

- Đơn vị quản lý tuyến đường định kỳ vệ sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh trên đường theo đúng quy định.

3.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

Nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn trong giai đoạn vận hành cần áp dụng các biện pháp sau:

- Đặt các biển báo về hạn chế tốc độ, cấm dùng còi (còi hơi) khi đi qua các vị trí nhạy cảm cao với tiếng ồn và rung động (đặc biệt là các đoạn qua khu dân cư)

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường. Tiến hành nâng cấp mặt đường, hạ độ dốc tại những vùng này để giảm tiếng ồn khi tăng hoặc giảm tốc.

3.2.2.5. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Giáo dục ý thức người dân trong việc tuân thủ luật lệ an toàn giao thông.

- Đường giao thông được xây dựng, cải tạo phù hợp với sự phát triển của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng, độ an toàn của tuyến đường để có biện pháp sửa chữa kịp thời.

3.2.2.6. Giảm thiểu tác động tiêu cực từ dự án đến kinh tế - xã hội

Để tránh xảy ra các tệ nạn xã hội trên tuyến đường, Chủ đầu tư xây dựng các phương án, kế hoạch quản lý chặt chẽ trật tự an ninh xã hội.

- Đề ra nội quy đảm bảo trật tự an toàn tuyến đường.
- Xử lý nghiêm khắc các trường hợp cố tình vi phạm nội quy đã đề ra.
- Phổ biến quán triệt các hộ dân xung quanh nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự trên tuyến đường.

- Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng tập trung các tệ nạn xã hội trên tuyến đường.

- Chủ đầu tư kiến nghị tăng cường cán bộ quản lý an ninh, trật tự tại địa phương. Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân sống trong khu vực hướng tới lối sống lành mạnh.

3.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn bảo hành công trình

- Lắp đặt biển báo giảm tốc độ và các biển báo hiệu đường bộ theo quy định.
- Làm vệ sinh mặt đường.
- Đắp bù phụ những vị trí lề đường, mái taluy bị xói cục bộ, không để ứ đọng nước hay xói lở.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng tuyến đường để có biện pháp xử lý, sửa chữa kịp thời, tránh gây tai nạn giao thông.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 3.22. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Tổ chức thực hiện công trình, biện pháp	Kinh phí thực hiện (đồng)	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn thi công xây dựng			
1.1	- Dùng các tấm che chắn xung quanh bãi tập kết nguyên, vật liệu. - Che chắn xung quanh công trường thi công; - Các phương tiện phủ bạt che chắn không làm rơi vãi nguyên vật liệu ra môi trường.	Đơn vị thi công xây dựng dự án	Tính trong kinh phí xây dựng dự án, do các nhà thầu thực hiện	Trong suốt thời gian thi công xây dựng
1.2	- Phun nước giảm bụi trên công	Đơn vị thi		Trong suốt

TT	Danh mục công tình, biện pháp bảo vệ môi trường	Tổ chức thực hiện công trình, biện pháp	Kinh phí thực hiện (đồng)	Thời gian thực hiện
	trường và trên đường vận chuyển.	công xây dựng dự án		thời gian thi công xây dựng
1.3	- Lập kế hoạch và thực hiện đổ đất thải, chất thải ở đúng vị trí quy định, - Tận dụng tối đa những chất thải có thể tái sử dụng hoặc tái chế. - Thu gom lưu chứa trong các thùng chứa rác kín có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý.	Đơn vị thi công xây dựng dự án		Trong suốt thời gian thi công xây dựng
1.4	Thu gom CTNH, hợp đồng với đơn vị thu gom chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.	Đơn vị thi công xây dựng dự án		Trong suốt thời gian thi công xây dựng
1.5	Sử dụng nhà vệ sinh di động.	Đơn vị thi công xây dựng dự án	Tính trong kinh phí xây dựng của dự án, do các nhà thầu thực hiện	Trong suốt thời gian thi công xây dựng
1.6	- Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực lán trại, trạm trộn. - Thu gom rác thải và ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý CTR sinh hoạt theo quy định.	Đơn vị thi công xây dựng dự án		Trong suốt thời gian thi công xây dựng
II	Giai đoạn vận hành			
2.1	Duy tu, bảo trì tuyến đường luôn đạt chất lượng tốt.	Đơn vị thi công xây dựng dự án	Tính trong kinh phí xây dựng của dự án, do các Nhà thầu thực hiện	Trong thời gian bảo hành công trình (12 tháng kể từ ngày bàn

TT	Danh mục công tình, biện pháp bảo vệ môi trường	Tổ chức thực hiện công trình, biện pháp	Kinh phí thực hiện (đồng)	Thời gian thực hiện
				giao công trình đưa vào sử dụng).

Bảng 3.23. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công tình BVMT

Vai trò	Tổ chức	Trách nhiệm
Chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư	UBND huyện Hoài Ân	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo thực hiện thường xuyên và ứng phó kịp thời sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thi công xây dựng. - Cấp kinh phí để thực hiện công tác BVMT theo kế hoạch quản lý môi trường đã xây dựng. - Giám sát thi công xây dựng và việc thực thi các biện pháp BVMT và an toàn lao động của các Nhà thầu trong giai đoạn thi công. - Tham vấn ý kiến cộng đồng để ghi nhận các ý kiến phản hồi từ phía địa phương về kế hoạch quản lý môi trường.
Các nhà thầu thi công xây dựng	Nhà thầu được chọn bởi chủ đầu tư	<p>Vừa chịu trách nhiệm triển khai xây dựng công trình, vừa trực tiếp thực hiện các biện pháp BVMT và an toàn lao động cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như giảm thiểu ô nhiễm không khí, xử lý nước thải, CTR, các sự cố môi trường, đảm bảo an toàn cho công nhân và người dân trong vùng khi thi công. - Tuân thủ các điều luật trong hợp đồng thầu khoán và các điều luật, chính sách của Nhà nước liên quan đến môi trường. - Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các vấn đề môi trường phát sinh do hoạt động xây dựng dự án.
Tư vấn giám sát độc lập	Nhà thầu được chọn bởi chủ đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Được Chủ đầu tư thuê để giám sát các hoạt động thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường. - Tư vấn, hỗ trợ cho các Nhà thầu trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự

báo

Chúng tôi đã sử dụng kết hợp các phương pháp đánh giá như: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích mẫu môi trường, phương pháp so sánh các QCVN hiện hành,... sử dụng các nguồn dữ liệu, số liệu từ các dự án khác có tính tương đồng về mức độ ảnh hưởng đến môi trường, thu thập các nguồn thông tin và từ kinh nghiệm chuyên môn của cơ quan tư vấn, thông tin từ các văn bản pháp luật có liên quan, trên cơ sở đó phân loại theo nguyên nhân các tác nhân gây tác động môi trường, nguyên nhân gây ra các sự cố môi trường để có cơ sở đánh giá các tác động môi trường một cách khách quan, chặt chẽ và đưa ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể, phù hợp cho từng nguồn tác động. Các nguồn dữ liệu, số liệu, các tài liệu tham khảo sử dụng trong báo cáo có nguồn gốc rõ ràng nên công tác đánh giá tác động môi trường có mức độ chi tiết và tin cậy cao.

Các phương pháp sử dụng trong báo cáo là những phương pháp đã được áp dụng từ lâu, mức độ tin cậy của các phương pháp được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.24. Các phương pháp sử dụng trong báo cáo

STT	Phương pháp ĐTM	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp khảo sát thực địa	Cao	Quan sát thực tế hiện trường để đánh giá, giá trị tương đối chính xác
2	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	Cao	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích phổ biến hiện nay. - Dựa vào phương pháp lấy mẫu theo tiêu chuẩn.
3	Phương pháp thống kê	Cao	Dựa vào số liệu thống kê chính thức của tỉnh và tình hình KT-XH của khu vực khi thực hiện dự án thông qua báo cáo hàng năm của địa phương
4	Phương pháp liệt kê mô tả	Cao	Liệt kê được các tác động tích cực và tiêu cực của dự án gây ra. Đã mô tả và đánh giá được mức độ các tác động xấu lên cùng một nhân tố và chỉ ra những điểm cần khắc phục khi thực hiện dự án.
5	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập nên chưa mang tính thực tế.
6	Phương pháp so sánh	Cao	Dựa vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan khác.
7	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Kế thừa các kết quả đánh giá của các báo cáo được cơ quan có thẩm quyền

STT	Phương pháp ĐTM	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
			đã thẩm định.
8	Phương pháp tham vấn	Cao	Dựa trên biên bản họp tham vấn và văn bản trả lời ý kiến cộng đồng của UBND xã Ân Tường Đông.
9	Phương pháp tổng hợp	Cao	Dựa trên với những số liệu, kết quả, quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành để đưa ra các biện pháp tối ưu nhất cho việc BVMT của dự án.

Như vậy, công cụ và các phương pháp được sử dụng để đánh giá tác động môi trường là các phương pháp phổ biến nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác, khoa học và khách quan về các tác động môi trường có thể xảy ra trong từng giai đoạn, cho từng đối tượng. Độ chính xác và tin cậy của các phương pháp này tương đối cao.

Chương 4

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc loại hình dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Do vậy, dự án sẽ không thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương 5

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chương trình QLMT nhằm đảm bảo kiểm soát các tác động môi trường và giảm thiểu mức thiệt hại, mục tiêu của công tác giám sát môi trường là:

- Kiểm tra độ chính xác của công tác dự báo các tác động và thực hiện giảm thiểu các tác động bất lợi.

- Đảm bảo biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện trong các giai đoạn của dự án là có hiệu quả.

- Phát hiện các tác động mới phát sinh và có biện pháp giảm thiểu kịp thời.

QLMT đối với các dự án là tuân thủ theo pháp luật BVMT của Việt Nam, mỗi tác động và mỗi loại dự án thì có nội dung quản lý môi trường khác nhau. Dựa trên các hoạt động xây dựng dự án, các tác động đến môi trường và các vấn đề về BVMT trong các giai đoạn chuẩn bị thi công dự án, thi công xây dựng dự án, vận hành dự án. Chương trình QLMT của dự án có nội dung được xây dựng theo các chương 1 đến chương 3 trong báo cáo. Chương trình QLMT dự án gồm cơ cấu tổ chức thực hiện, tóm tắt biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và kế hoạch thực hiện.

Chương trình QLMT mô tả các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp giảm thiểu và quan trắc cần thiết nhằm phòng ngừa, giảm bớt, cải thiện hoặc đền bù cho các tác động xấu đến môi trường và xã hội. Kế hoạch QLMT cũng được kết nối với một loạt các kế hoạch chi tiết được xây dựng và hoàn thiện trước mỗi giai đoạn tương ứng của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.1. Tổng hợp chương trình QLMT

Giai đoạn	Hoạt động của dự án	Tác động môi trường	Công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Thi công xây dựng	Quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu, máy móc, thiết bị	<ul style="list-style-type: none">- Phát sinh lượng bụi, khí thải.- Tăng nguy cơ hư hỏng các tuyến đường vận chuyển.- Rủi ro, giao thông.	<ul style="list-style-type: none">- Vật liệu được lấy từ các mỏ vật liệu đã được cấp phép.- Phương tiện chở đúng trọng tải, đi đúng tốc độ cho phép, các phương tiện chở vật liệu phải được che chắn cẩn thận.- Cấm biển báo tại	Thời gian thi công dự án

Giai đoạn	Hoạt động của dự án	Tác động môi trường	Công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
			<p>các tuyến đường vào dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết sửa chữa tuyến đường hư hỏng nếu do quá trình vận chuyển của dự án 	
	Quá trình vận chuyển đất đắp, đổ thải	<ul style="list-style-type: none"> - Phát sinh lượng bụi, khí thải. - Tăng nguy cơ hư hỏng các tuyến đường vận chuyển 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch thời gian vận chuyển rõ ràng, có sổ theo dõi vận chuyển ra vào công trường. - Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo chở đúng trọng tải, có biện pháp che chắn tránh hiện tượng rơi vãi xuống đường. - Hạn chế vận chuyển vào các thời gian cao điểm tại khu vực. - Cam kết sửa chữa tuyến đường hư hỏng nếu do quá trình vận chuyển của dự án. 	Thời gian thi công dự án
	Quá trình thi công các hạng mục	Phát sinh bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> - Vào các ngày nắng lớn, có gió phải tiến hành phun ẩm nhằm hạn chế lượng bụi phát tán xung quanh. - Cấm biển thông tin, thời gian tiến hành xây dựng tại khu vực thực hiện dự án để người dân được biết. - Giảm tần suất thi công, hạn chế nhiều máy móc hoạt động 	Thời gian thi công dự án

Giai đoạn	Hoạt động của dự án	Tác động môi trường	Công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
			<p>trong một thời điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thổi bụi tại khu vực đồng ruộng khi lúa đang làm đồng. 	
		Phát sinh CTR xây dựng	<p>Khối lượng CTR xây dựng sẽ được thu gom vào mỗi cuối ngày, các loại gạch, đá vỡ sẽ được tập kết vận chuyển đi đổ thải, còn sắt, thép sẽ được bán cho cơ sở thu mua phế liệu.</p>	
		Phát sinh CTNH	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại tại gần khu vực lán trại, có mái che. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ. 	
		Có nguy cơ xảy ra, rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nội quy an toàn lao động. - Có đội ngũ giám sát an toàn lao động trong quá trình xây dựng. 	
	Quá trình sinh hoạt của công nhân	Phát sinh lượng nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh di động.	Thời gian thi công dự án
		Phát sinh CTR sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí thùng chứa CTR thông thường đặt gần khu vực lán trại. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, xử lý định kỳ. 	

Giai đoạn	Hoạt động của dự án	Tác động môi trường	Công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Giai đoạn hoạt động	Hoạt động của phương tiện tham gia giao thông và khi có mưa lớn	Nước mưa chảy tràn trên tuyến đường	Có các công trình thoát nước.	Suốt thời gian hoạt động dự án
		Bụi, khí thải	Quy định tốc độ, tải trọng cho phép đối với từng loại xe.	
		CTR	- Quy định các xe chở rác, vật liệu xây dựng cần che chắn kỹ trước khi lưu thông trên đường để tránh rơi vãi rác, vật liệu xây dựng trên đường. Đơn vị quản lý tuyến đường định kỳ vệ sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh trên đường theo đúng quy định.	

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

5.2.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý CTR, CTNH theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý CTR, CTNH có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

Không thực hiện.

Chương 6

KẾT QUẢ THAM VẤN

I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN (theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Do vậy, dự án không phải thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và môi trường, các tổ chức chuyên môn theo quy định.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Qua phân tích và đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng môi trường, các tác động tiêu cực và tích cực của dự án đối với môi trường, KT-XH cũng như các giải pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm của dự án “Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Dèo giáp đường ĐT638” chúng tôi nhận thấy:

- Báo cáo ĐTM đã nhận dạng và đánh giá được tất cả những tác động do hoạt động của dự án đến môi trường. Báo cáo cũng đã đề xuất các biện pháp giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường; các biện pháp này mang tính khả thi cao, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của dự án.

- Qua điều tra, khảo sát; nhìn chung hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án về cơ bản tốt, đảm bảo chất lượng môi trường cho thi công và hoạt động dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, xây dựng và trong giai đoạn hoạt động của dự án sẽ gây tác động xấu đến môi trường khu vực như:

- + Làm biến động điều kiện sinh sống của một số hộ dân tại khu vực (thay đổi điều kiện và phương tiện kiếm sống...).

- + Tạo nên sự mất ổn định về an ninh trật tự xã hội tại khu vực do sự gia tăng và tập trung dân số, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt của người dân tại địa phương.

- + Mật độ các loại phương tiện giao thông vận tải trong khu vực tăng lên sẽ làm cho đường sá mau hỏng, ảnh hưởng đến vấn đề đi lại của nhân dân và tai nạn giao thông cũng có nguy cơ gia tăng.

- + Gây ô nhiễm môi trường tại khu vực do bụi, khói thải, nước thải và chất thải rắn.

- + Tuy nhiên, những tác động này có thể kiểm soát và khắc phục được bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật như đã đề xuất trong báo cáo ĐTM này.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với cơ quan quản lý môi trường trong tỉnh Bình Định phối hợp cùng với UBND huyện Hoài Ân thường xuyên theo dõi giám sát mọi hoạt động của dự án nhằm quản lý và phát hiện kịp thời các sự cố, rủi ro để hạn chế tới mức thấp nhất các tác động có hại của dự án tới sức khỏe con người và môi trường.

3. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT.

- Cam kết hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường địa phương nếu bị hư hỏng trong giai đoạn thi công của dự án.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong Báo cáo ĐTM của dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động thi công xây dựng và các hoạt động khác trên các khu vực dự án.
- Cam kết niêm yết, công khai thông tin kế hoạch quản lý môi trường của dự án tại trụ sở xã Ân Tường Đông để người dân biết, theo dõi và kiểm tra.
- UBND huyện Hoài Ân sẽ yêu cầu đơn vị thi công cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường khu vực được nêu trong báo cáo khi được phê duyệt. Hoàn thành đúng mục tiêu, đúng an toàn kỹ thuật quy định.
- UBND huyện Hoài Ân cam kết yêu cầu và giám sát Đơn vị thi công hợp đồng với các đơn vị có đủ năng lực cung cấp vật liệu xây dựng như đất, cát, đá,... phục vụ dự án và các đơn vị này đã được các cơ quan chức năng cấp phép khai thác đầy đủ. Vấn đề này sẽ được đưa vào điều kiện thực hiện trong hợp đồng thi công xây dựng giữa Chủ dự án với các Nhà thầu. Yêu cầu đơn vị thi công cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường địa phương về các vấn đề môi trường phát sinh. Đồng thời yêu cầu và giám sát các Nhà thầu thi công khắc phục các rủi ro môi trường xảy ra và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do việc triển khai, hoạt động của dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Bank. Environmental assessment sourcebook, Volume II, Sectoral Guidelines, Environment, 8/1991.
2. Phạm Ngọc Đăng, 1997. Môi trường không khí. NXB KHKT, 1997.
3. Trần Ngọc Chấn, 1999. Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải. Tập 1: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 1999.
4. Lê Thạc Cán (1993). Đánh giá tác động môi trường: Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Trần Đức Hạ. Giáo trình quản lý môi trường nước. NXB Khoa học kỹ thuật. Hà Nội, 2002.
6. Niên giám thống kê tỉnh Bình Định.
7. Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

PHỤ LỤC

1. Bản sao các văn bản pháp lý của dự án.
2. Bản sao các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện.
3. Bản vẽ thiết kế cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật.
4. Bản sao các văn bản của Chủ dự án gửi lấy ý kiến tham vấn và văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến.
5. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt chủ trương đầu tư

Công trình: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Đeo giáp đường ĐT638

Địa điểm xây dựng: Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài An về dự kiến danh mục và kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 và giao Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt chủ trương đầu tư công các dự án nhóm C;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 233/TTr-TCKH ngày 27/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Đeo giáp đường ĐT638, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng mới nút giao thông từ cầu Bến Đeo giáp đường ĐT638.

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: UBND huyện Hoài An.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài An.

4. Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện Hoài An.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài An.

6. Sự cần thiết đầu tư: Tuyến đường Ân Phong đi Ân Tường Đông đã được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp IV đồng bằng, bề rộng nền đường 9m, bề rộng mặt đường 7m. Với điểm đầu giáp tuyến ĐT.630 thuộc thị trấn Tăng Bạt Hổ và điểm cuối giáp ĐT638 thuộc xã Ân Tường Đông. Tuy nhiên nút

giao thông cuối tuyến chưa xây dựng nâng cấp, mở rộng vì vướng công tác GPMB bề rộng nền đường chỉ có 5,5m và bán kính nhỏ không đảm bảo tầm nhìn, gây mất an toàn giao thông cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên tuyến do đó việc đầu tư xây dựng nút giao thông là cần thiết và cấp bách.

7. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nút giao thông từ cầu Bến Dẻo đến giáp ĐT638 nhằm kết nối đồng bộ về mặt kỹ thuật với các công trình lân cận. Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giảm thiểu tai nạn giao thông.

8. Quy mô xây dựng:

a. *Nền, mặt đường*: Tiêu chuẩn kỹ thuật: Xây dựng tuyến theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng và đôi (TCVN 4054 – 2005).

- Tốc độ thiết kế : V = 60km/h

- Chiều dài tuyến khoản : L = 266m

- Bề rộng nền đường : Bn = 9,0m

- Bề rộng mặt đường : Bm = 7,0m

- Độ dốc ngang mặt đường : im = 2%

- Bề rộng lề đường : Bn = 2x1 = 2,0m

- Độ dốc ngang lề đường : il = 4%.

- Phương án thiết kế: Nền đường đắp bằng đất cấp phối đôi đầm chặt K95, mặt đường lu tăng cường khuôn đường đạt K98, lót giấy dầu, đổ BTXM mặt đường M300, đá 2x4.

b. *Công trình thoát nước*: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc, ngang đảm bảo tải trọng khai thác và khẩu độ thiết kế.

c. *Công trình phụ trợ*: Bố trí cọc tiêu, biển báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

10. Dự kiến Tổng mức đầu tư:

Tổng số:	3.786.283.000	đồng
- Chi phí GPMB (TT):	1.600.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	1.700.000.000	đồng
- Chi phí QLDA:	53.256.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	186.794.000	đồng
- Chi phí khác:	25.190.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	221.043.000	đồng

11. Nguồn vốn thẩm định: Ngân sách Huyện năm 2023 – 2024 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Phân kỳ đầu tư:

Nguồn vốn	Ngân sách Huyện năm 2023 – 2024 và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng)
Tổng số	3.786.283.000
Năm 2023	2.000.000.000
Năm 2024	1.786.283.000

13. Hình thức quản lý công trình: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý công trình.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình nêu tại **Điều 1**.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ Tầng, Giám đốc Ban quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

Nguyễn Hữu Khúc

 KHAI THỊNH	CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH Khai Thinh Environment Technology Trading & Services	Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM ĐT: 028.37266960 - 0962740584 www.moltruongkhaiithinh.com
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 31/08/2024
24080934KQ1		
1. Đơn vị yêu cầu:	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TỔNG HỢP HB Địa chỉ: 111 Ngô Gia Tự, P. Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	
2. Địa điểm lấy mẫu:	DỰ ÁN XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ CẦU BÊN ĐÈO GIÁP ĐƯỜNG ĐT638 Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	
3. Tên mẫu:	Nước mặt	
4. Số lượng mẫu:	01 mẫu	
5. Ngày lấy mẫu:	24/08/2024	
6. Thời gian thử nghiệm:	07 ngày	
7. Kết quả thử nghiệm:	xem các trạng kèm theo	
ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM  PHAN THỊ HÀ THU		GIÁM ĐỐC   HUỲNH CHÂU QUÍ
Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco Kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích		

24080934KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 31/08/2024

1. NƯỚC MẶT

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NMI
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,21
2	TSS ^(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	31
3	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	6
4	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	14
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,25
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(*)	SMEWW 4500-P.E:2017	mg/l	0,19
7	Tổng dầu, mỡ ^(*)	SMEWW 5520B:2017	mg/l	KPH MDL=0,3
8	Coliform ^(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.100

Ghi chú:

(*) : Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

NMI: Nước mương hiện trạng tại Km0+205. Tọa độ: X=1582454; Y=578656

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Etecho

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

 KHAI THINH	CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG KHAI THỊNH Khai Thinh Environment Technology Trading & Services	Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM ĐT: 028.37266960 - 0962740584 www.moitruongkhaihinh.com
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 31/08/2024

24080935KQ1

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TỔNG HỢP HB**
Địa chỉ: 111 Ngô Gia Tự, P. Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
- Địa điểm lấy mẫu: **DỰ ÁN XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỬ CẦU BÊN ĐÈO
GIÁP ĐƯỜNG ĐT638**
Xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
- Tên mẫu: Không khí
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 24/08/2024
- Thời gian thử nghiệm: 07 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**


PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC


HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
 Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. Không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
 Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24080935KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 31/08/2024

1. KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN	QCVN	Kết quả thử nghiệm
				26:2010 /BTNMT	05:2023 /BTNMT	
1	Tốc độ gió ^(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	-	-	0,6
2	Tiếng ồn ^(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	70	-	59,6
3	NO ₂ ^(*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	-	0,2	0,055
4	SO ₂ ^(*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	-	0,35	0,049
5	CO ^(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	-	30	< 9
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	-	0,3	0,16

Ghi chú: (*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

KK1: Khu dân cư hiện trạng phía Nam dự án. Tọa độ: X=1582465; Y=578632



Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Ertoteco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ CẦU BẾN
ĐỂ GIÁP ĐƯỜNG ĐT.638

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ AN TƯỜNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ: UBND HUYỆN HOÀI AN

ĐẠI DIỆN CĐT: BAN QLDAĐT XD & PTQĐ HUYỆN HOÀI AN

ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY TNHH TVXD TRƯỜNG THÀNH

BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN HOÀI AN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Hoài An, Ngày... tháng... năm...

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TANG HỒI
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Văn Bản Số: 179/KT & K
Ngày 16 tháng 5 năm 2024
Lsh

TẬP 1: BẢN VẼ KHẢO SÁT

QUI NHƠN, NĂM 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HOÀI AN
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Văn Bản Số:.....KT & KTT
Ngày.....tháng.....năm.....
Leh

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI NÚT GIAO THÔNG TỪ CẦU BẾN ĐÈO GIÁP ĐƯỜNG ĐT.638
ĐỊA ĐIỂM: XÃ AN TƯỜNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN HOÀI AN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Hoài An, Ngày.....tháng.....năm.....

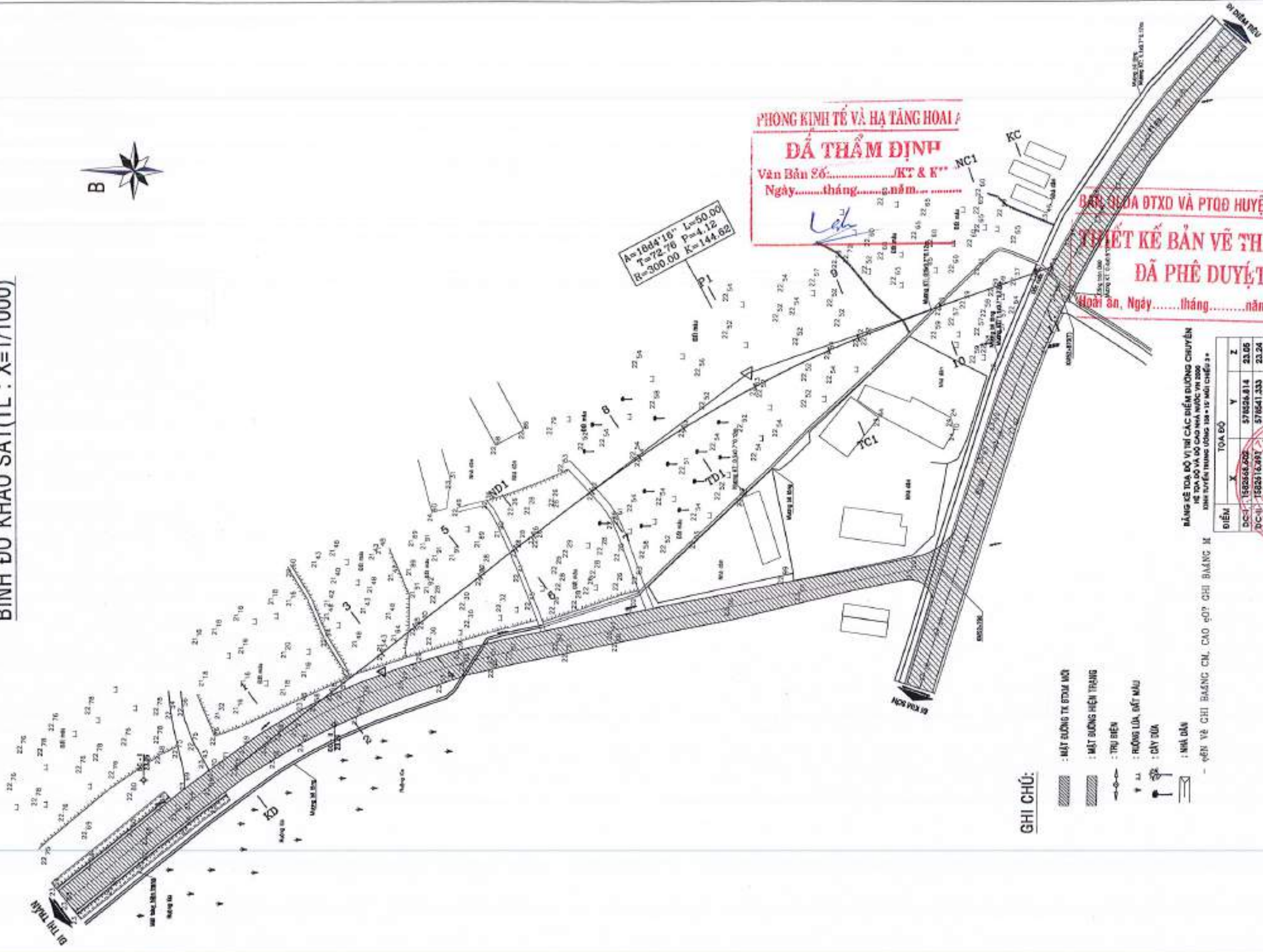
CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD & PTQĐ HOÀI AN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVXD TRƯỜNG THÀNH

CHIAM ĐOC
CÔNG TY
T.N.H.H
TƯ VẤN XÂY DỰNG
TRƯỜNG THÀNH
Đường Ngọc Luận

QUI NHƠN, NĂM 2024

BÌNH ĐỒ KHẢO SÁT(TL : X=1/1000)



A=1864'16" L=50.00
T=72.76 P=4.12
R=300.00 K=144.62

PHONG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HOÀI AN
ĐÁ THẨM ĐỊNH
Văn Bản Số:...../KT & F"
Ngày.....tháng.....năm.....

BAN QUẢN LÝ ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN HOÀI AN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Hoài An, Ngày.....tháng.....năm.....

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM ĐƯỜNG CHUYÊN
HỆ TOạ ĐỘ VÀ ĐỘ CAO NHÀ NƯỚC VN 2000
SỐM TUYẾN TRUNG ƯƠNG 100 * 10 MỐI CHIỀU 3 *

ĐIỂM	X	Y	Z
DC-1	158256.602	576526.814	23.05
DC-2	158251.6497	576541.333	23.24



GHI CHÚ:

- : MẶT ĐƯỜNG TỈ ĐỘM MỖI
- : MẶT ĐƯỜNG HẸN TRƯNG
- : TRỤ BIÊN
- : RỘNG LỬA, BẮT MẮU
- : CÂY ĐỪA
- : NHÀ DẪN

- YÊN VÀ CHI BẮNG CM, CAO 60? CHI BẮNG M

CHỦ ĐẦU TƯ UBND HUYỆN HOÀI AN ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DA ĐTXD& PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT	TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH TVXD TRƯỜNG THÀNH	CHỨC DANH TÊN ĐƠN VỊ	HỌ TÊN CHỨC VỤ CHỮ KÝ	HỌ TÊN CHỨC VỤ CHỮ KÝ	HỌ TÊN CHỨC VỤ CHỮ KÝ
		TÊN ĐƠN VỊ	TÊN ĐƠN VỊ	TÊN ĐƠN VỊ	TÊN ĐƠN VỊ

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỘT SỐ QUẢN THỐNG TỰ CẤP RẪN ĐỂ GIÁP ĐƯỜNG ĐT&B
 SỬA ĐEM XÂY DỰNG: XÂY DỰNG TƯỜNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

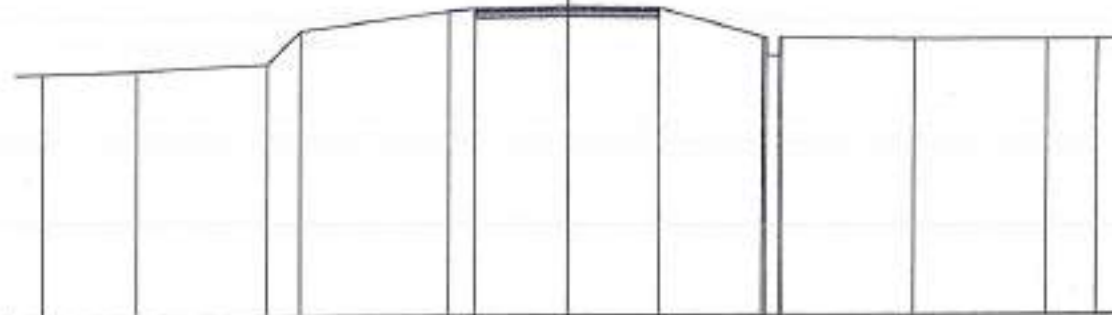
ĐAN QLDA ĐTXD VÀ PTQH HUYỆN HOÀI AN

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Hoài An, Ngày.....tháng.....năm.....

Cọc:KD
Km:0+00



Cao độ thiết kế													
Khoảng cách lề thiết kế													
Cao độ thiên nhiên	21.20	21.30	21.52	22.76	23.50	23.58	23.65	23.58	22.48	22.48	22.40	22.40	22.40
Khoảng cách mìa	3.61	5.00	1.20	5.69	1.00	3.50	3.50	3.90	0.00	5.00	5.00	1.86	

Cọc:2
Km:0+32.90



Cao độ thiết kế													
Khoảng cách lề thiết kế													
Cao độ thiên nhiên	21.16	21.16	21.15	21.16	21.15	23.46	23.38	23.57	23.30	22.48	22.48	22.38	22.38
Khoảng cách mìa	2.00	5.00	5.00	5.00	1.20	1.80	0.72	8.20	3.15	0.00	5.00	2.19	

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HOÀI AN

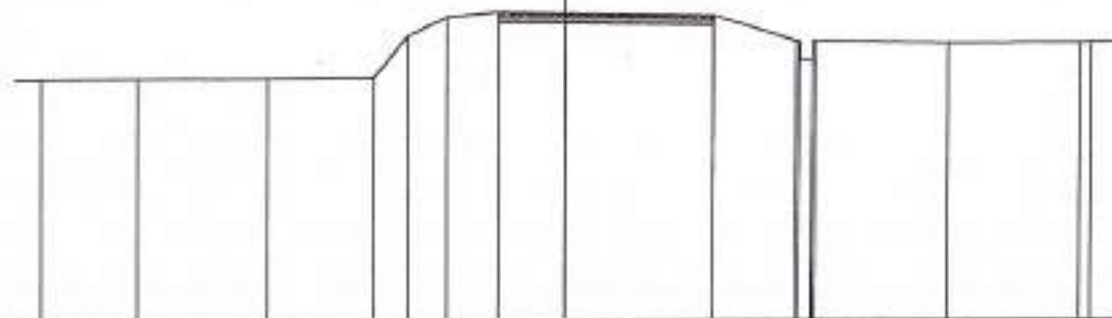
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Văn Bản Số:...../KT & K"

Ngày.....tháng.....năm.....

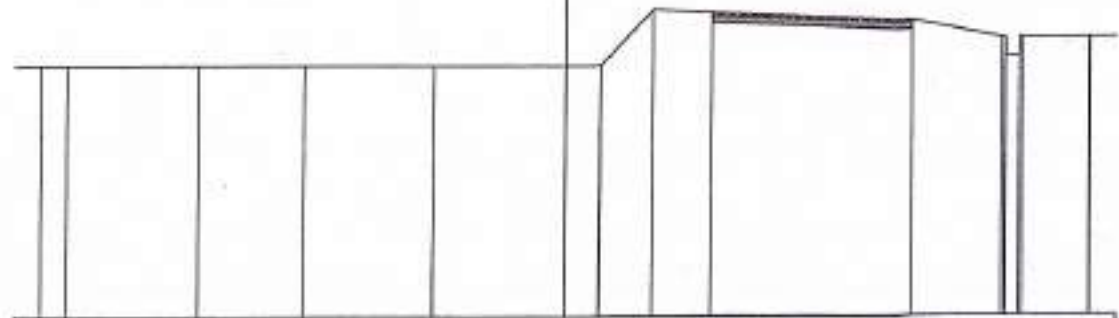
Lds

Cọc:1
Km:0+14.94



Cao độ thiết kế													
Khoảng cách lề thiết kế													
Cao độ thiên nhiên	21.17	21.16	21.15	21.16	22.73	23.43	23.60	23.56	23.45	22.48	22.48	22.40	22.42
Khoảng cách mìa	3.70	5.00	4.00	1.30	1.50	2.00	2.50	5.70	3.15	0.00	5.00	5.00	0.00

Cọc:3
Km:0+50.19



Cao độ thiết kế													
Khoảng cách lề thiết kế													
Cao độ thiên nhiên	21.41	21.41	21.43	21.43	21.42	21.43	21.43	23.52	23.40	22.42	22.42	22.41	22.41
Khoảng cách mìa	1.00	5.00	4.00	5.00	5.00	1.30	2.00	2.20	3.50	0.00	2.56		



BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQH HUYỆN HOÀI ÂN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DÃ PHÊ DUYỆT

Hoài Ân, Ngày.....tháng.....năm.....

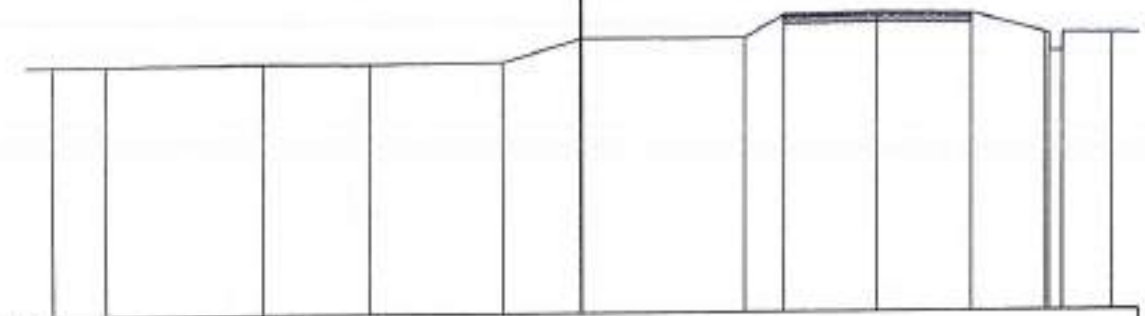
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TANG HOÀI ÂN

DÃ THẨM ĐỊNH

Văn Bản Số:...../KT & K" "
 Ngày.....tháng.....năm.....

Lưu

Cọc:4
 Km:0+61.77



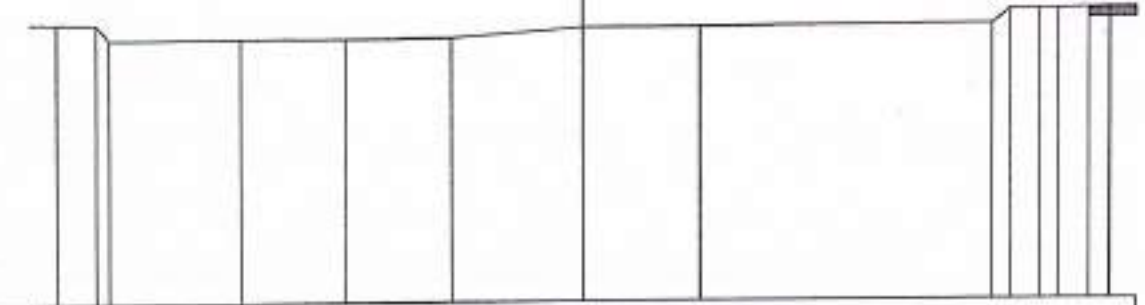
Cao độ thiết kế													
Khoảng cách lẻ thiết kế													
Cao độ thiên nhiên	21.43	21.44		21.46	21.43	21.48	22.38	22.35	23.20	23.27	23.20	22.45	22.45
Khoảng cách mìa	2.00	6.00	4.00	5.00	3.00	6.20	1.50	3.50	3.50	2.80	0.88	0.88	0.88

Cọc:6
 Km:0+96.85



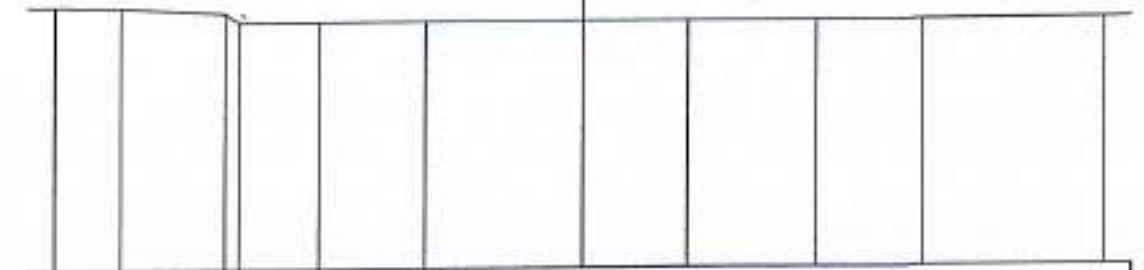
Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.50	22.45	22.40	22.39	22.38	22.30	22.28	22.29	22.30	22.26
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	6.00	4.00	3.00	4.00	6.00	5.00	2.00	2.00

Cọc:5
 Km:0+84.20



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.52	22.49	21.90	21.91	21.90	21.91	22.29	22.30	22.32	22.88
Khoảng cách mìa	1.50	5.00	4.00	4.00	5.00	4.50	11.00	0.70	1.10	0.74

Cọc:ND1
 Km:0+102.57



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.82	22.80	22.60	22.24	22.26	22.25	22.26	22.25	22.26	22.26
Khoảng cách mìa	2.50	4.00	3.00	4.00	6.00	4.00	5.00	4.00	7.00	7.00

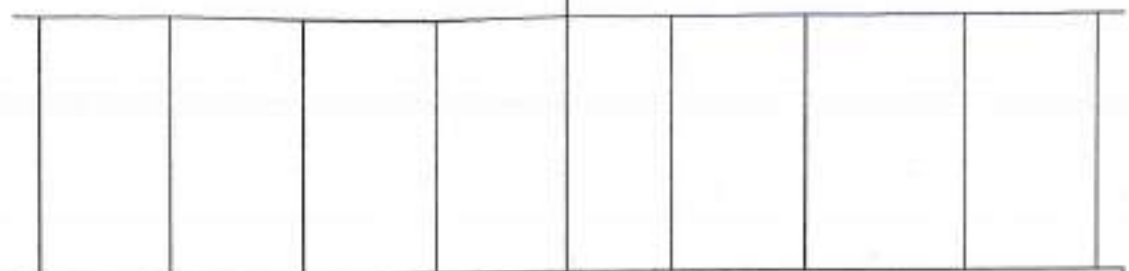


BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQD HUYỆN HOÀI AN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Hoài An, Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HOÀI AN
ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Văn Bản Số:...../KT & KTT
 Ngày.....tháng.....năm.....

Cọc:7
 Km:0+122.57

R=300.0
 t=-0.40%
 p=-2.00%
 q=0.00



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.80	22.78	22.60	22.50	22.62	22.60	22.62	22.64	22.67	
Khoảng cách mìn	5.00	5.00	5.00	5.00	4.00	5.00	6.00	5.00		

Cọc:TD1
 Km:0+152.57

R=300.0
 t=-2.00%
 p=-2.00%
 q=0.00



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.55	22.54	22.53	22.50	22.40	22.52	22.53	22.54	22.52	22.55
Khoảng cách mìn	3.00	4.00	5.00	4.50	3.50	5.00	5.00	5.00	5.00	

Cọc:8
 Km:0+138.32

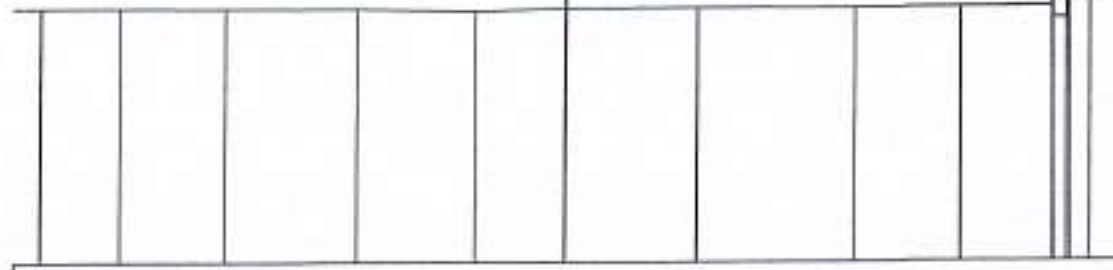
R=300.0
 t=-0.86%
 p=-2.00%
 q=0.00



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.55	22.54	22.53	22.50	22.40	22.54	22.53	22.54	22.52	22.55
Khoảng cách mìn	3.00	4.00	5.00	4.50	3.50	5.00	5.00	5.00	5.00	

Cọc:P1
 Km:0+174.88

R=300.0
 t=-2.00%
 p=-2.00%
 q=0.00



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ thiên nhiên	22.55	22.54	22.53	22.50	22.40	22.53	22.54	22.53	22.53	22.54
Khoảng cách mìn	3.00	4.00	5.00	4.50	3.50	5.00	6.00	4.00	3.50	22.80

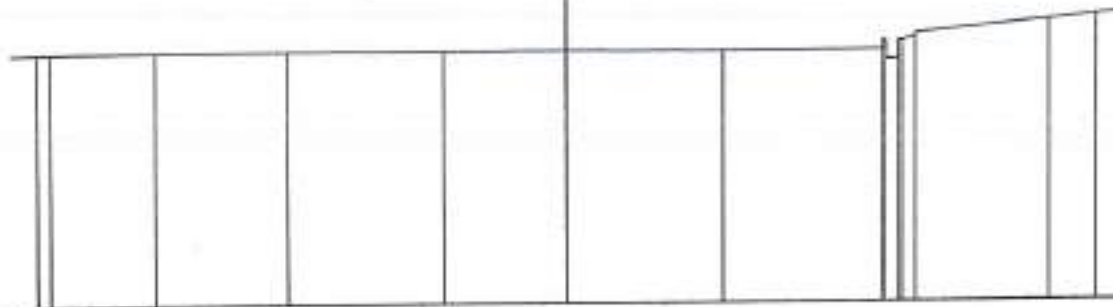
CÔNG TY
 T.N.H.H
 TƯ VẤN XÂY DỰNG
 TRƯỜNG THÀNH
 TP QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Hoài An, Ngày.....tháng.....năm.....

Cọc:TC1
Km:0+197.19

$R=300.0$
 $i=1.50\%$
 $p=2.00\%$
 $w=0.00$



Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ thiên nhiên	22.53	22.53	22.54	22.53	22.52	22.54	22.51	22.52	22.52	22.52	23.60	23.78
Khoảng cách mìa	1.00	4.00	5.00	6.00	4.50	6.00	6.00	0.00	0.00	5.00	1.76	

Cọc:10
Km:0+229.69

$R=300.0$
 $i=1.50\%$
 $p=2.00\%$
 $w=0.00$



PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HOÀI AN
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Văn Bản Số:...../KT & KTT
Ngày.....tháng.....năm.....
Luôn

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ thiên nhiên	22.65	22.65	22.64	22.65	22.60	22.53	22.57	22.59	22.58	24.20	24.20	
Khoảng cách mìa	1.00	5.00	5.00	5.00	4.00	5.00	5.00	6.30	0.00	3.70		

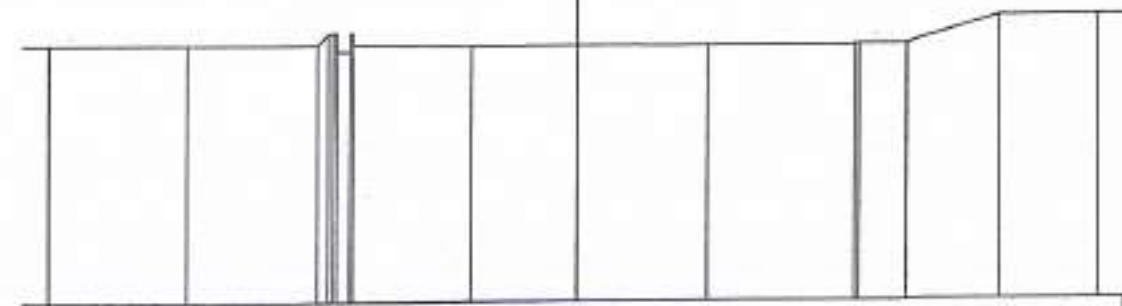
Cọc:9
Km:0+205.73

$R=300.0$
 $i=1.50\%$
 $p=2.00\%$
 $w=0.00$



Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ thiên nhiên	22.52	22.53	22.54	22.53	22.52	22.52	22.50	22.52	22.52	23.60	24.00	24.05
Khoảng cách mìa	3.50	3.50	4.00	5.00	4.00	4.50	4.80	0.00	0.00	5.00	4.00	0.36

Cọc:NC1
Km:0+247.19



Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ thiên nhiên	22.65	22.64	22.65	22.65	22.57	22.59	22.58	22.63	23.61	23.63		
Khoảng cách mìa	5.27	5.00	5.00	4.39	4.00	5.00	0.00	0.00	3.40	3.68		

CÔNG TY
T.N.T.H
TƯ VẤN XÂY DỰNG
* * *